

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

PHẠM THỊ THU HIỀN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

SỬ DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC VÀO
DẠY HỌC CHƯƠNG 2. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1918
ĐẾN NĂM 1945 (MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9)

Mã sinh viên: 2652490032

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lý

NINH BÌNH, 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

PHẠM THỊ THU HIỀN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

SỬ DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC VÀO
DẠY HỌC CHƯƠNG 2. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1918
ĐẾN NĂM 1945 (MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9)

Mã sinh viên: 2652490032

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lý

Người hướng dẫn: ThS. Lê Thị Huệ

NINH BÌNH, 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những kết quả trong đề tài khóa luận “Sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học chương 2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (môn Lịch sử và Địa lí 9)” là quá trình nghiên cứu tìm hiểu cá nhân của tôi dưới sự hướng dẫn của giảng viên - ThS. Lê Thị Huệ. Tôi xin cam đoan rằng tôi không sao chép ở bất cứ tài liệu tương tự mà khóa luận được trình bày dựa trên quan điểm cá nhân của tôi. Trong quá trình nghiên cứu, những nguồn tài liệu được sử dụng đảm bảo có nguồn gốc rõ ràng, xuất xứ cụ thể và được trích dẫn đúng theo quy định. Nếu phát hiện bất kỳ sự gian lận và sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của Nhà trường.

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

Sinh viên

Phạm Thị Thu Hiền

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. Họ và tên người hướng dẫn: ThS. Lê Thị Huệ
2. Đơn vị: Khoa Sư phạm Trung học
3. Họ và tên sinh viên: Phạm Thị Thu Hiền
4. Mã sinh viên: 2652490032
5. Khoa: Sư phạm Trung học
6. Tên đề tài khóa luận: Sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học chương 2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (môn Lịch sử và Địa lí 9).

Tôi xác nhận rằng tôi đã trực tiếp hướng dẫn sinh viên Phạm Thị Thu Hiền thực hiện khóa luận tốt nghiệp và đồng ý cho sinh viên Phạm Thị Thu Hiền được phép bảo vệ đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học mà sinh viên đã thực hiện.

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

Người hướng dẫn

ThS. Lê Thị Huệ

BẢNG CÁC KÍ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Nội dung đầy đủ
1	CB	Chủ biên
2	ĐC	Đối chứng
3	GV	Giáo viên
4	HS	Học sinh
5	NXB	Nhà xuất bản
6	PPDH	Phương pháp dạy học
7	PPDHLS	Phương pháp dạy học lịch sử
8	THCS	Trung học cơ sở
9	TN	Thực nghiệm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ, BẢN MÔ TẢ	vii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	5
NỘI DUNG	6
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC SỬ DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THCS	6
1.1. Cơ sở lý luận	6
1.1.1. Một số quan niệm cơ bản	6
1.1.1.1. Phương pháp dạy học	6
1.1.1.2. Kỹ thuật dạy học	7
1.1.2. Yêu cầu việc sử dụng kỹ thuật dạy học trong dạy học	10
1.1.3. Vai trò của việc sử dụng kỹ thuật trong dạy học lịch sử.....	11
1.1.4. Một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học lịch sử	12
1.1.4.1. Kỹ thuật mảnh ghép	12
1.1.4.2. Kỹ thuật sơ đồ tư duy.....	15
1.1.4.3. Kỹ thuật 5W1H	18
1.1.4.4. Kỹ thuật dạy học theo nhóm	21
1.1.4.5. Kỹ thuật dạy học dự án	26
1.1.4.6. Kỹ thuật trò chơi	30
1.1.5. Khái quát nội dung phân môn Lịch sử trong chương trình Lịch sử và Địa lí 9 cấp THCS.....	35
1.2. Thực trạng việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS.....	41

CHƯƠNG 2. SỬ DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC ĐỂ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BÀI HỌC CHƯƠNG 2. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945	53
2.1. Sử dụng kỹ thuật dạy học để thiết kế kế hoạch dạy học	53
2.1.1. Trong bài nội khóa	53
2.1.1.1. Sử dụng kỹ thuật dạy học để thiết kế hoạt động khởi động.....	53
2.1.1.2. Sử dụng kỹ thuật dạy học để thiết kế hoạt động hình thành kiến thức	63
2.1.1.3. Sử dụng kỹ thuật dạy học để thiết kế hoạt động luyện tập	73
2.1.1.4. Sử dụng kỹ thuật dạy học để thiết kế hoạt động vận dụng	84
2.1.2. Trong bài ngoại khoá	88
2.2. Thực nghiệm sư phạm.....	92
2.2.1. Mục đích của thực nghiệm	92
2.2.2. Đối tượng, địa bàn, GV thực nghiệm.....	92
2.2.3. Nội dung thực nghiệm.....	92
2.2.4. Phương pháp thực nghiệm	92
2.2.5. Tiến hành thực nghiệm sư phạm	93
2.2.6. Kết quả thực nghiệm sư phạm.....	93
2.2.7. Một số kết luận sư phạm	95
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	97
1. Kết luận	97
2. Kiến nghị	97
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	98
PHỤ LỤC	101

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Phiếu học tập áp dụng kỹ thuật 5W1H trong khởi động	56
Bảng 2.2. Phiếu học tập sử dụng kỹ thuật 5W1H trong phần khởi động bài 7 ..	59
Bảng 2.3. Thống kê kết quả dạy thực nghiệm sư phạm	94

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ, BẢN MÔ TẢ

Hình 1.1. Sơ đồ minh họa kỹ thuật mảnh ghép.....	14
Hình 1.2. Sơ đồ minh họa kỹ thuật sơ đồ tư duy	18
Hình 1.3. Sơ đồ minh họa về kỹ thuật 5W1H.....	20
Hình 1.4. Mô tả quá trình làm việc sử dụng kỹ thuật nhóm	24
Hình 1.5. Mô tả quá trình dạy học áp dụng kỹ thuật dạy học dự án.....	28
Hình 1.6. Mô tả quá trình dạy học áp dụng kỹ thuật trò chơi.....	33
Hình 1.7. Biểu đồ biểu thị tầm quan trọng của việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường THCS	42
Hình 1.8. Biểu đồ biểu thị mức độ sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS	43
Hình 1.9. Biểu đồ biểu thị các kỹ thuật dạy học tích cực mà GV thường sử dụng trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS.....	44
Hình 1.10. Biểu đồ biểu thị tác dụng của việc sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS.....	45
Hình 1.11. Biểu đồ biểu thị ý nghĩa của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS	46
Hình 1.12. Biểu đồ biểu thị khó khăn trong việc sử dụng	47
kỹ thuật dạy học tích cực.....	47
Hình 1.13. Biểu đồ biểu thị các kỹ thuật dạy học tích cực mà HS đã tham gia thực hiện	50
Hình 1.14. Biểu đồ biểu thị ý nghĩa của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong phân môn Lịch sử ở trường THCS đối với HS	50
Hình 1.15. Biểu đồ biểu thị khó khăn mà HS thường gặp	51
trong học tập phân môn Lịch sử.....	51
Hình 2.1. Mô tả quá trình khởi động áp dụng kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học bài 5	54
Hình 2.2. Mô tả quá trình khởi động áp dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy trong dạy học bài 5	55
Hình 2.3. Mô tả thực hiện kỹ thuật sơ đồ tư duy trong khởi động bài 6.....	57
Hình 2.4. Mô tả thực hiện kỹ thuật trò chơi trong phần khởi động bài 7	58
Hình 2.5. Mô tả thực hiện kỹ thuật sơ đồ tư duy trong phần khởi động bài 7....	60
Hình 2.6. Mô tả thực hiện kỹ thuật 5W1H trong phần khởi động bài 7	61
Hình 2.7. Mô tả thực hiện kỹ thuật trò chơi trong phần khởi động bài 8	62

Hình 2.8. Mô tả thực hiện kỹ thuật sơ đồ tư duy kết hợp nhóm trong phần khởi động bài 8	63
Hình 2.9. Mô tả thực hiện kỹ thuật nhóm trong hoạt động hình thành kiến thức bài 5	65
Hình 2.10. Mô tả sử dụng kỹ thuật 5W1H trong hoạt động hình thành kiến thức bài 6	67
Hình 2.11. Mô tả quá trình sử dụng kỹ thuật mảnh ghép	69
trong dạy học bài 7	69
Hình 2.12. Mô tả quá trình thực hiện kỹ thuật dạy học dự án trong bài 8	72
Hình 2.13. Minh họa trò chơi ô cửa bí mật trong hoạt động luyện tập bài 5.....	74
Hình 2.14. Mô tả quá trình thực hiện kỹ thuật mảnh ghép kết hợp nhóm trong hoạt động luyện tập bài 5	76
Hình 2.15. Mô tả sơ đồ hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1918-1930 áp dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy trong hoạt động luyện tập.....	78
Hình 2.16. Mô tả hoạt động luyện tập sử dụng kỹ thuật 5W1H trong bài 7.....	80
Hình 2.17. Mô tả hoạt động luyện tập sử dụng kỹ thuật 5W1H và trò chơi trong bài 8	83
Hình 2.18. Mô tả thực hiện dạy học ngoại khóa có sử dụng kỹ thuật trò chơi...	89
Hình 2.19. Mô tả thực hiện dạy học ngoại khóa có sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy kết hợp nhóm.....	90
Hình 2.20. Poster minh họa với chủ đề “Nguyễn Ái Quốc – Người mở đường cho cách mạng Việt Nam”	91
Hình 2.21. Biểu đồ biểu thị kết quả thông kê dạy học thực nghiệm sư phạm	94

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, việc đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) là yêu cầu tất yếu nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh (HS). Để đạt được điều đó, giáo viên (GV) cần vận dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, giúp HS chủ động tham gia vào quá trình học tập, phát huy được năng lực cá nhân. Trong định hướng chung về phương pháp giáo dục, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở chỉ rõ: “Đề cao vai trò chủ thể học tập của HS, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để HS có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hóa cần thiết cho bản thân...” [2; tr.5-6].

Việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực là một trong những yêu cầu đổi mới PPDH hiện nay. Có nhiều kỹ thuật dạy học tích cực có thể áp dụng trong quá trình dạy học lịch sử, tiêu biểu như: Kỹ thuật 5W1H, trò chơi lịch sử, sơ đồ tư duy, mảnh ghép, nhóm, dự án, ... Trong đó, việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng HS và điều kiện cụ thể là yêu cầu tất yếu cần được quan tâm. Việc áp dụng để kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung, đối tượng, điều kiện cụ thể... giúp HS tham gia tích cực vào quá trình học tập, góp phần hình thành năng lực tư duy, phân tích, tổng hợp... thông qua đó, HS không chỉ nắm vững kiến thức lịch sử mà còn biết liên hệ thực tiễn, vận dụng kiến thức vào đời sống.

Trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS nói chung, dạy học phân môn Lịch sử nói riêng có vai trò quan trọng đối với việc hình thành và phát triển năng lực cho HS. Có ba thành phần năng lực cần hình thành và phát triển cho HS trong dạy học lịch sử: Tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. Để phát triển các thành phần năng lực lịch sử, GV phải “giúp HS biết cách tìm tòi, khai thác các nguồn sử liệu, đồng thời biết cách phân tích sự kiện, quá trình lịch sử và tự mình rút ra những nhận xét, đánh giá” [1; tr.75]. Do vậy, trong dạy học lịch sử cần chú trọng vận dụng các phương pháp, kỹ thuật tích cực, sử dụng các phương tiện dạy học, đa dạng hóa hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá đánh kết quả giáo dục.

Từ thực tiễn dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, việc sử dụng kỹ thuật dạy học đã được GV quan tâm nhưng còn một số hạn chế về mức độ, hiệu

quả và cách thức sử dụng ... Bên cạnh đó, lịch sử Việt Nam giai đoạn từ năm 1918 đến năm 1945 trang bị cho HS những kiến thức cơ bản về phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 - 1930; hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939 và Cách mạng tháng Tám năm 1945. Để giúp HS nắm vững nội dung cơ bản của giai đoạn lịch sử quan trọng này đồng thời góp phần phát triển phẩm chất, năng lực HS, GV cần sử dụng hiệu quả các phương pháp, kỹ thuật dạy học.

Là sinh viên chuyên ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý, việc tìm hiểu và vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào xây dựng kế hoạch bài học có ý nghĩa quan trọng, giúp củng cố và bổ sung kiến thức lý luận và thực tiễn dạy học, từng bước gắn việc học tập lý thuyết với thực tiễn dạy học ở trường THCS, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi chọn vấn đề “Sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học Chương 2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (môn Lịch sử và Địa Lí 9) làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học nói chung, dạy học lịch sử nói riêng đã được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu.

2.1. Những nghiên cứu về kỹ thuật dạy học

Cuốn “*Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*” - Quyển 2, do tác giả Trần Thị Thanh Thủy chủ biên (2016) đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về dạy học nhằm phát triển năng lực cho HS. Tác giả đề cập đến một số vấn đề về dạy học, đồng thời đề xuất một số phương pháp, kỹ thuật dạy học, các hoạt động trải nghiệm nói chung nhằm phát triển năng lực HS.

Cuốn “*Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*” của nhóm tác giả Nguyễn Lăng Bình, Đỗ Hương Trà (2021) đã làm rõ sự khác biệt giữa dạy học truyền thống và dạy học lấy người học làm trung tâm, đồng thời hệ thống hóa các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực có thể áp dụng vào thực tiễn dạy học.

GS.TS Đinh Quang Báo (2015) “*Dạy học tích hợp - phương thức phát triển năng lực học sinh*”; Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2016): *Lí luận dạy học hiện đại: Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học...* Các tài liệu này đã khái quát về các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS.

2.2. Những nghiên cứu về sử dụng kỹ thuật dạy học trong dạy học Lịch sử

Trên cơ sở nghiên cứu về việc đổi mới PPDH nói chung và dạy học lịch sử nói riêng, tác giả Trịnh Đình Tùng (2005) - Cuốn *“Hệ thống PPDH lịch sử ở trường trung học cơ sở”* đã nhấn mạnh việc sử dụng các PPDHLS nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, trong đó có nhấn mạnh đến kỹ thuật dạy học. Tuy nhiên, tác giả chưa đề cập đến kỹ thuật dạy học cụ thể.

“Đổi mới PPDH lịch sử ở trường phổ thông” của tác giả Phan Ngọc Liên (2005) đã trình bày hệ thống lý luận về dạy học lịch sử ở trường phổ thông trong đó có đề cập khái quát đến dạy học nhóm và một số kỹ thuật dạy học khác.

“Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông” của tác giả Nguyễn Thị Côi (2006) đã nhấn mạnh sự cần thiết và đề xuất các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông như tăng cường các hoạt động hỗ trợ bài học trên lớp, kết hợp nhuần nhuyễn các dạng tổ chức học tập, các kỹ thuật dạy học, đổi mới kiểm tra - đánh giá, tổ chức cho HS thâm nhập thực tế xã hội...

“Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử” do GS.TS. Nguyễn Thị Côi (CB) (2011), các tác giả khác đã chỉ rõ những vấn đề nhận thức, các kỹ năng, phương tiện trong nghiệp vụ sư phạm hiện nay. Đây là nguồn tài liệu quan trọng bổ trợ, định hướng, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với sinh viên.

Cuốn *“Đổi mới PPDH lịch sử”* do Trịnh Đình Tùng (CB) (2013) đề cập đến nhiều vấn đề về PPDH lịch sử từ việc sử dụng di sản văn hóa đến các PPDH theo dự án, dạy học hợp tác, thực hành bộ môn, tự học lịch sử của học sinh... Hầu hết các tác giả đều khẳng định sự cần thiết phải chuyển đổi PPDH từ dạy học kiến thức sang dạy cách học cho học sinh, chú trọng đến phát triển năng lực cho các em.

Cuốn *“Phương pháp dạy học lịch sử”*, bộ 2 tập do Phan Ngọc Liên (CB) (2017) đã khái quát cơ sở lý luận của việc xác định và đổi mới PPDH lịch sử, đồng thời đưa ra các PPDH nhằm nâng cao hiệu quả bài học lịch sử...

Cuốn *“Dạy học phát triển năng lực phân môn Lịch sử trung học cơ sở”* do Nghiêm Đình Vỳ (CB) (2018) đã đề cập về PPDH phát triển năng lực môn lịch sử. Tác giả khẳng định “Việc kết hợp các thành tựu của khoa học giáo dục hiện đại với việc sử dụng một cách tích cực các phương pháp nghiên cứu liên ngành là chìa khóa thành công của quá trình dạy học môn lịch sử” [29; tr.34].

Cuốn *“Hướng dẫn dạy học phân môn Lịch sử Trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông mới”* do tác giả Phạm Hồng Tung (CB) (2019) đã hướng dẫn và gợi ý cách thức thiết kế và thực hiện giáo án về việc kiểm tra, đánh giá

năng lực học sinh. Đặc biệt, tác giả đã đưa vào nhiều kỹ thuật dạy học cụ thể (như kỹ thuật Sơ đồ tư duy, kỹ thuật mảnh ghép, ...) được lồng ghép trực tiếp trong tiến trình của hoạt động. Việc sử dụng các kỹ thuật này không chỉ mang tính khái quát mà được minh họa chi tiết qua từng bước thực hiện, giúp GV có công cụ trực quan để kích thích tư duy lịch sử và đánh giá năng lực HS ngay trong quá trình học.

Tổ chức dạy học trải nghiệm trong phân môn Lịch sử và Địa lí THCS - Phần lịch sử do nhóm tác giả Nguyễn Thanh Thúy, Nguyễn Văn Ninh và Nguyễn Xuân Trường biên soạn (2022) đã đề xuất một số hình thức dạy học trải nghiệm cho HS trong giờ học lịch sử như tổ chức hoạt động nhóm, trò chơi, dạy học dự án, ...

Nhìn chung, việc nghiên cứu về các kỹ thuật trong dạy học nói chung, dạy học lịch sử nói riêng đã được các học giả đề cập đến ở nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực vào xây dựng kế hoạch bài học trong dạy học Chương 2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 thì chưa có công trình nào đề cập đến một cách có hệ thống. Những tài liệu nói trên là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng để tác giả thực hiện nhiệm vụ của khóa luận.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở lí luận và thực tiễn của sử dụng kỹ thuật dạy học nói chung, dạy học lịch sử nói riêng đề tài vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học Chương 2. Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (môn Lịch sử và Địa lí 9).

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc sử dụng một số kỹ thuật trong dạy học nói chung, dạy học phân môn Lịch sử nói riêng ở trường THCS.
- Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào phân môn Lịch sử ở trường THCS nhằm phát triển năng lực người học.
- Thiết kế kế hoạch bài học trong dạy học Chương 2. Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (môn Lịch sử và Địa lí 9).

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Quá trình sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học Chương 2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (môn Lịch sử và Địa lí 9).

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Đề tài tập trung lựa chọn sử dụng 6 kỹ thuật dạy học tích cực: nhóm, mảnh ghép, sơ đồ tư duy, 5W1H, dạy học dự án, trò chơi vào dạy học trong Chương 2.

Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (môn Lịch sử và Địa lí 9), bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

- Phạm vi khảo sát: GV dạy học môn Lịch sử và Địa lí, HS tại một số trường THCS trong tỉnh Ninh Bình.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 11/2025 đến tháng 4/2026.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu lý luận:

+ Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý luận về sử dụng một số kỹ thuật trong dạy học nói chung, trong DHLS nói riêng.

+ Nghiên cứu chương trình, SGK phân môn Lịch sử cấp THCS.

- Nghiên cứu thực tiễn:

+ Phương pháp điều tra: Sử dụng phiếu khảo sát đối với GV lịch sử và HS một số trường THCS để tìm hiểu về thực trạng việc sử dụng kỹ thuật trong dạy học nói chung, dạy học phân môn Lịch sử nói riêng tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch bài học có sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực.

+ Phương pháp thống kê toán học: Phân tích, xử lý kết quả khảo sát.

- Thực nghiệm để khẳng định tính khả thi của khóa luận.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về sử dụng kỹ thuật dạy học nói chung, dạy học lịch sử nói riêng. Trên cơ sở đó vận dụng vào dạy học Chương 2. Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (môn Lịch sử và Địa lí 9), nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài là nguồn tham khảo cho GV các trường THCS, sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lý trường Đại học Hoa Lư trong quá trình xây dựng kế hoạch bài học Chương 2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (môn Lịch sử và Địa lí 9).

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC SỬ DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THCS

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Một số quan niệm cơ bản

1.1.1.1. Phương pháp dạy học

Trong lý luận dạy học, thuật ngữ “phương pháp dạy học” được hiểu theo nhiều cách, nhưng nhìn chung PPDH được hiểu là cách thức, hệ thống các nguyên tắc, cách thức hoạt động có mục đích, có tổ chức của GV và HS nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục đã đề ra. PPDH không chỉ là con đường dẫn đến tri thức mà còn là quá trình tương tác, hợp tác giữa thầy và trò, trong đó HS cần tự giác, tích cực, chủ động trong việc khám phá và lĩnh hội kiến thức.

PPDH là một khái niệm trung tâm của lý luận dạy học. Theo Trần Bá Hoành, trong cuốn *Đổi mới PPDH ở trường phổ thông*, tác giả cho rằng: “PPDH là cách thức hoạt động có tổ chức của GV và HS trong quá trình dạy học nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học” [12; tr.23]. Quan niệm này nhấn mạnh vai trò tương tác giữa GV và HS trong quá trình chiếm lĩnh tri thức.

Như vậy, PPDH là con đường, cách thức hoạt động thống nhất của GV và HS, trong đó GV tổ chức, hướng dẫn HS học tập nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập. PPDH trong lý luận cũng như trong thực tiễn là một hoạt động phức tạp đòi hỏi sự sáng tạo, cải tiến không ngừng của GV và HS. Vì vậy, xét về một mặt nào đó, PPDH không chỉ là một khoa học mà còn là một nghệ thuật với những yêu cầu cao về thủ pháp sư phạm.

Từ quan niệm về PPDH nói chung chúng ta có thể hiểu PPDHLS là con đường, cách thức hoạt động thống nhất của GV và HS trong quá trình dạy học lịch sử, trong đó GV tổ chức, hướng dẫn, điều khiển hoạt động nhận thức của HS nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập lịch sử.

Đối với việc dạy học lịch sử, việc sử dụng các kỹ thuật cần được lựa chọn linh hoạt, cụ thể tùy theo nội dung cụ thể của từng bài học đưa ra và phải phù hợp với đối tượng HS. Không có phương pháp nào là vạn năng, mà mỗi phương pháp có thể được sử dụng cho nhiều nội dung khác nhau và ngược lại, một nội dung có thể áp dụng nhiều phương pháp. Điều này đòi hỏi GV cần có sự đầu tư, nghiên

cứu để vận dụng hiệu quả các PPDH phù hợp giúp thuận lợi cho cả người dạy và người học.

PPDH tích cực:

Thuật ngữ này được dùng để chỉ về quan điểm mới trong phương pháp giáo dục, dạy học dựa vào việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, hướng tới việc học tập dựa trên tinh thần tích cực hoạt động cá nhân của người học. Đồng thời để sử dụng hiệu quả phương pháp này thì việc dạy học cần điều chỉnh để đạt được hiệu quả tốt nhất người dạy cần theo hướng phát huy tính tích cực chủ động của HS đòi hỏi GV phải nỗ lực rất nhiều so với PPDH thụ động truyền thống.

Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/06/2006 của Bộ trưởng Bộ GD - ĐT đã nêu, PPDH tích cực đòi hỏi người học cần phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của HS nhằm đáp ứng đặc trưng môn học, đặc điểm đối tượng HS, điều kiện của từng lớp học; bồi dưỡng cho HS phương pháp tự học, khả năng hợp tác; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú và trách nhiệm học tập cho HS.

Luật Giáo dục Việt Nam 2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15) đã khẳng định về nội dung đối với phương pháp giáo dục phổ thông cần phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo ở HS và phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học. Quan tâm, bồi dưỡng cho các em phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS.

Bên cạnh đó, luật sửa đổi 2025 tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng gắn với thực tiễn, thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học. Những định hướng này cho thấy cốt lõi của đổi mới PPDH là phát triển năng lực người học, hướng tới học tập chủ động, khắc phục lối học tập thụ động, truyền thụ một chiều. Trong bối cảnh GV không còn đơn thuần là người truyền đạt kiến thức, mà trở thành người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học tập để HS tự lực chiếm lĩnh tri thức.

1.1.1.2. Kỹ thuật dạy học

Nếu PPDH bao quát tổng thể về cách thức GV tổ chức hoạt động dạy và học, thì kỹ thuật dạy học là những biện pháp cụ thể, chi tiết trong khuôn khổ của một phương pháp, giúp GV thực hiện các hoạt động dạy học một cách hiệu quả

nhất. Kỹ thuật dạy học có thể được xem như các “công cụ” mà GV sử dụng để triển khai phương pháp dạy học.

Các kỹ thuật dạy học bao gồm những hành động, thao tác sư phạm có quy trình, mang tính nghiệp vụ, nhằm tạo ra các tình huống sư phạm, dẫn dắt HS tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ. Ví như trong PPDH nêu vấn đề, GV có thể sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi gợi mở, kỹ thuật tạo tình huống “có vấn đề” để kích thích tư duy HS.

GV có thể sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực vào việc dạy học lịch sử nhằm phát triển năng lực HS giúp bài học trở nên đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn, đồng thời tránh sự đơn điệu, nhàm chán theo lối mòn cũ. Các kỹ thuật dạy học: kể chuyện, miêu tả; sử dụng đồ dùng trực quan; tổ chức trò chơi học tập; thảo luận nhóm, làm việc cặp đôi; sử dụng âm nhạc, phim ảnh; 5W1H; mảnh ghép; sơ đồ tư duy; dạy học dự án, ...

Kỹ thuật dạy học là khái niệm gắn liền với việc tổ chức các hoạt động học tập cụ thể trên lớp. Kỹ thuật dạy học được hiểu là “những thao tác, biện pháp sư phạm cụ thể của GV nhằm tổ chức, hướng dẫn và điều khiển hoạt động nhận thức của HS trong từng tình huống dạy học” [16; tr.42].

Về mặt lí luận, kỹ thuật dạy học có thể được hiểu là những cách thức, biện pháp cụ thể mà GV sử dụng nhằm tổ chức và điều khiển các hoạt động học tập của HS trong từng tình huống dạy học, qua đó giúp thực hiện hiệu quả PPDH đã lựa chọn.

Nguyễn Văn Cường trong tài liệu *Phương pháp dạy học phát triển năng lực* cho rằng: “Kỹ thuật dạy học là các hình thức tổ chức hoạt động học tập mang tính vĩ mô, được sử dụng linh hoạt trong một phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của người học” [10; tr.29].

Tóm lại, PPDH là hệ thống những cách thức tổ chức hoạt động dạy và học mang tính định hướng, bao quát, nhằm đạt được mục tiêu giáo dục; còn kỹ thuật dạy học là những biện pháp, thao tác cụ thể mang tính vĩ mô được sử dụng để triển khai phương pháp đó trong từng tình huống dạy học.

Trong mối quan hệ này, PPDH giữ vai trò định hướng chiến lược, còn kỹ thuật dạy học là công cụ thực hiện, góp phần làm cho quá trình dạy học trở nên sinh động, linh hoạt và hiệu quả. Việc kết hợp hợp lý giữa phương pháp và kỹ thuật dạy học không chỉ giúp phát huy tính tích cực, chủ động của HS mà còn nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển năng lực của người học,

phù hợp với tinh thần đổi mới được khẳng định trong Luật Giáo dục 2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15).

Từ những quan niệm về PPDH tích cực và kỹ thuật dạy học nêu trên, có thể hiểu rằng kỹ thuật dạy học tích cực là những biện pháp, thao tác cụ thể được GV sử dụng một cách linh hoạt trong quá trình tổ chức hoạt động học tập nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và khả năng hợp tác của HS. Nếu PPDH tích cực giữ vai trò định hướng chiến lược cho quá trình dạy học theo hướng phát triển năng lực người học, thì kỹ thuật dạy học tích cực chính là công cụ trực tiếp giúp hiện thực hóa định hướng đó trong từng hoạt động học tập cụ thể.

Kỹ thuật dạy học không chỉ đơn thuần là những thao tác hỗ trợ giảng dạy mà còn là cách thức tổ chức môi trường học tập để HS được tham gia, trải nghiệm, trao đổi, khám phá và tự chiếm lĩnh tri thức dưới sự định hướng của GV. Trong quá trình đó, GV giữ vai trò là người thiết kế, tổ chức và điều khiển hoạt động học tập, còn HS là chủ thể trung tâm của hoạt động nhận thức.

“Kỹ thuật dạy học tích cực là những kỹ thuật tổ chức hoạt động học tập có tác dụng phát huy tính tích cực và sự tương tác của người học” [10; tr.97]. Quan niệm này nhấn mạnh bản chất của kỹ thuật dạy học tích cực là hướng tới việc tăng cường sự tham gia của HS vào quá trình học tập thông qua các hoạt động cụ thể như thảo luận, hợp tác nhóm, giải quyết vấn đề, đặt câu hỏi hay trình bày ý tưởng...

Kỹ thuật dạy học tích cực được hiểu là những biện pháp hay cách thức hành động của GV và HS trong các tình huống hành động nhỏ, nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Qua đó, kỹ thuật dạy học tích cực mang tính vĩ mô nhưng có vai trò rất quan trọng trong việc tạo nên hiệu quả của toàn bộ quá trình dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS.

Trong dạy học lịch sử ở trường THCS, việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thông qua các kỹ thuật như sơ đồ tư duy, mảnh ghép, nhóm, 5W1H, trò chơi lịch sử, dạy học dự án, ... HS không chỉ tiếp nhận kiến thức lịch sử một cách chủ động mà còn được rèn luyện các năng lực tự học lịch sử, năng lực tư duy, vận dụng, ... Đồng thời, các kỹ thuật này còn góp phần tạo hứng thú học tập, khắc phục tình trạng học thụ động, ghi nhớ máy móc vốn tồn tại khá phổ biến trong dạy học lịch sử truyền thống.

Từ khái quát trên có thể hiểu: Kỹ thuật dạy học tích cực là hệ thống những biện pháp, thao tác sư phạm cụ thể của GV và HS được sử dụng trong từng tình huống dạy học nhằm tổ chức hoạt động học tập theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và hợp tác của HS; qua đó góp phần thực hiện

hiệu quả mục tiêu đổi mới giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

1.1.2. Yêu cầu việc sử dụng kỹ thuật dạy học trong dạy học

Việc sử dụng kỹ thuật dạy học giữ vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa PPDH và tổ chức các hoạt động học tập của HS. Tuy nhiên, để sử dụng các kỹ thuật dạy học phát huy hiệu quả, GV cần lưu ý một số yêu cầu sau nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung và đối tượng dạy học.

Kỹ thuật dạy học phải phù hợp với mục tiêu, nội dung của bài học. Mỗi bài học đều được xây dựng trên cơ sở những mục tiêu cụ thể về năng lực, phẩm chất. Do đó, việc lựa chọn và sử dụng kỹ thuật dạy học cần hướng tới việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra, góp phần nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức và rèn luyện năng lực cho HS, tránh tình trạng sử dụng kỹ thuật một cách hình thức và hiệu quả không cao.

Kỹ thuật dạy học cần đảm bảo sự phù hợp với nội dung bài học và đặc trưng của môn học. Đối với phân môn Lịch sử, các kỹ thuật dạy học phải giúp HS hình thành biểu tượng lịch sử đúng đắn, hiểu rõ bản chất của các sự kiện, hiện tượng lịch sử. Việc lựa chọn kỹ thuật cần căn cứ vào tính chất của nội dung bài học đặc trưng của nhận thức lịch sử, tránh lạm dụng các hình thức tổ chức hoạt động gây phân tán sự chú ý, làm cho HS không nắm được kiến thức cơ bản của bài.

Một yêu cầu quan trọng khác là kỹ thuật dạy học phải phù hợp với đặc điểm của đối tượng HS. GV cần xem xét trình độ nhận thức, khả năng tiếp thu, nhu cầu và hứng thú học tập của HS để lựa chọn kỹ thuật dạy học phù hợp. Việc sử dụng kỹ thuật dạy học cần tạo điều kiện cho người học tham gia tích cực vào quá trình học tập, đảm bảo tính vừa sức tránh gây quá tải về nhận thức hoặc tâm lý cho người học.

Ngoài ra, kỹ thuật dạy học cần được sử dụng một cách linh hoạt và có sự kết hợp hợp lý trong tiến trình dạy học. Không có kỹ thuật dạy học nào phù hợp với tất cả nội dung bài học, vì vậy GV cần phối hợp nhiều kỹ thuật dạy học khác nhau trong cùng một bài học nhằm tạo sự đa dạng trong tổ chức hoạt động học tập, đồng thời đảm bảo tính logic và mạch lạc của nội dung bài học.

Để sử dụng kỹ thuật dạy học cần đảm bảo tính khoa học và tính sư phạm, đảm bảo độ chính xác của kiến thức, phù hợp với yêu cầu về thời gian của tiết học, điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường ... Khi sử dụng kỹ thuật dạy học GV cần chú ý, hướng dẫn, định hướng hoạt động nhận thức của HS.

Để sử dụng hiệu quả kỹ thuật dạy học, mỗi GV cần hướng tới mục tiêu chung về phát triển năng lực và phẩm chất của các em. Thông qua các kỹ thuật dạy học phù hợp, HS không chỉ được tiếp thu kiến thức mà còn có điều kiện rèn luyện cho HS về tư duy, giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề ... ; đồng thời, hình thành thái độ tích cực và lối sống có trách nhiệm trong học tập của các em.

1.1.3. Vai trò của việc sử dụng kỹ thuật trong dạy học lịch sử

Trong xu thế đổi mới giáo dục hiện nay, việc tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học được xem là mục tiêu trung tâm của giáo dục phổ thông. “PPDH chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được cụ thể hóa thông qua các kỹ thuật dạy học phù hợp, giúp GV tổ chức, điều khiển và kiểm soát các hoạt động học tập của HS một cách linh hoạt và khoa học” [14; tr.112]. Vì vậy, trong dạy học lịch sử, kỹ thuật dạy học giữ vai trò là cầu nối giữa mục tiêu, nội dung bài học với hoạt động nhận thức của người học.

Trước hết, việc sử dụng các kỹ thuật dạy học góp phần phát huy tính tích cực, chủ động và hứng thú trong học tập của học sinh. “Kỹ thuật dạy học tích cực tạo điều kiện để HS tham gia trực tiếp vào quá trình khám phá tri thức thông qua các hoạt động như thảo luận, hợp tác, trình bày và phản biện” [11; tr.48]. Trong dạy học lịch sử, các kỹ thuật như mảnh ghép, sơ đồ tư duy, thảo luận nhóm giúp HS không chỉ ghi nhớ sự kiện mà còn hiểu được bản chất, nguyên nhân và ý nghĩa lịch sử của các hiện tượng, từ đó nâng cao hứng thú và động cơ học tập đối với môn học.

Bên cạnh đó, việc vận dụng kỹ thuật dạy học có vai trò quan trọng trong phát triển các năng lực đặc thù của phân môn Lịch sử. “Các kỹ thuật dạy học là phương tiện hữu hiệu để hình thành và phát triển năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn” [20; tr.75]. Thông qua kỹ thuật 5W1H, HS được rèn luyện khả năng phân tích sự kiện lịch sử trên nhiều phương diện; kỹ thuật sơ đồ tư duy hỗ trợ việc hệ thống hóa kiến thức theo tiến trình và mối quan hệ logic; kỹ thuật dạy học dự án giúp HS vận dụng kiến thức lịch sử vào việc tìm hiểu các vấn đề gắn với đời sống xã hội.

Mặt khác, việc sử dụng kỹ thuật dạy học còn góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động dạy học của người dạy. “Kỹ thuật dạy học cho phép GV linh hoạt lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu bài học, nội dung kiến thức và đặc điểm của HS” [29; tr.98]. Trong dạy học lịch sử, điều này giúp GV khắc phục lối dạy học thiên về thuyết trình, tăng cường các hoạt động tương tác, đồng thời tạo điều kiện cho việc phân hóa và cá thể hóa trong dạy học.

Việc dạy học cần chú trọng phát triển năng lực nhận thức lịch sử, tư duy lịch sử và giáo dục thái độ, trách nhiệm công dân cho HS. Do đó, việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giúp HS hiểu sâu sắc bản chất của các sự kiện lịch sử, nhận thức được mối quan hệ giữa lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới, từ đó hình thành thế giới quan khoa học và lòng yêu nước đúng đắn.

Tóm lại, sử dụng kỹ thuật dạy học trong dạy học lịch sử không chỉ góp phần đổi mới hình thức tổ chức dạy học mà còn nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học bộ môn. Các kỹ thuật dạy học, nếu được lựa chọn và vận dụng phù hợp, sẽ phát huy tính tích cực của HS, phát triển năng lực lịch sử và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong giai đoạn hiện nay.

1.1.4. Một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học lịch sử

1.1.4.1. Kỹ thuật mảnh ghép

Kỹ thuật mảnh ghép là một kỹ thuật dạy học hợp tác, trong đó nội dung bài học được chia thành các phần nhỏ (các “mảnh”), mỗi nhóm HS đảm nhận nghiên cứu một phần nội dung, sau đó các nhóm chia sẻ, trao đổi để hoàn thiện bức tranh tổng thể của bài học. “Kỹ thuật mảnh ghép giúp tăng cường sự tham gia tích cực của HS và phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp trong học tập” [29; tr.102].

“Kỹ thuật mảnh ghép là hình thức tổ chức hoạt động học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp” [5; tr.96].

Bên cạnh đó, kỹ thuật dạy học còn được hiểu là một phương pháp để tổ chức dạy học trong đó HS được phân công nghiên cứu những nội dung khác nhau trong “nhóm chuyên gia”. Sau khi tìm hiểu và nắm vững phần kiến thức của mình, các em sẽ chuyển sang “nhóm mảnh ghép” để chia sẻ, trao đổi và bổ sung các thông tin cho nhau. Thông qua quá trình hợp tác đó, các thành viên cùng phối hợp nhằm hình thành bức tranh kiến thức hoàn chỉnh của bài học. Như vậy, bản chất của kỹ thuật mảnh ghép là đề cao vai trò cá nhân trong quá trình hợp tác học tập, và phát huy tinh thần trách nhiệm, khả năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực tự học của HS.

Trong quá trình dạy học lịch sử, việc sử dụng kỹ thuật mảnh ghép phù hợp với những bài học có nội dung phức tạp, nhiều sự kiện hoặc nhiều khía cạnh khác nhau của cùng một vấn đề lịch sử. Có thể kể đến như các phong trào cách mạng, các cuộc chiến tranh hoặc các giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới. Không chỉ vậy, việc phân chia nội dung của các mảnh ghép kiến thức

cần sự tư duy của HS giúp; từ đó giúp các em tập trung nghiên cứu sâu một khía cạnh cụ thể, từ đó khi ghép lại sẽ bao quát nội dung bài học và hệ thống về sự kiện lịch sử. Như vậy, thông qua việc sử dụng kỹ thuật mảnh ghép trong bài học giúp HS không chỉ nắm vững kiến thức mà còn rèn luyện được kỹ năng trình bày, lắng nghe và tổng hợp ý kiến.

** Cách thực hiện kỹ thuật mảnh ghép*

Kỹ thuật mảnh ghép mang tính kết hợp, nâng cao tinh thần làm việc cá nhân trong khi hoạt động nhóm. Trong quá trình thực hiện kỹ thuật bao gồm có 2 vòng:

- Vòng 1: Nhóm chuyên gia

Lớp học sẽ được chia thành các nhóm (khoảng từ 3 - 6 người). Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ với những nội dung học tập khác nhau. Ví dụ:

+ Nhóm 1: Nhiệm vụ A

+ Nhóm 2: Nhiệm vụ B

+ Nhóm 3: Nhiệm vụ C

Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng thời gian vài phút, suy nghĩ về các câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến cá nhân của mình.

Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trong việc trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2.

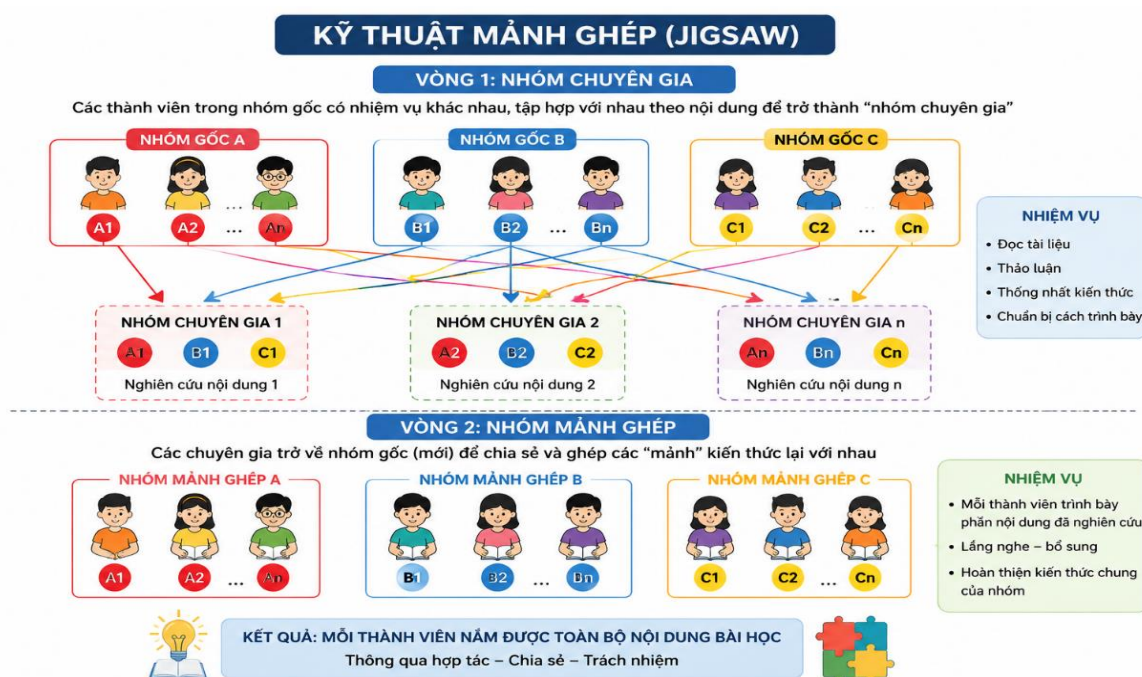
- Vòng 2: Nhóm mảnh ghép

Hình thành nhóm mới khoảng từ 3 - 6 thành viên (bao gồm 1 - 2 người như nhóm 1; 1 - 2 người từ nhóm 2; 1 - 2 người từ nhóm 3...), gọi là nhóm mảnh ghép.

Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.

Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết (lưu ý nhiệm vụ mới này phải gắn liền với kiến thức thu được ở vòng 1).

Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ, trình bày và chia sẻ kết quả.



Hình 1.1. Sơ đồ minh họa kỹ thuật mảnh ghép

** Cách bước thực hiện kỹ thuật mảnh ghép*

Bước 1: Xác định nội dung phù hợp

GV lựa chọn bài học hoặc nội dung có thể chia thành nhiều phần kiến thức tương đối độc lập nhưng có liên hệ với nhau.

Bước 2: Thành lập nhóm chuyên gia

- Chia lớp thành các nhóm nhỏ.
- Giao nhiệm vụ khác nhau cho từng thành viên.
- Các HS có cùng nhiệm vụ tập hợp thành nhóm chuyên gia để nghiên cứu.

Bước 3: Thảo luận trong nhóm chuyên gia

HS đọc tài liệu, thảo luận, ghi chép ý chính, chuẩn bị cách trình bày lại cho nhóm mới.

GV quan sát, hỗ trợ và định hướng nếu cần thiết.

Bước 4: Thành lập nhóm mảnh ghép

Các HS trở về nhóm mới gồm đầy đủ các "mảnh ghép" kiến thức. Tiếp đó, từng HS sẽ trình bày nội dung đã nghiên cứu; chia sẻ các thông tin đã tìm được cho thành viên khác trong nhóm; hỗ trợ nhau hoàn thiện nhiệm vụ học tập.

Bước 5: Tổng hợp và đánh giá

Ở bước này hoạt động của GV là chủ yếu: GV nhận xét kết quả hoạt động, đánh giá mức độ hợp tác của HS, củng cố kiến thức, liên hệ và mở rộng vấn đề...

** Ưu điểm:*

- Phát triển tinh thần làm việc theo nhóm.
- Phát huy trách nhiệm của từng cá nhân.
- Giúp HS phát huy hiểu biết và giải quyết những hiểu biết lệch lạc.
- Giúp đào sâu kiến thức trong các lĩnh vực.

** Hạn chế:*

- Kết quả phụ thuộc vào quá trình thảo luận ở vòng 1, nếu vòng thảo luận này không có chất lượng thì cả hoạt động sẽ không có hiệu quả.
- Số lượng thành viên trong nhóm rất dễ không đồng đều.
- Không thể sử dụng kỹ thuật này cho các nội dung thảo luận có mối quan hệ ràng buộc nhân quả với nhau.

1.1.4.2. Kỹ thuật sơ đồ tư duy

“Kỹ thuật sơ đồ tư duy là kỹ thuật tổ chức kiến thức dựa trên việc sử dụng hình ảnh, từ khóa và các nhánh liên kết để thể hiện mối quan hệ giữa các nội dung học tập. Theo Dạy học phát triển năng lực học sinh, sơ đồ tư duy là công cụ hiệu quả giúp HS hệ thống hóa kiến thức, phát triển tư duy logic và tư duy hệ thống” [20; tr.73-74].

Như vậy có thể thấy, sơ đồ tư duy hay lược đồ tư duy chính là phương pháp kết hợp việc sử dụng đồng thời hình ảnh, đường nét màu sắc, chữ viết với tư duy tích cực để ghi nhớ, dạy cách học, cách tự học nhằm tìm tòi, đào sâu, mở rộng một ý tưởng, hệ thống hóa những kiến thức đã học một cách ngắn gọn, xúc tích dễ hiểu nhất tạo thành một mạch kiến thức thống nhất theo chủ đề.

Việc người học được áp dụng PPDH sơ đồ tư duy cần tự ghi chép kiến thức trên bản đồ tư duy bằng từ khóa và chính cụm từ viết tắt, ghi chú, ... bằng những màu sắc, hình ảnh, kí hiệu riêng, ... Khi tự ghi theo cách riêng của mình sẽ giúp người học ghi nhớ lâu hơn, chủ động học, tích cực trong học tập. Mỗi người sẽ có những tư duy và ý tưởng riêng vì vậy khi sử dụng sơ đồ tư duy HS sẽ được sáng tạo theo cách riêng của mình, không rập khuôn, máy móc kích thích cảm hứng sáng tạo học hỏi của HS.

Như vậy, PPDH bằng sơ đồ tư duy là phương pháp tổ chức cho người học tìm hiểu một vấn đề, thực hiện một nhiệm vụ học tập thông qua việc lập bản đồ tư duy (các bản đồ tư duy chủ yếu do người học thiết lập trong quá trình học tập, hạn chế việc sử dụng các bản đồ tư duy có sẵn).

Trong dạy học lịch sử, việc sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy giúp HS hình dung rõ ràng tiến trình lịch sử, mối quan hệ giữa các sự kiện, nhân vật và bối cảnh lịch sử. Thông qua việc xây dựng sơ đồ tư duy, HS có thể khắc sâu kiến thức,

tránh học thuộc lòng rời rạc và tăng khả năng ghi nhớ lâu dài. Kỹ thuật này thường được sử dụng hiệu quả trong các hoạt động củng cố bài học, ôn tập chương hoặc tổng kết giai đoạn lịch sử, góp phần nâng cao hiệu quả học tập của HS.

** Cách thức tiến hành:*

+ Viết tên chủ đề ở trung tâm (từ khóa), hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề. Từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính. Trên mỗi nhánh chính viết một từ khóa, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề, viết bằng chữ in hoa. Ví dụ, có nhiều dạng sơ đồ tư duy, tùy từng nội dung và ý tưởng của GV mà hướng dẫn HS lựa chọn kiểu sơ đồ tư duy phù hợp. Nhánh và chữ viết trên đó được vẽ và viết cùng một màu. Nhánh chính đó được nối với chủ đề trung tâm. Chỉ sử dụng các thuật ngữ quan trọng để viết trên các nhánh.

+ Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường. Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

** Quy trình thực hiện:*

Bước 1: Lập bản đồ tư duy.

Bước 2: Báo cáo, thuyết minh bản đồ tư duy.

Bước 3: Thảo luận, chỉnh sửa, hoàn thiện bản đồ tư duy.

** Ưu điểm:*

Kỹ thuật sơ đồ tư duy có nhiều ưu thế nổi bật trong việc tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS. Trước hết, sơ đồ tư duy giúp hệ thống hóa kiến thức một cách một cách trực quan và logic. Thay vì tiếp nhận thông tin dưới dạng văn bản, HS được tiếp cận kiến thức thông qua các nhánh liên kết, thể hiện rõ mối quan hệ giữa các sự kiện, nhân vật và quá trình lịch sử. Nhờ đó, nội dung học tập trở nên mạch lạc, dễ hiểu và dễ ghi nhớ hơn.

Bên cạnh đó, kỹ thuật này góp phần phát triển tư duy logic, tư duy hệ thống và tư duy khái quát cho HS. Trong quá trình xây dựng sơ đồ tư duy, HS cần phải lựa chọn từ khóa, xác định ý chính - ý phụ, thiết lập mối quan hệ giữa các nội dung. Đây chính là quá trình rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp và khái quát hóa kiến thức - những năng lực quan trọng trong học tập phân môn Lịch sử.

Một ưu điểm quan trọng khác là tăng tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học. Khi tự thiết kế sơ đồ tư duy theo cách riêng, HS được tự do lựa chọn hình ảnh, màu sắc, ký hiệu và cách trình bày phù hợp với tư duy HS. Điều này không chỉ giúp việc học trở nên sinh động, hấp dẫn mà còn kích thích hứng thú và khả năng sáng tạo của HS, góp phần nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức.

Ngoài ra, sơ đồ tư duy còn hỗ trợ hiệu quả trong việc ghi nhớ, hiểu sâu kiến thức. Việc kết hợp giữa hình ảnh, màu sắc và từ khóa giúp kích hoạt nhiều giác quan trong quá trình học tập, từ đó tăng khả năng lưu giữ thông tin trong trí nhớ. So với cách học ghi chép truyền thống, sơ đồ tư duy giúp HS tránh được tình trạng học thuộc lòng máy móc, đồng thời thuận lợi hơn trong quá trình ôn tập và tái hiện kiến thức khi cần thiết.

Không chỉ vậy, kỹ thuật sơ đồ tư duy còn có tính linh hoạt cao trong quá trình dạy học. GV có thể sử dụng ở nhiều giai đoạn như: hình thành kiến thức mới, củng cố bài học, ôn tập chương hoặc tổng kết một giai đoạn lịch sử. Đặc biệt, trong các bài học mang tính tổng hợp, việc sử dụng sơ đồ tư duy giúp HS có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về tiến trình lịch sử.

** Hạn chế:*

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, kỹ thuật sơ đồ tư duy còn tồn tại một số những hạn chế cần được lưu ý trong quá trình vận dụng.

Trước hết, việc xây dựng sơ đồ tư duy đòi hỏi HS phải có kỹ năng nhất định trong việc lựa chọn từ khóa, tổ chức thông tin và thể hiện bằng hình ảnh. Đối với những HS có năng lực học tập còn hạn chế, việc này có thể gây khó khăn, dẫn đến sơ đồ thiếu logic hoặc không phản ánh đúng nội dung kiến thức.

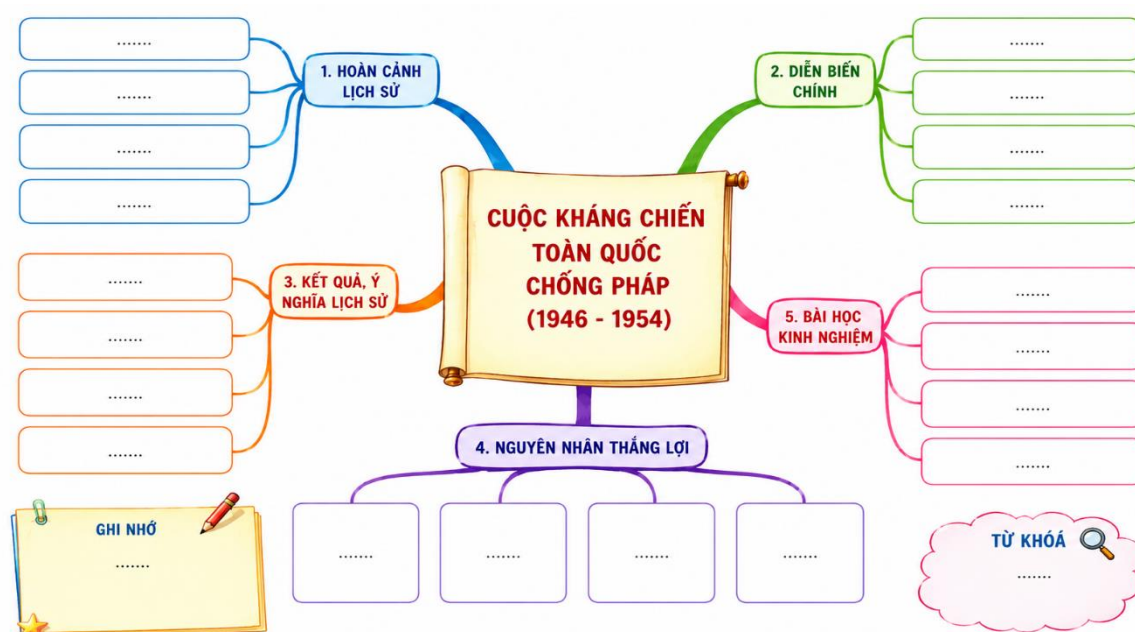
Một hạn chế khác nếu không được hướng dẫn cụ thể, HS dễ sa vào việc chú trọng hình thức mà xem nhẹ nội dung. Việc sử dụng quá nhiều màu sắc, hình ảnh trang trí có thể làm mất đi trọng tâm kiến thức, khiến sơ đồ trở nên không trọng tâm, khó theo dõi và giảm hiệu quả học tập.

Việc xây dựng và sử dụng sơ đồ tư duy nếu không hợp lý nặng nề về hình thức sẽ ảnh hưởng đến thời lượng của tiết học, đặc biệt trong giai đoạn đầu khi HS chưa quen với cách thức thực hiện. Việc thiết kế, vẽ và hoàn thiện sơ đồ tư duy có thể ảnh hưởng đến tiến độ bài học nếu GV chưa có sự tổ chức hợp lý.

Ngoài ra, không phải tất cả nội dung về lịch sử đều phù hợp để trình bày bằng sơ đồ tư duy. Những nội dung mang tính phân tích sâu, lập luận phức tạp hoặc yêu cầu trình bày chi tiết có thể khó thể hiện đầy đủ qua hình thức sử dụng sơ đồ tư duy.

Như vậy, để sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy một cách hiệu quả cần phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có vai trò của người hướng dẫn của GV. Nếu GV không có sự định hướng rõ ràng về nội dung trọng tâm, cách xây dựng sơ đồ và tiêu chí đánh giá, hoạt động học tập có thể trở nên hình thức, thiếu chiều sâu.

Ví dụ, sau khi dạy xong Bài 14, 15 phân môn lịch sử lớp 9 với nội dung về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược qua các giai đoạn 1946 - 1950, 1950 - 1954 GV có thể tổ chức hoạt động luyện tập cho HS thông qua việc xây dựng sơ đồ tư duy với chủ đề trung tâm là Cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954). Từ chủ đề trung tâm ấy, GV hướng dẫn HS triển khai các nhánh kiến thức chính như: hoàn cảnh lịch sử, diễn biến chính, kết quả - ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm. Mỗi nhánh tiếp tục được mở rộng bằng các nhánh phụ thể hiện các nội dung cụ thể, đồng thời việc sử dụng kết hợp các hình ảnh minh họa, màu sắc và từ khóa ngắn gọn giúp sơ đồ trở nên hấp dẫn, dễ nhớ và tạo hứng thú học tập cho HS.



Hình 1.2. Sơ đồ minh họa kỹ thuật sơ đồ tư duy

1.1.4.3. Kỹ thuật 5W1H

Kỹ thuật 5W1H là kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi dựa trên sáu yếu tố cơ bản: “What (Cái gì), When (Khi nào), Where (Ở đâu), Who (Ai), Why (Vì sao) và How (Như thế nào). Theo *PPDH tích cực*, kỹ thuật 5W1H giúp HS tiếp cận vấn đề một cách toàn diện, có hệ thống và logic” [11; tr.59 - 60].

Trong dạy học phân môn Lịch sử, kỹ thuật 5W1H được sử dụng rộng rãi để phân tích các sự kiện và hiện tượng lịch sử. Thông qua việc trả lời các câu hỏi theo mô hình 5W1H, HS có điều kiện làm rõ bối cảnh lịch sử, diễn biến sự kiện, nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa lịch sử. Qua đó, năng lực tư duy lịch sử và khả năng lập luận của HS được phát triển, giúp các em hiểu sâu bản chất của sự kiện thay vì chỉ ghi nhớ thông tin một cách đơn thuần.

** Quy trình thực hiện:*

Bước 1: Xác định mục tiêu và nội dung bài học

GV lựa chọn nội dung phù hợp (sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử ...) để áp dụng kỹ thuật 5W1H, đảm bảo gắn với mục tiêu phát triển năng lực nhận thức và tư duy cho HS.

Bước 2: Xây dựng hệ thống câu hỏi 5W1H

GV thiết kế các câu hỏi tương ứng với 6 yếu tố:

What: Sự kiện gì đã diễn ra?

When: Sự kiện này đã diễn ra khi nào?

Where: Địa điểm diễn ra sự kiện?

Who: Ai là người lãnh đạo?

Why: Nguyên nhân vì sao?

How: Diễn biến, kết quả, ý nghĩa như thế nào?

Hệ thống câu hỏi cần được đảm bảo tính logic, từ nhận biết đến phân tích, đánh giá.

Bước 3: Tổ chức hoạt động học tập

GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm để thảo luận và trả lời câu hỏi. Có thể kết hợp với các kỹ thuật khác như thảo luận nhóm, mảnh ghép, ...

Bước 4: Trình bày và thảo luận

HS trình bày kết quả, trao đổi, bổ sung ý kiến. GV đóng vai trò điều phối, định hướng và chuẩn hóa kiến thức.

Bước 5: Kết luận và mở rộng

GV tổng kết nội dung, nhấn mạnh mối liên hệ giữa các yếu tố 5W1H, đồng thời mở rộng vấn đề nhằm phát triển tư duy sâu hơn cho HS.

Ví dụ, khi dạy học *Bài 16. Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất đất nước* ở mục 2. Các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1965), ở nội dung về “Phong trào Đồng khởi (1959 - 1960)” GV có thể vận dụng kỹ thuật 5W1H để hướng dẫn HS khai thác nội dung cơ bản bài học. Từ chủ đề trung tâm, HS lần lượt xác định: ai là lực lượng tham gia phong trào, phong trào diễn ra khi nào, ở đâu, kết quả, ý nghĩa, ... HS có thể triển khai khái quát được nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa lịch sử của phong trào Đồng khởi một cách logic, trực quan và sinh động.



Hình 1.3. Sơ đồ minh họa về kỹ thuật 5W1H

** Ưu điểm:*

Kỹ thuật 5W1H có nhiều ưu thế nổi bật trong tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Trước hết, hệ thống câu hỏi theo cấu trúc 5W1H giúp HS tiếp cận kiến thức một cách có hệ thống và logic, từ việc xác định sự kiện, thời gian, không gian, nhân vật cho tới phân tích nguyên nhân và cách thức diễn ra sự kiện. Qua đó, tri thức không bị rời rạc mà được tổ chức thành một chỉnh thể chặt chẽ.

Bên cạnh đó, kỹ thuật này còn góp phần trong việc phát triển tư duy phân tích, tổng hợp và lập luận của HS. Thông qua việc trả lời các câu hỏi “Why” và “How”, HS không chỉ dừng lại ở mức độ nhận biết mà còn phải suy nghĩ để lý giải nguyên nhân, làm rõ bản chất và đánh giá ý nghĩa của sự kiện lịch sử. Điều này đã giúp hình thành nên năng lực tư duy lịch sử - một trong những năng lực cốt lõi của môn học.

Ngoài ra, kỹ thuật 5W1H còn có tác dụng tích cực trong việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS. Khi tham gia vào quá trình học tập, HS không còn là đối tượng tiếp nhận thụ động mà trở thành chủ thể của hoạt động nhận thức thông qua việc đặt câu hỏi, thảo luận và trình bày quan điểm. Từ đó, hứng thú học tập được nâng cao, góp phần cải thiện chất lượng dạy học lịch sử trong nhà trường.

Không chỉ vậy, kỹ thuật 5W1H còn có ưu điểm về sự linh hoạt và dễ áp dụng. GV có thể vận dụng kỹ thuật này trong nhiều khâu của quá trình dạy học như khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng hoặc kiểm tra đánh giá. Đồng thời, kỹ thuật này cũng có thể kết hợp hiệu quả với các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực khác như thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy, kỹ thuật mảnh ghép, ... nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động học tập.

** Hạn chế:*

Tuy nhiên, không phải nội dung lịch sử nào cũng phù hợp để triển khai đầy đủ theo mô hình 5W1H. Đối với những nội dung mang tính chất khái quát cao hay trừu tượng, việc áp dụng đầy đủ sáu yếu tố để có thể gặp khó khăn, đặc biệt là ở khía cạnh “How”. Điều này đòi hỏi GV cần có sự linh hoạt trong việc lựa chọn và điều chỉnh.

Tiếp đó, là việc tổ chức hoạt động học tập theo kỹ thuật 5W1H có thể tốn nhiều thời gian nếu được thiết kế và điều phối hợp lý. Các hoạt động như thảo luận, trình bày và phản biện có thể làm kéo dài thời gian tiết học, ảnh hưởng đến tiến độ chương trình.

Bên cạnh đó, hiệu quả của kỹ thuật còn phụ thuộc vào trình độ nhận thức của HS. Đối với những HS có năng lực hạn chế, việc trả lời các câu hỏi mang tính phân tích như “Why” và “How” có thể gặp khó khăn, dẫn đến tâm lý e ngại hoặc tham gia chưa tích cực.

Cuối cùng, kỹ thuật 5W1H đặt ra yêu cầu tương đối với năng lực sư phạm của giáo viên. GV cần có khả năng thiết kế hệ thống câu hỏi phù hợp với nội dung mục tiêu bài học, tổ chức hoạt động linh hoạt và có kỹ năng gợi mở, dẫn dắt HS. Nếu không đáp ứng được các yêu cầu này thì việc vận dụng kỹ thuật sẽ không đạt hiệu quả như mong muốn.

Tóm lại, kỹ thuật dạy học 5W1H là một công cụ dạy học có nhiều ưu điểm trong đó việc tổ chức hoạt động nhận thức cho HS, góp phần phát triển tư duy lịch sử và năng lực học tập. Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu quả, GV cần vận dụng linh hoạt, tránh máy móc và kết hợp với các PPDH khác phù hợp với đặc điểm nội dung và đối tượng HS.

1.1.4.4. Kỹ thuật dạy học theo nhóm

“Kỹ thuật dạy học theo nhóm là hình thức tổ chức dạy học trong đó HS làm việc theo các nhóm nhỏ để cùng nhau thực hiện nhiệm vụ học tập” [30; tr.137]. dạy học theo nhóm là một trong những kỹ thuật quan trọng nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và tinh thần hợp tác của HS trong quá trình học tập.

Trong học lịch sử, dạy học theo nhóm là kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng rất phổ biến tạo điều kiện cho HS trao đổi, thảo luận và trình bày quan điểm cá nhân về các vấn đề lịch sử. Thông qua hoạt động tập thể và khả năng phản biện, đồng thời việc hoạt động nhóm còn giúp nâng cao khả năng phân tích và đánh giá các sự kiện lịch sử. Kỹ thuật này đã góp phần to lớn trong việc thay đổi lối mòn cũ, giúp HS tự tin đưa ra ý kiến và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức của HS. Bên cạnh đó, khi sử dụng thành thạo kỹ thuật thảo luận nhóm thì lối mòn thuyết trình cũ của HS cũng được loại bỏ, thay đổi không khí lớp học, tạo sự hứng khởi trong bài học.

** Bản chất:*

Bản chất của việc sử dụng kỹ thuật dạy học theo nhóm còn được gọi bằng những cái tên khác nhau như: dạy học hợp tác, dạy học theo nhóm nhỏ; trong đó HS của một lớp học được chia thành các nhóm nhỏ, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

Việc sử dụng kỹ thuật dạy học theo nhóm nếu được tổ chức tốt sẽ phát huy được tính tích cực, tính trách nhiệm; đồng thời, còn phát huy tốt các năng lực cộng tác, làm việc và năng lực giao tiếp của HS.

** Quy trình thực hiện:*

Việc thực hiện dạy học theo nhóm cần được nghiên cứu tìm hiểu kỹ và đưa ra tiến trình phù hợp để khi dạy cả người dạy và người học đều dễ dàng thực hiện và tiếp thu. Trong đó tiến trình dạy học theo nhóm thường được chia thành 3 giai đoạn cơ bản như sau:

- Làm việc toàn lớp: nhập đề và giao nhiệm vụ. Trong đó GV cần giới thiệu chủ đề, xác định nhiệm vụ của các nhóm và tổ chức thành lập nhóm. Ở khâu đầu tiên, nhiệm vụ của người GV là rất quan trọng để có thể hướng dẫn và điều khiển lớp học.

- Làm việc nhóm: trong khi làm việc nhóm cần chuẩn bị chỗ làm việc, lập kế hoạch làm việc, thỏa thuận quy tắc làm việc, tiến hành giải quyết các nhiệm vụ và chuẩn bị báo cáo kết quả. Trong mục này, việc để HS chủ động phát huy tính tích cực và sáng tạo rất cần thiết, vì vậy GV để HS chủ động, sáng tạo trong các hoạt động trong khuôn mẫu.

- Làm việc toàn lớp: sau khi đã thực hiện công việc nhóm theo đúng yêu cầu và tiến trình thì GV yêu cầu các nhóm dừng việc thảo luận chốt lại kết quả và

quay lại làm việc chung toàn lớp. Ở giai đoạn này, các nhóm cần cử người trình bày kết quả và GV cùng các bạn còn lại lắng nghe, đánh giá, nhận xét.

** Một số lưu ý:*

Có rất nhiều cách để thành lập nhóm theo các tiêu chí khác nhau, không nên áp dụng một tiêu chí duy nhất trong cả năm học. Số lượng HS trong một nhóm nên từ 4 - 6 HS.

Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc mỗi nhóm nhận một nhiệm vụ khác nhau là các phần trong một chủ đề chung.

Dạy học nhóm thường được áp dụng để đi sâu, luyện tập, củng cố một chủ đề đã học hoặc cũng có thể tìm hiểu một chủ đề mới.

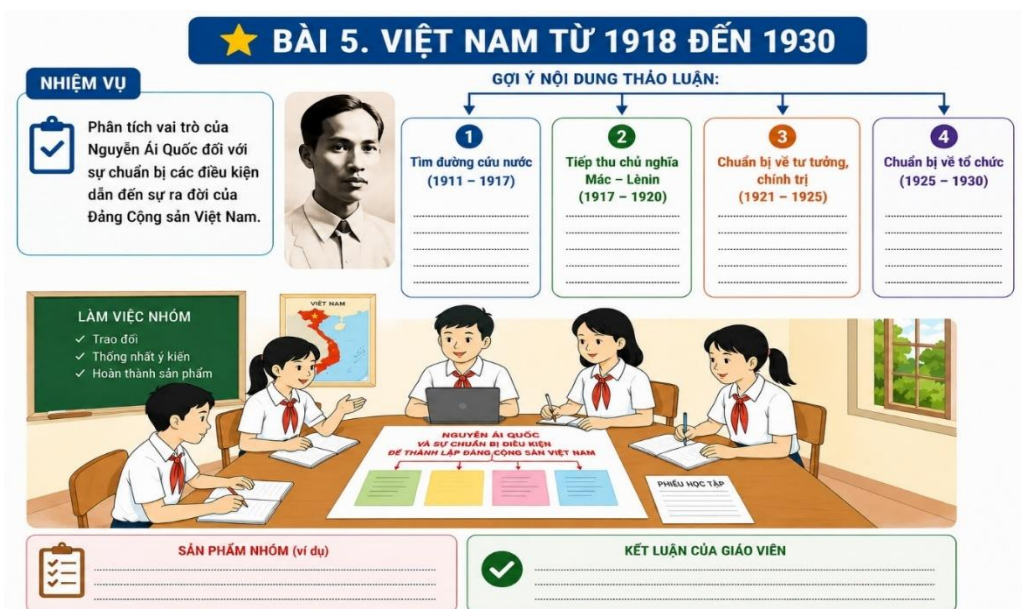
Các câu hỏi kiểm tra dùng cho việc chuẩn bị dạy học nhóm:

- Chủ đề có hợp với dạy học nhóm không?
- Các nhóm làm việc với nhiệm vụ giống hay khác nhau?
- HS đã có đủ kiến thức điều kiện cho công việc nhóm chưa?
- Cần trình bày nhiệm vụ làm việc nhóm như thế nào?
- Cần chia nhóm theo tiêu chí nào?
- Cần tổ chức phòng làm việc, kê bàn ghế như thế nào?

Ví dụ minh họa về quá trình vận dụng kỹ thuật dạy học phân môn Lịch sử 9, cụ thể ở *Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930* với nội dung chủ đề: “Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930”. GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm nhỏ nhằm phân tích vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông qua hoạt động thảo luận, trao đổi ý kiến và hoàn thành sản phẩm học tập, HS được chủ động tìm hiểu kiến thức, phát triển tư duy lịch sử và nâng cao năng lực hợp tác trong học tập.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các nhóm HS cùng nhau khai thác nội dung bài học theo các giai đoạn hoạt động của Nguyễn Ái Quốc: tìm đường cứu nước, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền bá tư tưởng cách mạng và chuẩn bị về tổ chức, cán bộ. Việc phân chia nhiệm vụ cụ thể giúp HS dễ dàng tiếp cận tri thức, đồng thời tạo điều kiện để mỗi thành viên tham gia đóng góp ý kiến phát huy vai trò cá nhân trong hoạt động chung của nhóm.

Qua ví dụ sau có thể thấy, kỹ thuật dạy học theo nhóm không chỉ giúp HS nắm vững kiến thức lịch sử mà còn góp phần rèn luyện các kỹ năng cần thiết như kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ... Việc sử dụng hình thức học tập hợp tác còn tạo không khí học tập sôi nổi, tăng hứng thú học tập và phát huy tính tích cực, chủ động của HS trong dạy học lịch sử.



Hình 1.4. Mô tả quá trình làm việc sử dụng kỹ thuật nhóm

** Ưu điểm:*

Kỹ thuật dạy học theo nhóm có nhiều ưu điểm nổi bật trong dạy học lịch sử, đặc biệt phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS. Trước hết, học tập theo nhóm tạo ra môi trường học tập tích cực, giúp HS có nhiều cơ hội trao đổi, thảo luận và học tập lẫn nhau. Trong quá trình cùng nhau giải quyết nhiệm vụ học tập, HS được chủ động tìm hiểu kiến thức, chia sẻ quan điểm cá nhân và tiếp nhận ý kiến từ các thành viên khác trong nhóm. Điều này không chỉ giúp các em hiểu bài sâu sắc hơn mà còn hình thành tinh thần đoàn kết, ý thức hợp tác và trách nhiệm trong học tập tập thể.

Đối với phân môn Lịch sử, việc tổ chức hoạt động nhóm còn giúp HS phát triển tư duy lịch sử thông qua các hoạt động phân tích, đánh giá và so sánh các sự kiện, nhân vật hay hiện tượng lịch sử. Khi tham gia thảo luận nhóm, HS được tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, từ đó biết vận dụng kiến thức để giải thích, nhận xét và đưa ra quan điểm cá nhân về các vấn đề lịch sử. Đây là điều rất cần thiết trong quá trình hình thành năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

Bên cạnh đó, việc học tập theo nhóm còn góp phần phát triển năng lực xã hội và kỹ năng mềm cho HS. Trong quá trình hoạt động nhóm, HS được rèn luyện

kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng trình bày ý kiến, kỹ năng phản biện và bảo vệ quan điểm cá nhân. Đồng thời, các em cũng học được cách lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác và phối hợp cùng nhau để hoàn thành nhiệm vụ chung. Những kỹ năng này không chỉ cần thiết trong quá trình học tập của HS mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với thực tiễn cuộc sống.

Một ưu điểm đáng chú ý khác là kỹ thuật dạy học theo nhóm tạo điều kiện cho những HS nhút nhát, thiếu tự tin có cơ hội tham gia vào hoạt động học tập. Trong môi trường nhóm nhỏ, HS dễ dàng bày tỏ suy nghĩ và ý kiến của bản thân hơn so với khi phát biểu trước toàn lớp. Từ đó, các em dần trở nên tự tin, mạnh dạn và tích cực hơn trong quá trình học tập, giao tiếp.

Ngoài ra, kỹ thuật dạy học theo nhóm còn giúp phát triển năng lực hoạt động và khả năng sáng tạo của HS. Thông qua việc cùng nhau giải quyết các nhiệm vụ học tập, HS có cơ hội phát huy khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh và xử lý tình huống. Các em biết vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, đồng thời rút ra những bài học và kinh nghiệm cần thiết cho bản thân. Vì vậy, việc sử dụng kỹ thuật dạy học theo nhóm trong dạy học lịch sử không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn giúp phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của HS.

** Hạn chế*

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật, kỹ thuật dạy học theo nhóm trong dạy học lịch sử cũng tồn tại một số hạn chế nhất định. Trước hết, việc tổ chức hoạt động nhóm thường đòi hỏi nhiều thời gian hơn so với các PPDH truyền thống. Một tiết học trên lớp thường chỉ kéo dài khoảng 45 phút, trong khi hoạt động nhóm cần trải qua nhiều giai đoạn như giao nhiệm vụ, thảo luận, thống nhất ý kiến và trình bày kết quả. Nếu GV không có sự chuẩn bị và tổ chức hợp lý thì rất dễ dẫn đến tình trạng thiếu thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ bài học và hiệu quả tiếp thu kiến thức của HS.

Bên cạnh đó, hoạt động nhóm không phải lúc nào cũng mang lại hiệu quả như mong muốn. Trong một số trường hợp, nếu GV tổ chức chưa khoa học hoặc nhiệm vụ học tập chưa phù hợp với hoạt động nhóm thì có thể trở nên hình thức, thiếu sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm. Một số HS có thể phụ thuộc vào bạn học tích cực hơn, dẫn đến tình trạng học tập chưa đồng đều giữa các thành viên trong một nhóm. Điều này làm giảm tính chủ động và hiệu quả của hoạt động học tập hợp tác.

HS nếu chưa được rèn luyện đầy đủ các kỹ năng làm việc nhóm thì dễ xảy ra mâu thuẫn trong quá trình thảo luận và hợp tác. Sự khác biệt về quan điểm, năng lực hoặc ý thức trách nhiệm giữa các thành viên có thể dẫn đến tranh luận, thiếu thống nhất và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động nhóm. Đặc biệt trong dạy học lịch sử, khi thảo luận các vấn đề có tính nhận xét, đánh giá hoặc liên hệ thực tiễn, nếu HS chưa có kỹ năng lắng nghe và phản biện tích cực thì hoạt động nhóm sẽ khó đạt được hiệu quả cao.

Ngoài ra, việc đánh giá kết quả hoạt động nhóm cũng là một khó khăn đối với GV. Trong quá trình làm việc nhóm, GV khó có thể theo dõi đầy đủ mức độ tham gia và đóng góp của từng HS. Vì vậy, việc đánh giá đôi khi chưa thực sự công bằng và chính xác, đặc biệt trong chương hợp có sự chênh lệch về năng lực giữa các thành viên trong nhóm.

Tóm lại, kỹ thuật dạy học theo nhóm là một hình thức tổ chức dạy học có nhiều ưu điểm trong đó việc phát huy tính tích cực, chủ động và năng lực hợp tác của HS trong dạy học lịch sử. Tuy nhiên, để phương pháp này đạt hiệu quả cao, GV cần có sự chuẩn bị chu đáo, tổ chức linh hoạt và hướng dẫn HS rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm cần thiết.

1.1.4.5. Kỹ thuật dạy học dự án

Kỹ thuật dạy học dự án được hiểu là kỹ thuật dạy học mà trong đó HS được thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, thông qua quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và tạo ra sản phẩm cụ thể. Theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí, dạy học dự án là hình thức dạy học góp phần phát triển năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS.

Ngoài ra, kỹ thuật dạy học dự án còn được hiểu là “một hình thức (phương pháp nghĩa rộng) dạy học, HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, thực tiễn. HS thực hiện nhiệm vụ với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ xác định mục đích, lập kế hoạch đến việc thực hiện dự án, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, kiểm tra, điều chỉnh để đưa ra một sản phẩm sau buổi trải nghiệm” [30; tr.38].

Việc sử dụng kỹ thuật dạy học dự án sẽ giúp cho HS được trực tiếp trải nghiệm, khám phá thực tiễn, khi giải quyết các bài tập dự án mỗi HS cần có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc trong nhiều môn học khác nhau. Trong quá trình sử dụng kỹ thuật dạy học dự án GV sẽ giúp HS tự giác, chủ động trong mọi tình huống. Ngoài ra, hoạt động trong học tập dựa trên dự án gồm việc xây

dựng các công việc, phối hợp thực hiện công việc, sự sáng tạo, tham gia thảo luận, trao đổi thông tin, ... Trong một dự án học tập, các hoạt động phong phú, đa dạng, thực hiện không chỉ giới hạn trong việc đọc, nghiên cứu, trải nghiệm mà các hoạt động được trải dài trong một khoảng thời gian (từ vài buổi, vài ngày đến vài tuần) để có thể hoàn thành quá trình cơ bản áp dụng kiến thức vào thực tế. Vì vậy việc kết hợp kỹ thuật dạy học dự án vào trong giảng dạy đặc biệt đối với phân môn Lịch sử là rất quan trọng đối với HS.

Trong dạy học lịch sử, các kỹ thuật dạy học đều rất quan trọng giúp bài học được hấp dẫn, dễ hiểu và bài học được truyền đạt đến HS một cách tích cực. Có thể nói, kỹ thuật dạy học dự án giúp HS gắn kết kiến thức lịch sử với đời sống xã hội, truyền thống văn hóa và thực tiễn địa phương. Thông qua việc thực hiện các dự án học tập như tìm hiểu di tích lịch sử, nhân vật lịch sử địa phương hoặc các sự kiện lịch sử tiêu biểu, HS không chỉ củng cố kiến thức mà còn hình thành thái độ trân trọng giá trị lịch sử, ý thức bảo tồn di sản và trách nhiệm công dân. Quá trình thực hiện kỹ thuật dạy học dự án còn giúp các em HS có tính tự giác, tự tìm tòi và phát triển bản thân theo một chiều hướng tốt đẹp. Các em có thể thỏa mái sử dụng công nghệ trong việc tìm hiểu bài vở hay thực tế khảo sát giúp các em tiếp thu được nhiều điều mới, tạo nên sự năng động, sáng tạo ở các em.

** Quy trình thực hiện:*

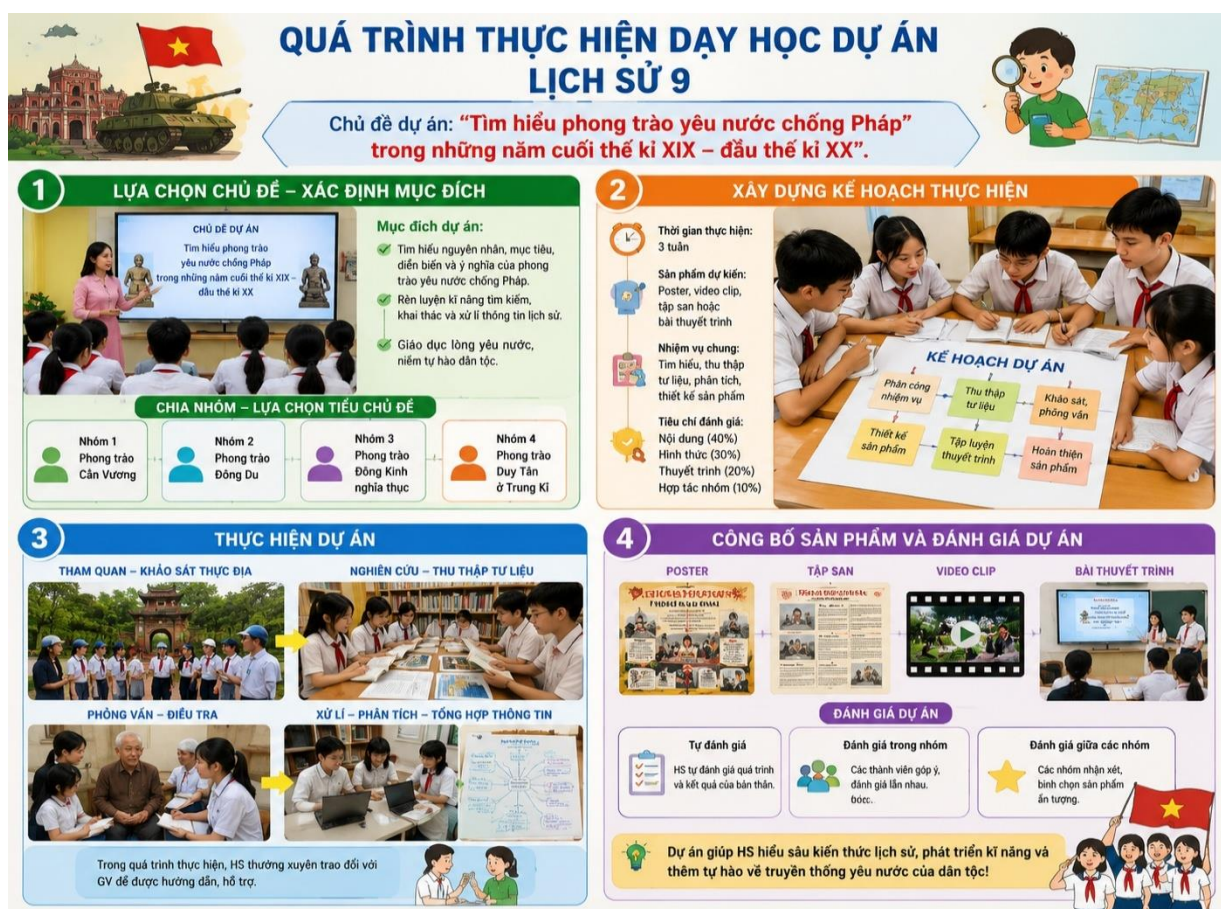
“Bước 1: Lựa chọn chủ đề và xác định mục đích của dự án khi tiến hành trải nghiệm, ở bước này, GV tiến hành triển khai chủ đề gắn với nơi trải nghiệm, chia nhóm (có thể vận dụng các kỹ thuật chia nhóm), hướng dẫn các nhóm lựa chọn tiểu chủ đề.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch thực hiện về thời gian, yêu cầu sản phẩm, phân công nhiệm vụ ...

Bước 3: Thực hiện dự án, HS triển khai làm việc độc lập. Trong quá trình triển khai dự án, HS tiến hành tham quan, khảo sát tại thực địa, một số phương pháp học tập mới được các em áp dụng như nghiên cứu, chọn lọc, xác minh tư liệu, phương pháp phỏng vấn, điều tra đối tượng nghiên cứu ... Các dự án học tập được lên kế hoạch và tiến hành từng bước, mỗi khi gặp khó khăn, các nhóm đều tìm gặp GV để tư vấn, giúp đỡ.

Bước 4: Công bố sản phẩm và đánh giá dự án, bước này GV cho các nhóm thể hiện sản phẩm có quy định về thời gian, hình thức tự do, sáng tạo là tập san, poster, video... tạo cơ hội cho các em tham gia vào quá trình đánh giá chính mình, đánh giá trong nhóm và nhóm bạn” [30; tr.38].

Ví dụ: Với việc vận dụng kỹ thuật dạy học dự án vào dạy học với chủ đề “Tìm hiểu phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX”, thông qua các bước từ chọn chủ đề, xây dựng kế hoạch, thực hiện dự án đến công bố sản phẩm và đánh giá kết quả, HS được trực tiếp tham gia vào các hoạt động học tập tích cực như khảo sát thực tế, thu thập dữ liệu, làm việc nhóm và thuyết trình sản phẩm. Qua đó, kỹ thuật dạy học dự án không chỉ giúp HS hiểu sâu kiến thức lịch sử mà còn góp phần phát triển năng lực tự học, tư duy sáng tạo và kỹ năng hợp tác trong học tập.



Hình 1.5. Mô tả quá trình dạy học áp dụng kỹ thuật dạy học dự án

** Ưu điểm:*

Kỹ thuật dạy học dự án có nhiều ưu điểm nổi bật, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS. Trước hết, phương pháp này góp phần phát triển năng lực tự học và khả năng giải quyết vấn đề cho HS. Trong quá trình thực hiện dự án, HS phải chủ động xác định mục tiêu, lập kế hoạch, tìm kiếm và xử lí thông tin, từ đó hình thành năng lực học tập độc lập và tư duy khoa học.

Bên cạnh đó, dạy học dự án giúp tăng cường khả năng vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn. Thông qua việc gắn nội dung học tập với các vấn đề thực tiễn như tìm hiểu di tích lịch sử, nhân vật lịch sử địa phương hay các sự kiện lịch sử tiêu biểu, HS có điều kiện liên hệ kiến thức sách giáo khoa vào đời sống, từ đó hiểu sâu hơn ý nghĩa của lịch sử và vai trò của lịch sử trong xã hội hiện đại.

Một ưu điểm quan trọng khác là góp phần phát triển các năng lực mềm cho HS. Trong quá trình làm việc theo dự án, HS được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, hợp tác và phân công nhiệm vụ. Đồng thời, việc tham gia vào các hoạt động khảo sát, phỏng vấn, thu thập tư liệu cũng giúp HS phát triển kỹ năng nghiên cứu và xử lý thông tin.

Ngoài ra, kỹ thuật dạy học dự án còn tạo điều kiện phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS. HS được tự do lựa chọn cách để tiếp cận vấn đề, hình thức sản phẩm và phương pháp thể hiện, từ đó khơi gợi hứng thú học tập và khả năng sáng tạo cá nhân. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong dạy học phân môn Lịch sử - một môn học thường bị xem là khô khan nếu chỉ dạy theo phương pháp truyền thống.

Không chỉ vậy, dạy học dự án còn góp phần hình thành nên thái độ, tình cảm và giá trị cho HS. Thông qua việc tìm hiểu các vấn đề lịch sử gắn với địa phương và dân tộc, HS hình thành lòng yêu nước, ý thức bảo tồn di sản văn hóa và trách nhiệm công dân đối với xã hội.

** Hạn chế:*

Bên cạnh những ưu điểm trên, kỹ thuật dạy học dự án cũng tồn tại một số hạn chế sau:

Dạy học dự án đòi hỏi nhiều thời gian để tổ chức và thực hiện. Một dự án học tập thường được kéo dài trong nhiều buổi học hoặc ngoài giờ lên lớp, do đó có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ chương trình nếu không được thiết kế hợp lý. Điều này gây khó khăn trong điều kiện quỹ thời gian dạy học còn hạn chế.

Dạy học dự án yêu cầu cao về năng lực tổ chức và hướng dẫn của GV. GV không chỉ đóng vai trò truyền đạt kiến thức mà còn là người định hướng, cố vấn và hỗ trợ HS trong suốt quá trình thực hiện dự án. Nếu GV thiếu kinh nghiệm hoặc không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, dạy học dự án có thể trở nên hình thức, thiếu hiệu quả.

Một hạn chế khác là sự chênh lệch về năng lực giữa các HS trong nhóm. Trong quá trình làm việc nhóm có thể xảy ra tình trạng đa số HS tích cực tham

gia trong khi một số khác chưa thực sự chủ động, dẫn đến sự phân hóa trong kết quả học tập và khó đảm bảo tính công bằng trong đánh giá.

Ngoài ra, việc triển khai dạy học dự án trong dạy học lịch sử còn phụ thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất và nguồn học liệu. Các hoạt động như tham quan thực địa, khảo sát, phỏng vấn, ... đòi hỏi sự hỗ trợ về thời gian, kinh phí và sự phối hợp của nhà trường, gia đình và xã hội. Trong điều kiện còn hạn chế, việc tổ chức các dự án quy mô lớn có thể gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, việc đánh giá kết quả học tập trong dạy học dự án cũng là một thách thức. Sản phẩm dự án thường đa dạng về hình thức và nội dung, do đó cần có tiêu chí đánh giá rõ ràng, khoa học và phù hợp. Nếu không việc đánh giá có thể mang tính cảm tính, thiếu khách quan.

Tóm lại, việc sử dụng kỹ thuật dạy học dự án trong dạy học lịch sử là một PPDH tích cực, có nhiều ưu điểm trong việc phát triển năng lực toàn diện cho HS, đặc biệt là năng lực vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn. Tuy nhiên, để phương pháp này phát huy hiệu quả, GV cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, tổ chức khoa học và điều chỉnh linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế. Việc kết hợp dạy học dự án với các kỹ thuật dạy học khác sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học lịch sử trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

1.1.4.6. Kỹ thuật trò chơi

Kỹ thuật trò chơi là một trong những hình thức tổ chức dạy học tích cực, góp phần hiện thực hóa định hướng phát triển năng lực người học trong dạy học phân môn Lịch sử. Về bản chất, đây không chỉ là hoạt động giải trí mà là một cách thức sư phạm có mục tiêu rõ ràng, gắn chặt với nội dung bài học. Theo một số tài liệu nghiên cứu về PPDH tích cực, phương pháp trò chơi là phương pháp mà GV tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay một nội dung về những hành động, thái độ thông qua một trò chơi nào đó. Quan niệm này nhấn mạnh rằng trò chơi không tách rời mục tiêu giáo dục mà chính là phương tiện để HS tiếp cận tri thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ học tập tích cực. Trong dạy học phân môn Lịch sử, kỹ thuật trò chơi vì vậy được hiểu là việc GV thiết kế và tổ chức các hoạt động mang tính trò chơi có nội dung lịch sử nhằm giúp HS chiếm lĩnh tri thức một cách chủ động và hứng thú.

Bên cạnh đó, trò chơi học tập còn được xem là một công cụ hiệu quả để củng cố và phát triển năng lực nhận thức của học sinh. Một số nghiên cứu thực tiễn đã chỉ ra rằng trò chơi học tập gắn với hoạt động học tập ... nhằm mở rộng, chính xác hóa và hệ thống hóa kiến thức, phát triển năng lực trí tuệ cho học sinh.

Như vậy, kỹ thuật trò chơi không chỉ giúp HS ghi nhớ kiến thức mà còn hỗ trợ quá trình tư duy, phân tích và khái quát hóa các sự kiện lịch sử. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với phân môn Lịch sử - một môn học thường bị đánh giá là khô khan nếu chỉ truyền thụ theo lối thuyết trình.

Về đặc điểm, kỹ thuật trò chơi trong dạy học lịch sử mang tính mục tiêu, tính tương tác và tính hấp dẫn cao. Trò chơi luôn hướng tới việc đạt được mục tiêu bài học, đồng thời tạo ra môi trường học tập tích cực thông qua sự tham gia trực tiếp của HS. Nhiều tài liệu đã khẳng định rằng việc tổ chức trò chơi trong giờ học lịch sử giúp HS “dễ hiểu, dễ khắc sâu kiến thức” và nâng cao hứng thú học tập. Nhờ đó, giờ học trở nên sinh động hơn, HS không còn thụ động tiếp nhận mà chủ động tham gia vào quá trình khám phá tri thức.

Về vai trò, kỹ thuật trò chơi có ý nghĩa quan trọng trong việc phát huy tính tích cực của HS và nâng cao hiệu quả dạy học. Thông qua trò chơi, HS được đặt vào các tình huống có vấn đề, từ đó phải suy nghĩ, trao đổi và đưa ra quyết định. Điều này phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, trong đó nhấn mạnh việc phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh. Đồng thời, trò chơi còn góp phần tạo hứng thú học tập, giúp HS yêu thích phân môn Lịch sử hơn, từ đó nâng cao chất lượng tiếp thu kiến thức.

Để kỹ thuật trò chơi đạt hiệu quả, GV cần tuân thủ một quy trình tổ chức khoa học. Thông thường, quá trình này bao gồm các bước như giới thiệu trò chơi, phổ biến luật chơi, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả và rút ra ý nghĩa bài học. Một số tài liệu đã nêu rõ rằng cần giới thiệu trò chơi, tổ chức chơi, nhận xét và kết luận nhằm đảm bảo trò chơi gắn với mục tiêu dạy học và mang lại giá trị giáo dục thực tiễn. Quy trình này giúp trò chơi không bị sa đà vào yếu tố giải trí mà luôn hướng tới mục tiêu học tập.

Ngoài ra, việc sử dụng kỹ thuật trò chơi cũng cần tuân thủ các nguyên tắc nhất định như phù hợp với nội dung bài học, đặc điểm tâm lý HS và điều kiện tổ chức lớp học. Nếu được vận dụng hợp lý, trò chơi sẽ trở thành một công cụ hữu hiệu góp phần đổi mới PPDH lịch sử, nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển toàn diện năng lực người học.

** Quy trình thực hiện:*

Bước 1: GV phổ biến tên trò chơi, nội dung và luật chơi cho HS.

Bước 2: Chơi thử (nếu cần thiết).

Bước 3: HS tiến hành chơi.

Bước 4: Đánh giá sau trò chơi.

Bước 5: Thảo luận về ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

** Một số lưu ý:*

Để trong quá trình thực hiện các bước tổ chức và tham gia trò chơi được suôn sẻ, người GV và HS cần nắm vững một số các lưu ý sau:

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề bài học, với đặc điểm và trình độ HS, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HS.

- HS phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.

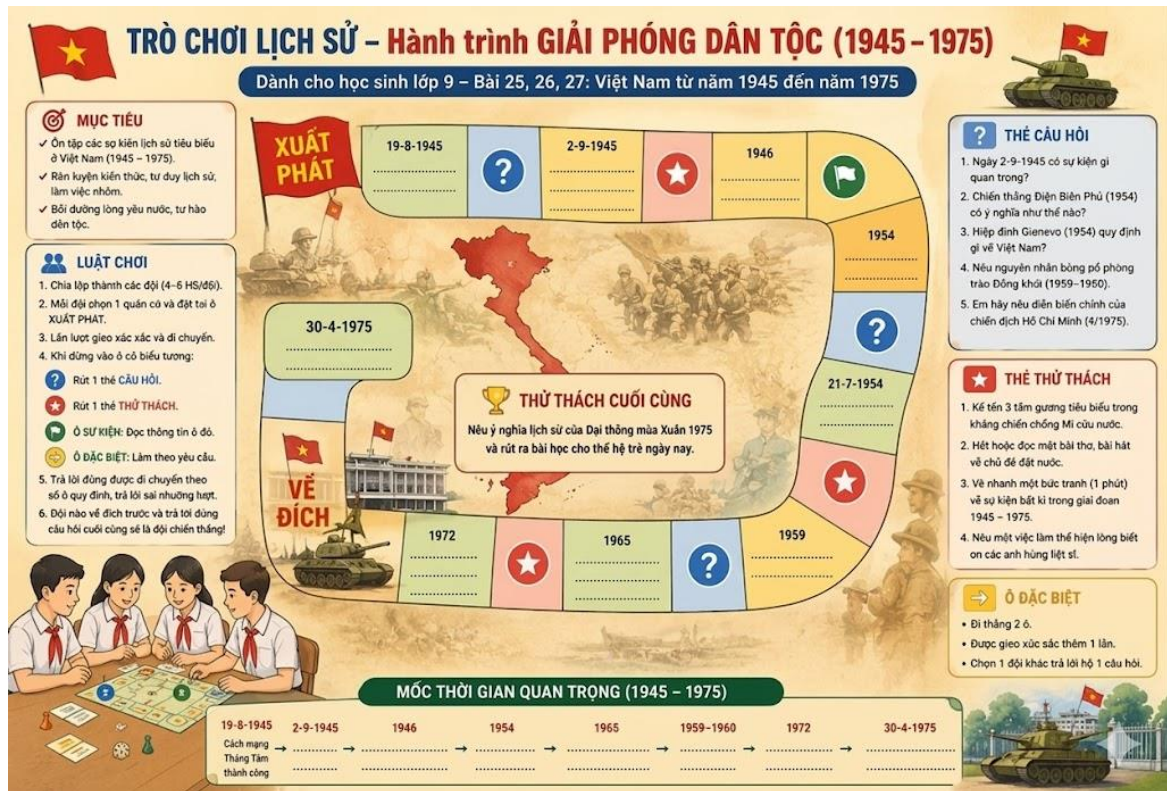
- Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi.

- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, tạo điều kiện cho HS tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.

- Trò chơi phải được luân phiên, thay đổi một cách hợp lý để không gây nhàm chán cho HS.

- Sau khi chơi, GV cần cho HS thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

Để giúp HS lớp 9 ghi nhớ các sự kiện lịch sử trọng tâm một cách hứng thú và chủ động, GV có thể tổ chức trò chơi “Hành trình giải phóng dân tộc (1945-1975)”. Thông qua hình thức di chuyển trên bàn cờ lịch sử, trả lời câu hỏi và thực hiện thử thách theo nhóm, HS không chỉ củng cố kiến thức về các mốc sự kiện lịch sử quan trọng mà còn phát triển tư duy lịch sử, kỹ năng hợp tác và tinh thần học tập tích cực. Hình ảnh dưới đây là minh họa một mô hình trò chơi lịch sử sinh động, phù hợp vận dụng trong dạy học phân môn Lịch sử lớp 9.



Hình 1.6. Mô tả quá trình dạy học áp dụng kỹ thuật trò chơi

** Ưu điểm:*

Kỹ thuật trò chơi là một trong những kỹ thuật dạy học tích cực có nhiều ưu điểm nổi bật trong việc nâng cao hiệu quả dạy học phân môn Lịch sử. Trước hết, việc sử dụng trò chơi giúp tạo ra môi trường học tập sinh động, hấp dẫn, từ đó kích thích hứng thú và động cơ học tập của HS. So với hình thức dạy học truyền thống, trò chơi mang lại không khí lớp học thoải mái, giảm bớt sự khô khan của nội dung lịch sử, giúp HS tiếp cận kiến thức một cách nhẹ nhàng và tự nhiên hơn.

Bên cạnh đó, kỹ thuật trò chơi góp phần phát huy tính tích cực, chủ động của HS trong quá trình học tập. Khi tham gia vào các trò chơi học tập, HS không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn phải suy nghĩ, phản ứng nhanh, đưa ra quyết định và hợp tác với các thành viên khác. Điều này giúp HS hình thành và phát triển các năng lực như tư duy nhanh, khả năng xử lý tình huống và kỹ năng làm việc nhóm.

Một ưu điểm quan trọng khác là khả năng củng cố và khắc sâu kiến thức. Thông qua các trò chơi như ô chữ, đua thuyền tri thức, đoán nhân vật lịch sử, ... HS được ôn luyện kiến thức dưới nhiều hình thức khác nhau. Việc lặp lại kiến thức trong bối cảnh trò chơi giúp tăng khả năng ghi nhớ lâu dài và hạn chế tình trạng học thuộc lòng máy móc.

Ngoài ra, kỹ thuật trò chơi còn góp phần phát triển năng lực giao tiếp và tạo cơ hội cho HS thể hiện bản thân. Trong quá trình tham gia trò chơi, HS được trình bày ý kiến, trao đổi, tranh luận và bảo vệ quan điểm của mình. Điều này không chỉ giúp nâng cao kỹ năng giao tiếp mà còn góp phần xây dựng sự tự tin cho HS.

** Hạn chế:*

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật, kỹ thuật trò chơi cũng tồn tại một số hạn chế cần được lưu ý trong quá trình vận dụng.

Trước hết, nếu không được thiết kế và tổ chức hợp lý, trò chơi có thể làm giảm tính nghiêm túc của giờ học. HS dễ bị cuốn vào yếu tố giải trí mà xem nhẹ mục tiêu học tập, dẫn đến việc tiếp thu kiến thức không sâu sắc.

Bên cạnh đó, việc sử dụng trò chơi trong dạy học có thể tốn thời gian, đặc biệt khi GV phải chuẩn bị công phu về nội dung, hình thức và phương tiện tổ chức. Nếu không kiểm soát tốt thời gian, hoạt động trò chơi có thể ảnh hưởng tới tiến độ bài học.

Một hạn chế khác là không phải mọi nội dung lịch sử đều phù hợp để tổ chức dưới hình thức trò chơi. Những nội dung mang tính phân tích sâu, yêu cầu lập luận logic hoặc khái quát cao có thể khó chuyển hóa thành trò chơi mà vẫn đảm bảo mục tiêu dạy học.

Ngoài ra, trong quá trình tổ chức trò chơi, có thể xảy ra sự chênh lệch về mức độ tham gia giữa các HS. Một số HS tích cực, nhanh nhạy thường tham gia nhiều hơn, trong khi những HS nhút nhát hoặc có năng lực hạn chế có thể ít tham gia, dẫn đến hiệu quả giáo dục không đồng đều.

Cuối cùng, kỹ thuật trò chơi đòi hỏi GV phải có kỹ năng sư phạm linh hoạt trong việc thiết kế, điều hành và xử lý tình huống. Nếu GV thiếu kinh nghiệm, trò chơi có thể trở nên rời rạc, thiếu định hướng hoặc không đạt được mục tiêu bài học.

Như vậy, kỹ thuật trò chơi là một công cụ dạy học hiệu quả trong việc tạo hứng thú phát huy tính tích cực và củng cố kiến thức cho HS trong phân môn Lịch sử. Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu quả, GV cần sử dụng một cách có chọn lọc, đảm bảo sự cân đối giữa yếu tố “học” và “chơi”, đồng thời kết hợp linh hoạt với các kỹ thuật trò chơi sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

1.1.5. Khái quát nội dung phân môn Lịch sử trong chương trình Lịch sử và Địa lí 9 cấp THCS

Trong khuôn khổ *Chương trình giáo dục phổ thông 2018* do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam ban hành, môn Lịch sử và Địa lí ở cấp trung học cơ sở được xây dựng theo định hướng tích hợp, trong đó môn lịch sử lớp 9 có nội dung chương trình được thiết kế theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, bảo đảm tính kế thừa, liên thông và hiện đại, đồng thời tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Nội dung cụ thể:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945	
- Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945	- Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô thành lập. - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.
- Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945	- Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 - 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu. - Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.
- Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945	- Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Chiến tranh thế giới thứ hai (1939– 1945)	- Phân tích được hậu quả của chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước trong Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.
VIỆT NAM TỪ 1918 ĐẾN NĂM 1945	

- Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930 - Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939 - Cách mạng tháng Tám năm 1945	- Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930. - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930. - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931 và 1936 - 1939. - Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp - Nhật Bản. - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước. - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991	
- Chiến tranh lạnh (1947-1989) - Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 - Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 - Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991 - Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991	- Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của chiến tranh lạnh. - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của Liên Xô và Đông Âu. - Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.

	- Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991	
- Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám - Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954	- Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946). - Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954). - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, ...).

- Việt nam từ năm 1954 đến năm 1975 - Việt Nam trong những năm 1976 – 1991	- Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 - 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975...). - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 - 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 - 1985. - Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc đổi mới trong giai đoạn 1986 - 1991. - Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY	
- Trật tự thế giới mới - Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay - Nước Mỹ từ năm 1991 đến nay - Châu Á từ năm 1991 đến nay	- Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. - Giới thiệu được sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.

	- Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN
VIỆT NAM TỪ 1991 ĐẾN NAY	
- Khái lược công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay - Thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay	- Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.
CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA	
	- Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam. - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hóa và đánh giá được tác động của toàn cầu hóa đối với thế giới và Việt Nam.

CHỦ ĐỀ CHUNG

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
ĐỘ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI	
- Các đô thị hiện đại - Xu hướng đô thị hóa trên thế giới - Đô thị hóa ở Việt Nam; đô thị và phát triển vùng	Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực. - Mô tả được quá trình đô thị hóa thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp. - Nêu được tác động của đô thị hóa đối với sự phát triển của kinh tế - xã hội.
VĂN MINH CHÂU THỎ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG	
- Văn minh các dòng sông - Biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại.	- Trình bày được những nét đặc sắc về văn hóa ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông. - Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.

	- Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu thổ sông Hồng và Cửu Long. - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại.
BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG	
- Chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nam - Vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam	- Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông. - Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông.

Về nội dung cụ thể, trước hết chương trình lịch sử lớp 9 có nhiều nội dung cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại, đặc biệt là từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, bao gồm các vấn đề như trật tự thế giới hai cực, sự hình thành và tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa, cũng như xu thế toàn cầu hóa. Việc sử dụng và kết hợp lồng ghép các nội dung này góp phần giúp HS nhận thức được mối liên kết giữa lịch sử Việt Nam và bối cảnh quốc tế, từ đó phát triển tư duy lịch sử tính logic trong quá trình học tập phân môn Lịch sử ở HS.

Bên cạnh các nội dung về lịch sử thế giới, phân môn Lịch sử lớp 9 đã chủ yếu tập trung vào tiến trình lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay, gồm một số chủ đề lớn như: Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân, phong trào giải phóng dân tộc, đỉnh cao là Cách mạng tháng Tám năm 1945; quá trình xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng; hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; công cuộc xây dựng đất nước trong thời kì 1976 - 1991. Đặc biệt, nội dung về Công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 được nhấn mạnh nhằm làm rõ nguyên nhân của những chuyển biến sâu sắc của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

Tóm lại, phân môn Lịch sử lớp 9 không chỉ cung cấp tri thức nền tảng về lịch sử hiện đại mà còn đóng góp vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực tự học lịch sử, năng lực tư duy lịch sử và phẩm chất của HS. Nội dung chương

trình được xây dựng đảm bảo tính khoa học, logic và cập nhật, phù hợp với mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

1.2. Thực trạng việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã xác định rõ định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua việc tăng cường các PPDH tích cực. Đây không chỉ là yêu cầu mang tính định hướng mà còn là nhiệm vụ trọng tâm nhằm chuyển từ dạy học theo hướng truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực, lấy HS làm trung tâm của quá trình dạy học.

Ở cấp THCS, việc vận dụng các PPDH tích cực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây là giai đoạn HS đang hình thành và phát triển tư duy độc lập, khả năng tự học và kỹ năng hợp tác. Thông qua các kỹ thuật dạy học như trò chơi, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy, 5W1H, ... HS không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn được rèn luyện các năng lực tư duy, giao tiếp và giải quyết vấn đề.

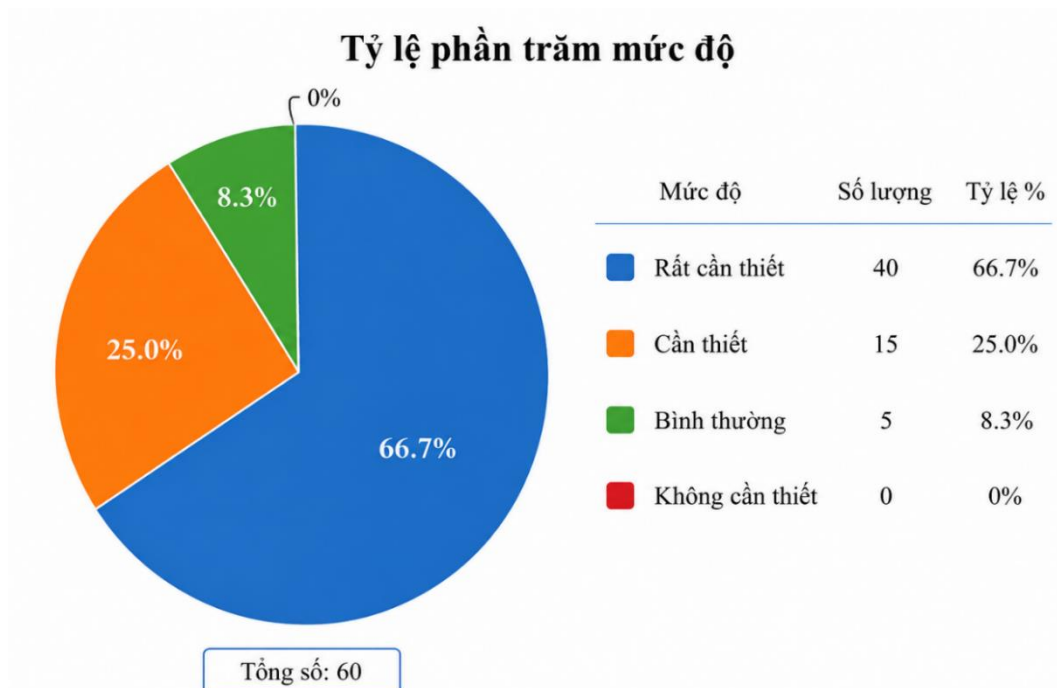
Trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS nói chung và phân môn Lịch sử nói riêng, việc sử dụng các PPDH tích cực góp phần khắc phục tính khô khan, nặng về ghi nhớ sự kiện, đồng thời tạo điều kiện để HS tham gia chủ động vào quá trình nhận thức lịch sử. Các kỹ thuật dạy học tích cực không chỉ giúp HS hiểu sâu kiến thức mà còn nâng cao khả năng vận dụng vào thực tiễn, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

Thực tiễn cho thấy, nhận thức được tầm quan trọng của việc đổi mới PPDH theo hướng tích cực, phần lớn GV đã bước đầu vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình giảng dạy phân môn Lịch sử ở trường THCS. Tuy nhiên, mức độ sử dụng, hiệu quả tổ chức cũng như sự phù hợp với từng nội dung bài học vẫn còn nhiều hạn chế và chưa đồng đều giữa các cơ sở giáo dục.

Xuất phát từ cơ sở lý luận và yêu cầu thực tiễn nêu trên, tác giả đã tiến hành khảo sát thực trạng việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở một số trường THCS trên địa bàn tỉnh. Đối tượng khảo sát bao gồm 60 GV giảng dạy lịch sử và 200 HS lớp 9 tại các trường như THCS Ninh Hải, THCS Khánh Thượng, THCS Ninh Thắng, ... Thông qua phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi kết hợp trao đổi trực tiếp, kết quả khảo sát được tổng hợp và phân tích làm cơ sở để đánh giá một cách khách quan, toàn diện thực trạng vấn đề nghiên cứu.

Đối với giáo viên:

Khi được hỏi về tầm quan trọng của việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS có kết quả cụ thể như sau:



Hình 1.7. Biểu đồ biểu thị tầm quan trọng của việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường THCS

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của đối tượng về mức độ cần thiết của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS là rất cao.

Cụ thể, tỷ lệ ý kiến đánh giá “rất cần thiết” chiếm ưu thế tuyệt đối với 66,7%. Điều này phản ánh rõ ràng rằng đa số người được khảo sát nhận thức sâu sắc vai trò quan trọng của các kỹ thuật dạy học tích cực trong việc nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử. Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy xu hướng đổi mới PPDH đang được ủng hộ mạnh mẽ.

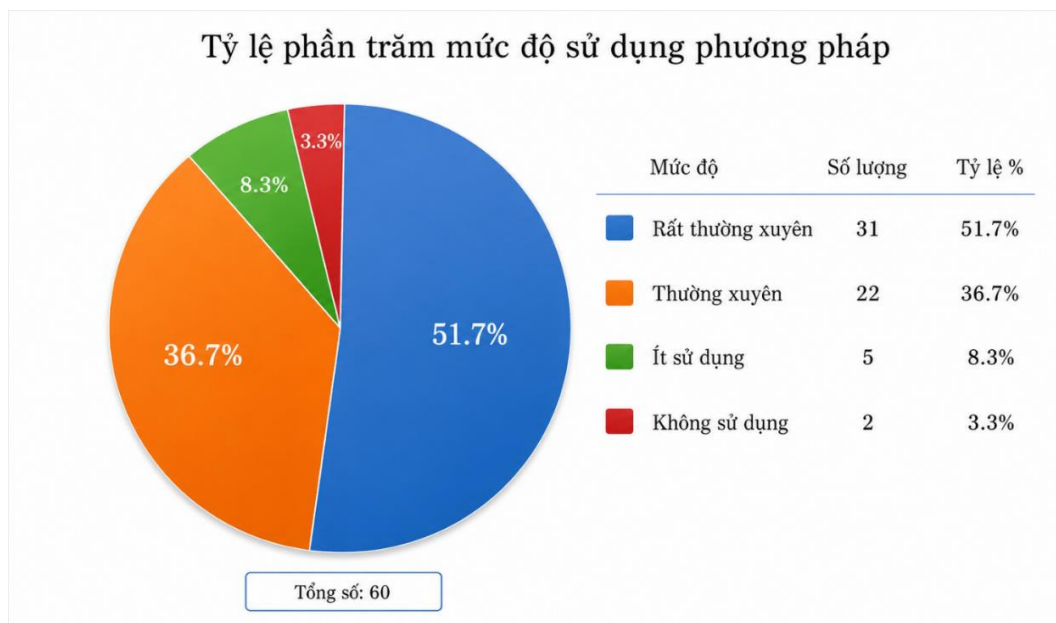
Bên cạnh đó, 25.0% ý kiến cho rằng “cần thiết”, góp phần nâng tổng số ý kiến đánh giá tích cực (cần thiết và rất cần thiết) lên tới 91,7%. Điều này khẳng định gần như toàn bộ đối tượng khảo sát đều có thái độ đồng thuận với việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực.

Tỷ lệ ý kiến cho rằng “bình thường” chỉ chiếm 8,3%, cho thấy số ít người vẫn chưa nhận thức đầy đủ hoặc chưa có trải nghiệm rõ ràng về hiệu quả của các kỹ thuật này. Đáng chú ý, không có ý kiến nào cho rằng “không cần thiết” (0%), điều này càng củng cố thêm tính tất yếu của việc đổi mới phương pháp dạy học.

Thông qua kết quả khảo sát trên có thể thấy được việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu cấp thiết, được đa số GV và người học đồng tình. Đây

là cơ sở quan trọng giúp thúc đẩy việc phát triển rộng rãi và có hiệu quả các PPDH hiện đại trong thực tiễn giáo dục.

Về mức độ sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS:



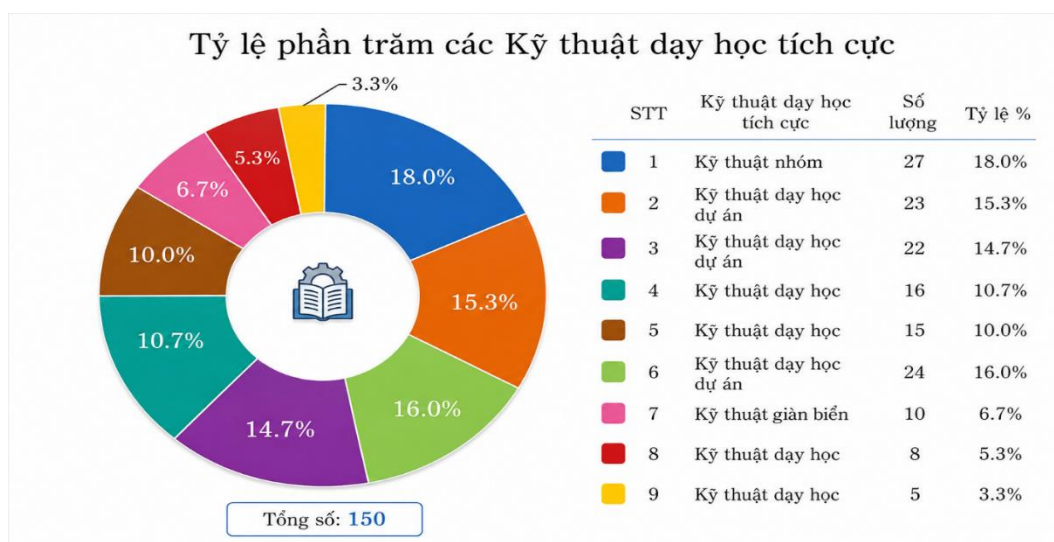
Hình 1.8. Biểu đồ biểu thị mức độ sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS khá cao, nhưng vẫn còn sự chênh lệch nhất định.

Cụ thể, tỷ lệ GV “rất thường xuyên” sử dụng chiếm 51,7% - đây là mức cao nhất, cho thấy hơn một nửa số người khảo sát đã tích cực vận dụng các kỹ thuật dạy học hiện đại vào giảng dạy. Bên cạnh đó, 36,7% GV “thường xuyên” sử dụng, nâng tổng tỷ lệ sử dụng ở mức thường xuyên trở lên lên tới 88,34%. Điều này phản ánh xu hướng đổi mới PPDH đang được triển khai tương đối rộng rãi trong thực tế.

Tuy nhiên, vẫn còn 8,3% ý kiến cho biết “ít sử dụng” và 3,33% “không sử dụng”. Điều này cho thấy một bộ phận nhỏ GV chưa thực sự áp dụng hoặc còn gặp khó khăn trong việc triển khai các kỹ thuật dạy học tích cực, có thể do hạn chế về thời gian, điều kiện dạy học hoặc năng lực tổ chức hoạt động.

Câu hỏi về việc thầy/cô thường sử dụng những kỹ thuật dạy học tích cực nào trong quá trình dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS:



Hình 1.9. Biểu đồ biểu thị các kỹ thuật dạy học tích cực mà GV thường sử dụng trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS

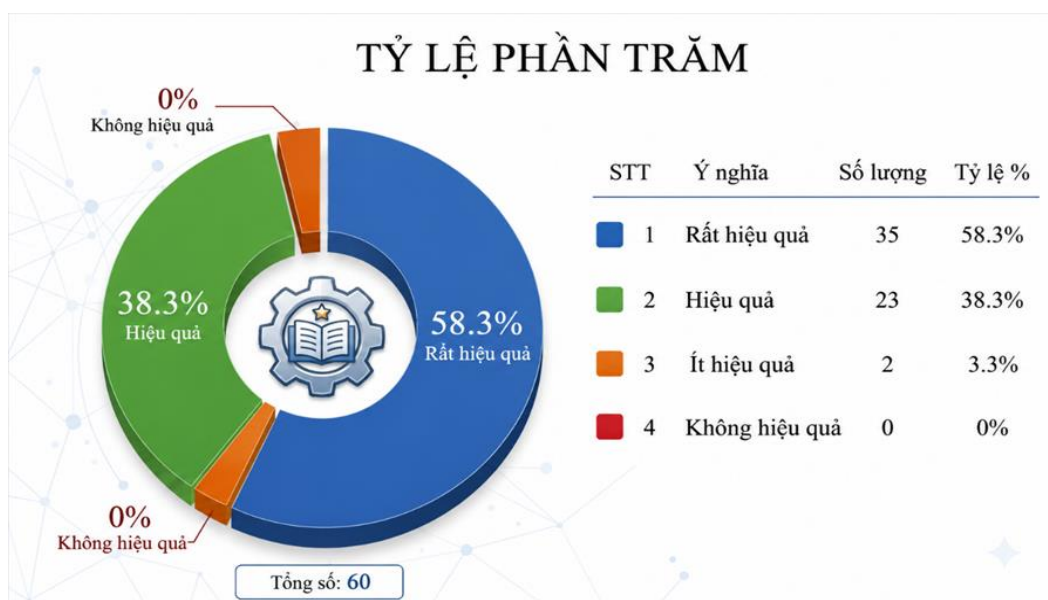
Kết quả khảo sát cho thấy việc lựa chọn các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS có sự phân hóa rõ rệt.

Trước hết, các kỹ thuật được sử dụng nhiều nhất là kỹ thuật nhóm (18,0%), kỹ thuật trò chơi (16,0%), kỹ thuật dạy học dự án (15,3%) và kỹ thuật sơ đồ tư duy (14,7%). Đây đều là những kỹ thuật có khả năng phát huy tính tích cực, chủ động và tăng cường sự tương tác của học sinh, đồng thời phù hợp với đặc trưng môn Lịch sử. Đặc biệt, kỹ thuật nhóm và trò chơi thường dễ tổ chức trong điều kiện lớp học THCS nên được GV ưu tiên lựa chọn.

Nhóm các kỹ thuật có mức sử dụng trung bình gồm khăn trải bàn (10,7%) và 5W1H (10,0%). Những kỹ thuật này bước đầu đã được áp dụng nhưng chưa thực sự phổ biến, có thể do đòi hỏi GV phải có kỹ năng tổ chức tốt và mất nhiều thời gian chuẩn bị hơn.

Các kỹ thuật có tỷ lệ thấp như mảnh ghép (6,7%), bể cá (5,3%) và các kỹ thuật khác (3,3%) cho thấy GV còn ít sử dụng. Nguyên nhân có thể xuất phát từ việc các kỹ thuật này tương đối phức tạp trong tổ chức, yêu cầu cao về quản lý lớp học hoặc chưa được tập huấn đầy đủ.

Về tác dụng của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS đối với việc phát huy năng lực, phẩm chất của HS:



Hình 1.10. Biểu đồ biểu thị tác dụng của việc sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS

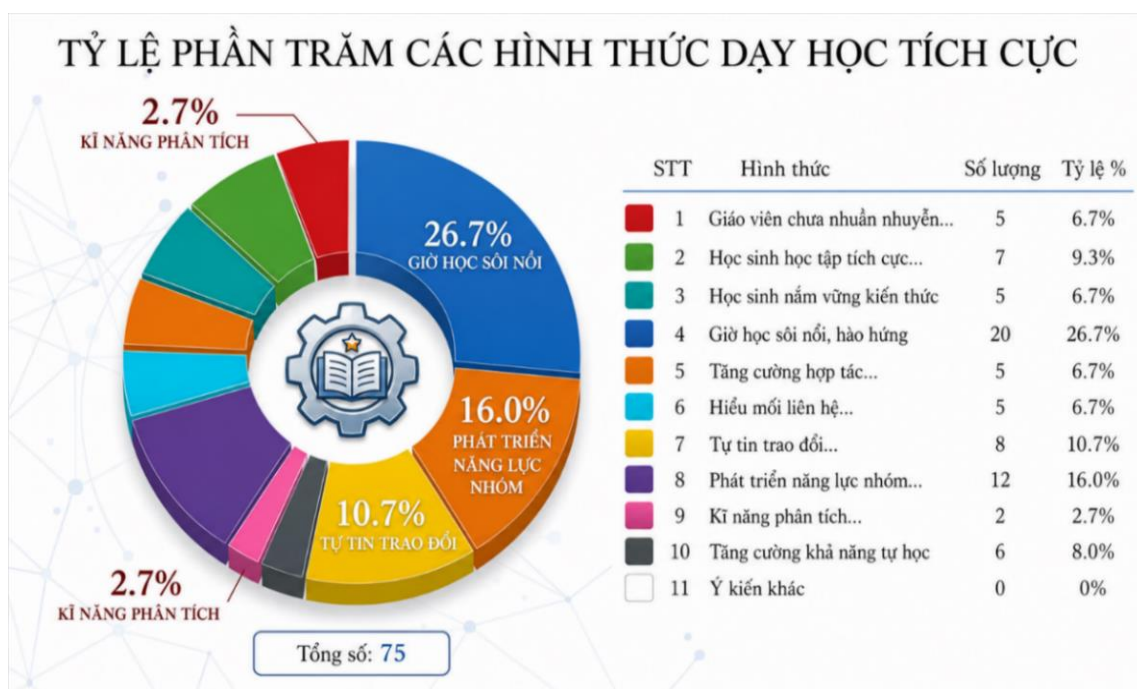
Bảng số liệu phản ánh mức độ đánh giá về tác dụng của việc sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS.

Trước hết, tỷ lệ ý kiến cho rằng “rất hiệu quả” chiếm 58,3% - mức cao nhất trong các phương án. Điều này phản ánh rằng hơn một nửa số người được khảo sát nhận thấy rõ hiệu quả nổi bật của việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực, đặc biệt trong việc nâng cao hứng thú học tập, phát huy tính chủ động và khả năng tư duy của HS.

Bên cạnh đó, 38,3% ý kiến đánh giá “hiệu quả”, nâng tổng số ý kiến đánh giá tích cực (hiệu quả và rất hiệu quả) lên tới 96,7%. Đây là một con số rất cao, cho thấy phần lớn GV và HS đều có sự đồng thuận về vai trò tích cực của các kỹ thuật dạy học hiện đại trong giảng dạy phân môn Lịch sử.

Trong khi đó, chỉ có 3,3% ý kiến cho rằng “ít hiệu quả” và không có ý kiến nào đánh giá “không hiệu quả” (0%). Điều này chứng tỏ việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực gần như không gây tác động tiêu cực, mà ngược lại, mang lại nhiều lợi ích rõ rệt.

Ý nghĩa của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS là:



Hình 1.11. Biểu đồ biểu thị ý nghĩa của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS

Kết quả khảo sát cho thấy việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS mang lại nhiều ý nghĩa rõ rệt, thể hiện trên nhiều phương diện.

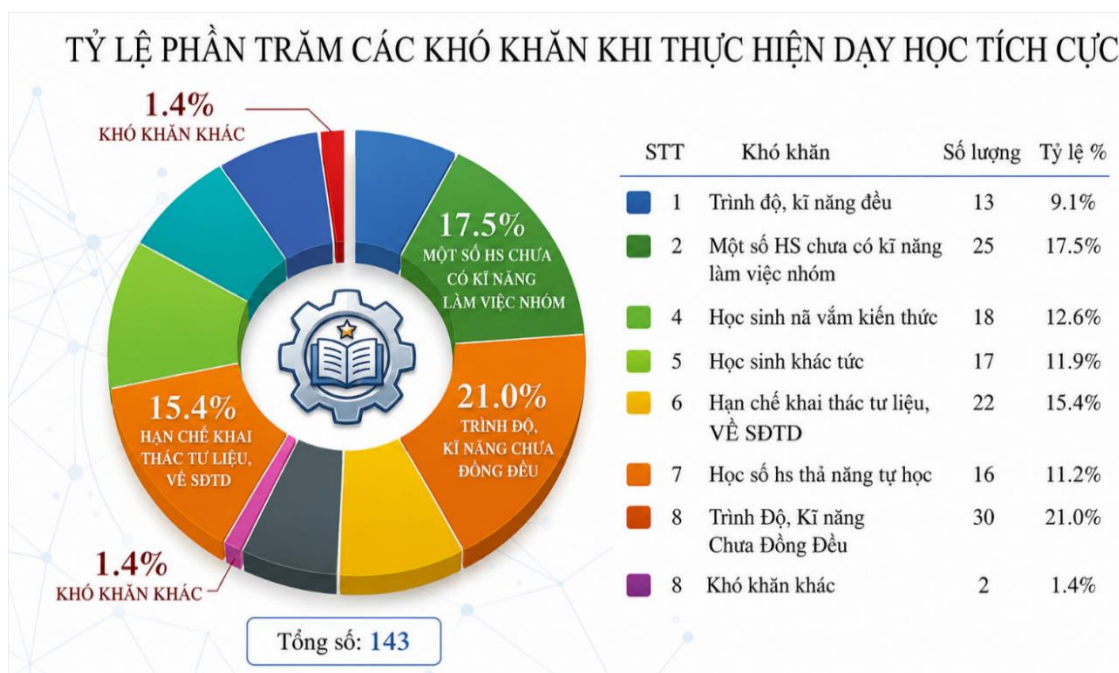
Nổi bật nhất là ý kiến cho rằng “giờ học sôi nổi, hào hứng” chiếm tỷ lệ cao nhất (26,7%). Điều này cho thấy các kỹ thuật dạy học tích cực đã góp phần quan trọng trong việc tạo hứng thú học tập, khắc phục tình trạng học thụ động vốn phổ biến trong phân môn Lịch sử.

Tiếp theo là “phát triển năng lực hợp tác, làm việc nhóm” (16,0%) và “rèn khả năng tự tin trao đổi, thảo luận” (10,7%). Những con số này phản ánh rõ vai trò của các kỹ thuật dạy học tích cực trong việc phát triển kỹ năng mềm và năng lực xã hội cho HS, phù hợp với định hướng giáo dục phát triển năng lực hiện nay.

Ngoài ra, các ý nghĩa như HS học tập tích cực, chủ động, sáng tạo (9,3%), tăng cường khả năng tự học (8,0%), hay nắm vững kiến thức và hiểu mối liên hệ lịch sử đều (6,7%) cho thấy các kỹ thuật này không chỉ tạo hứng thú mà còn nâng cao chất lượng nhận thức và tư duy lịch sử.

Tuy nhiên, tỷ lệ thấp ở tiêu chí “rèn luyện kỹ năng phân tích, tư duy logic” (2,7%) cho thấy việc phát triển tư duy bậc cao chưa thực sự được khai thác hiệu quả. Bên cạnh đó, vẫn có (6,7%) ý kiến cho rằng GV chưa nhuần nhuyễn kỹ thuật, phản ánh một số hạn chế trong quá trình triển khai.

Khó khăn mà GV thường gặp phải khi thực hiện các kỹ thuật dạy học trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS:



Hình 1.12. Biểu đồ biểu thị khó khăn trong việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực

Kết quả khảo sát cho thấy GV gặp nhiều khó khăn khi triển khai các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, trong đó nổi bật là các yếu tố liên quan đến năng lực và đặc điểm của HS.

Trước hết, khó khăn lớn nhất là “trình độ, kĩ năng của HS chưa đồng đều” chiếm tỷ lệ cao nhất (21.0%). Điều này phản ánh thực tế rằng sự chênh lệch về năng lực HS trong cùng một lớp gây trở ngại đáng kể cho việc tổ chức các hoạt động học tập tích cực, vốn đòi hỏi sự tham gia đồng đều.

Tiếp theo là “HS chưa có kỹ năng làm việc nhóm” (17,5%) và “hạn chế trong khai thác tư liệu, vẽ sơ đồ tư duy” (15,4%). Những khó khăn này cho thấy HS còn thiếu các kỹ năng học tập cần thiết để thích ứng với PPDH mới, đặc biệt là các kỹ năng hợp tác và xử lý thông tin.

Ngoài ra, các khó khăn như HS lúng túng khi thực hiện (12,6%), khả năng trình bày hạn chế (11,9%) và khó khăn trong liên hệ, vận dụng kiến thức (11,2%) phản ánh việc HS chưa thực sự quen với cách học tích cực, còn phụ thuộc vào phương pháp truyền thống.

Đáng chú ý, yếu tố “thời gian tiết học không đủ” chiếm 9,1%, cho thấy áp lực về thời lượng cũng là một rào cản nhất định đối với GV khi tổ chức các hoạt động dạy học tích cực.

Trên cơ sở phân tích số liệu khảo sát về mức độ cần thiết, tần suất sử dụng, hiệu quả, ý nghĩa và những khó khăn trong quá trình triển khai, có thể rút ra một số nhận định mang tính khái quát về thực trạng sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS như sau:

Trước hết, về nhận thức, đa số GV đã có sự đánh giá đúng đắn và đầy đủ về vai trò của các kỹ thuật dạy học tích cực. Các kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ ý kiến đánh giá ở mức “cần thiết” và “rất cần thiết” chiếm ưu thế tuyệt đối, đồng thời hiệu quả của việc sử dụng các kỹ thuật này cũng được ghi nhận ở mức cao. Điều này chứng tỏ định hướng đổi mới PPDH theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HS đã từng bước được tiếp nhận và triển khai trong thực tiễn dạy học lịch sử.

Về mức độ sử dụng, phần lớn GV đã vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực với tần suất tương đối thường xuyên. Tuy nhiên, việc sử dụng còn mang tính chưa đồng đều và thiếu đa dạng, chủ yếu tập trung vào một số kỹ thuật quen thuộc như dạy học nhóm, trò chơi, sơ đồ tư duy, dạy học dự án. Trong khi đó, một số kỹ thuật khác đòi hỏi cao về tổ chức và kỹ năng sư phạm như mảnh ghép, bể cá, ... vẫn chưa được khai thác hiệu quả. Thực trạng này phản ánh xu hướng lựa chọn các kỹ thuật dễ áp dụng, phù hợp với điều kiện lớp học, nhưng đồng thời cũng cho thấy sự hạn chế trong việc mở rộng và linh hoạt hóa phương pháp dạy học.

Về hiệu quả và ý nghĩa sư phạm, việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực đã mang lại những chuyển biến rõ rệt trong quá trình dạy học. Các kỹ thuật này góp phần tạo ra môi trường học tập sôi nổi, tăng cường hứng thú học tập cho học sinh, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và nâng cao khả năng hợp tác, giao tiếp. Bên cạnh đó, việc vận dụng các kỹ thuật còn hỗ trợ HS trong việc nắm vững kiến thức, hiểu được mối liên hệ giữa các sự kiện lịch sử và bước đầu hình thành năng lực tự học. Tuy nhiên, hiệu quả ở một số khía cạnh như phát triển tư duy phân tích, tư duy logic vẫn chưa thực sự nổi bật.

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực, quá trình triển khai các kỹ thuật dạy học tích cực vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn. Các khó khăn chủ yếu xuất phát từ phía HS, bao gồm: trình độ và kỹ năng không đồng đều; hạn chế trong kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, phân tích và vận dụng kiến thức; sự lúng túng khi tham gia các hoạt động học tập tích cực. Bên cạnh đó, một bộ phận GV vẫn chưa thực

sự nhuần nhuyễn trong việc tổ chức và điều hành các kỹ thuật dạy học. Ngoài ra, các yếu tố khách quan như thời lượng tiết học hạn chế và điều kiện tổ chức dạy học cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả triển khai.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng: việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học lịch sử ở trường THCS đã được triển khai tương đối rộng rãi và bước đầu đạt hiệu quả tích cực, song vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về mức độ đồng đều, tính đa dạng và chiều sâu trong vận dụng.

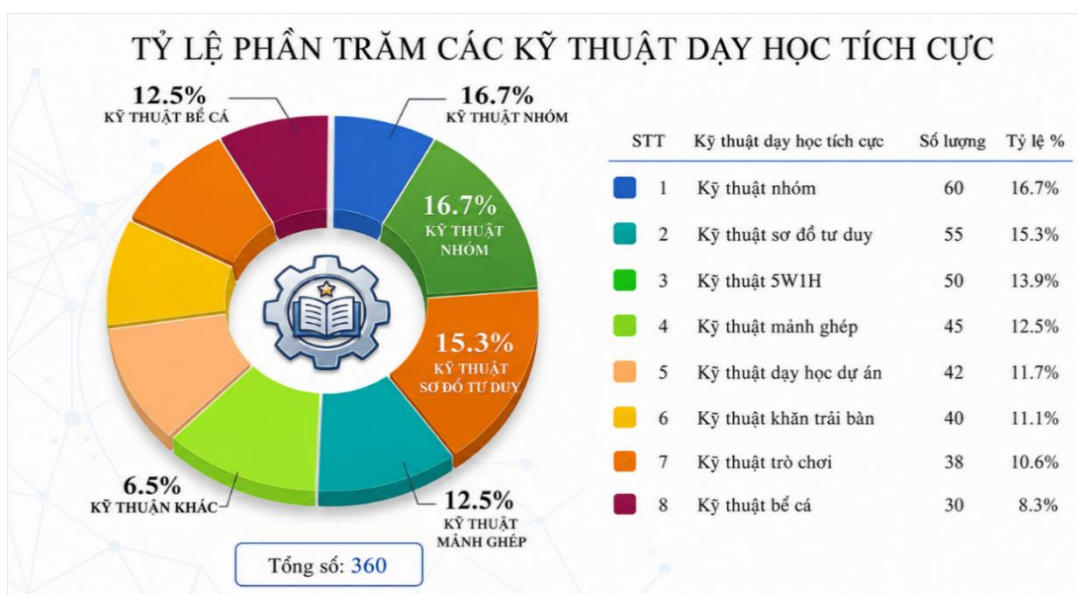
Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục bồi dưỡng năng lực phương pháp cho GV, đồng thời tăng cường rèn luyện kỹ năng học tập tích cực cho HS, nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng các kỹ thuật dạy học. Bên cạnh đó, cần có sự điều chỉnh phù hợp về tổ chức dạy học và điều kiện thực hiện để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Đối với HS:

Khi điều tra 200 HS với các câu hỏi liên quan đến việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, tôi nhận được kết quả như sau:

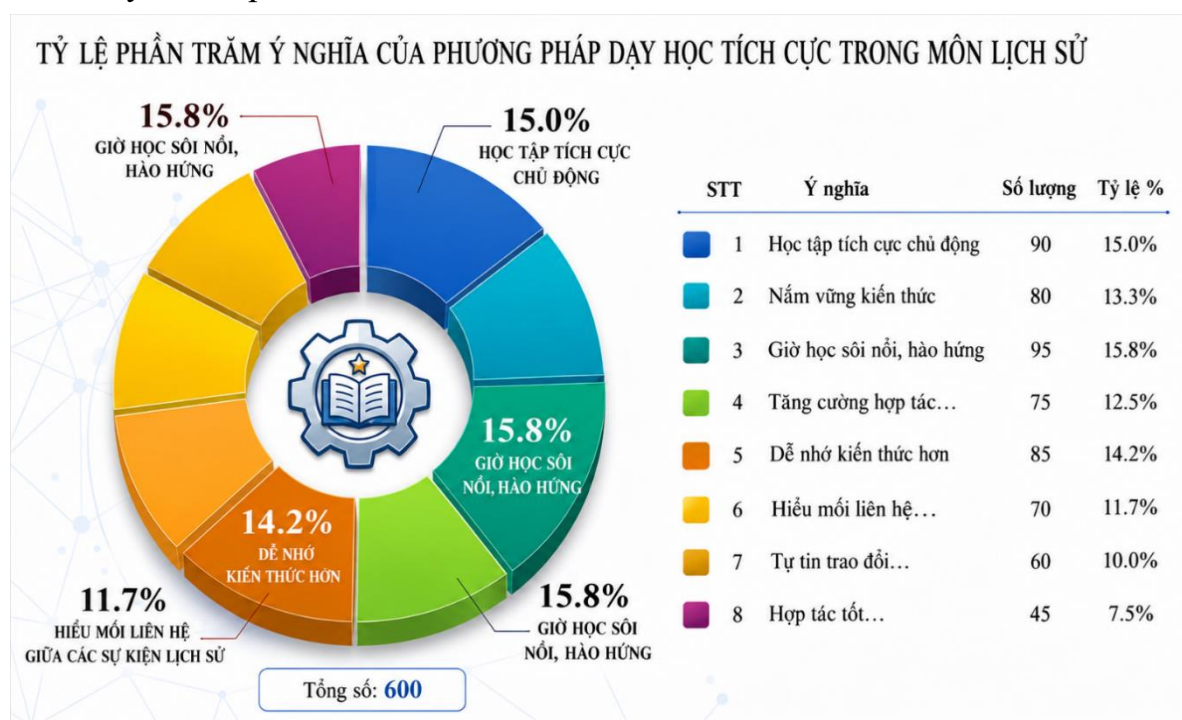
Với câu hỏi về mức độ các em được thực hiện các kỹ thuật dạy học tích cực trong việc học tập phân môn Lịch sử ở trường THCS là rất thường xuyên

Với câu hỏi về sự cần thiết của việc thường xuyên được tổ chức các kỹ thuật dạy học tích cực là rất thường xuyên có 80% - (160 HS) lựa chọn; 17% - (34 HS) lựa chọn mức thỉnh thoảng; 3% - (6 HS) lựa chọn mức bình thường. Như vậy, hầu hết HS đều khẳng định việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học là quan trọng, cần thiết để giúp các em phát triển năng lực, kỹ năng cần thiết.



Hình 1.13. Biểu đồ biểu thị các kỹ thuật dạy học tích cực mà HS đã tham gia thực hiện

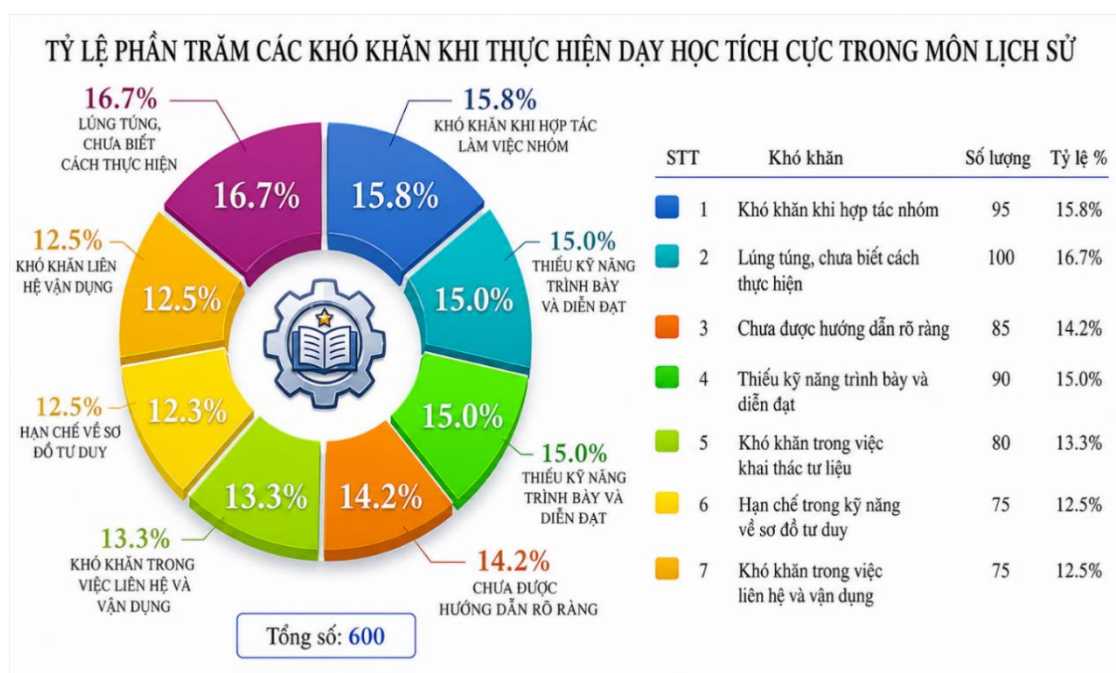
Kết quả khảo sát cho thấy HS đã được tiếp cận khá đa dạng các kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình học tập phân môn lịch sử. Nhìn chung, sự phân bố tỷ lệ tương đối đồng đều giữa các kỹ thuật cho thấy GV đã có sự kết hợp linh hoạt nhiều hình thức dạy học tích cực, tuy nhiên vẫn có xu hướng tập trung vào một số kỹ thuật quen thuộc, dễ tổ chức.



Hình 1.14. Biểu đồ biểu thị ý nghĩa của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong phân môn Lịch sử ở trường THCS đối với HS

Việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học lịch sử ở trường THCS không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn góp phần phát triển năng lực và phẩm chất HS, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay.

Bảng 1.9 thể hiện những khó khăn mà HS thường gặp trong học tập lịch sử, các em được thực hiện các kỹ thuật dạy học tích cực trong học tập phân môn Lịch sử ở trường THCS.



Hình 1.15. Biểu đồ biểu thị khó khăn mà HS thường gặp trong học tập phân môn Lịch sử

Tóm lại, việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực tuy mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với HS. Do đó, cần có sự điều chỉnh hợp lý trong tổ chức dạy học nhằm giúp HS thích nghi và phát huy hiệu quả cao nhất trong quá trình học tập phân môn Lịch sử.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn để trình bày, có thể khẳng định rằng việc sử dụng kỹ thuật dạy học trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS là một yêu cầu tất yếu, rất phù hợp so với định hướng trong đổi mới giáo dục hiện nay. Những quan niệm về PPDH, PPDH tích cực và kỹ thuật dạy học đã không chỉ làm rõ được nội dung dưới nhiều góc độ mà còn giúp truyền thụ tri thức, là quá trình tổ chức hoạt động nhận thức tích cực, chủ động và sáng tạo của HS.

Về mặt lý luận, các khái niệm trung tâm như PPDH và kỹ thuật dạy học đã được xác định với nội hàm rõ ràng, đồng thời làm nổi bật mối quan hệ giữa chúng. Nếu PPDH giữ vai trò định hướng chung thì kỹ thuật dạy học chính là phương tiện cụ thể hóa, là công cụ có tác dụng giúp hiện thực hóa các mục tiêu dạy học trong từng tình huống sư phạm. Việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như: mảnh ghép, sơ đồ tư duy, 5W1H, dạy học theo nhóm, dạy học dự án ... Không chỉ góp phần đổi mới được hình thức tổ chức lớp học mà còn tạo điều kiện phát huy tối đa vai trò chủ thể trong quá trình tiếp thu kiến thức.

Đối với phân môn Lịch sử lớp 9, nội dung chương trình mang tính tổng hợp, khái quát cao phản ánh những vấn đề trọng tâm của lịch sử Việt Nam và thế giới hiện đại. Chính vì vậy, việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực mang ý nghĩa quan trọng trong việc giúp HS không chỉ nắm vững kiến thức mà còn chủ động tư duy logic và phát triển toàn diện.

Từ thực tiễn khảo sát đã phân nào cho thấy những thuận lợi và khó khăn trong việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học phân môn Lịch sử tại một số trường THCS hiện nay. Mặc dù GV đã có những nhận thức về vấn đề sử dụng kỹ thuật trong dạy học tích cực tuy nhiên vẫn còn mang tính hình thức, chưa có hiệu quả cao trong khi sử dụng.

Như vậy, Chương 1 đã xây dựng được một nền tảng cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho đề tài nghiên cứu. Những vấn đề này đã phân tích không chỉ góp phần làm sáng tỏ cơ sở khoa học của vấn đề việc sử dụng kỹ thuật dạy học trong dạy học lịch sử ở trường THCS mà còn là tiền đề giúp phát triển các giải pháp cụ thể hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục.

CHƯƠNG 2. SỬ DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC ĐỂ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BÀI HỌC CHƯƠNG 2. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

2.1. Sử dụng kỹ thuật dạy học để thiết kế kế hoạch dạy học

2.1.1. Trong bài nội khóa

2.1.1.1. Sử dụng kỹ thuật dạy học để thiết kế hoạt động khởi động

Trong dạy học nói chung, dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS nói riêng, hoạt động khởi động giữ vai trò quan trọng trong tiến trình thực hiện bài học. “Giới thiệu bài học mới nhằm nêu nhiệm vụ học tập và cách thức thực hiện để đạt mục tiêu bài học, tạo động cơ học tập cho HS, hướng dẫn các em suy nghĩ, tiếp nhận, ghi chép bài học” [15; tr.119]. Hoạt động khởi động là bước mở đầu của tiến trình tổ chức bài học, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm tạo tâm thế học tập, kích thích hứng thú nhận thức và định hướng hoạt động nhận thức của HS. Hoạt động khởi động là cầu nối giữa kiến thức đã học với kiến thức mới, bước tạo tình huống học tập để dẫn dắt HS vào bài, đồng thời là cơ sở định hướng cho các hoạt động khám phá, luyện tập và vận dụng tiếp theo nên hoạt động khởi động thường được tiến hành ở đầu giờ học, trước khi tổ chức hoạt động hình thành kiến thức mới cho HS. Khác với cách mở bài truyền thống mang tính thông báo, hoạt động khởi động hiện đại hướng tới việc tạo ra nhu cầu nhận thức, nghĩa là làm cho HS muốn tìm hiểu vấn đề lịch sử sắp học.

Hoạt động khởi động không chỉ đơn thuần là kiểm tra kiến thức đã học hay dẫn dắt vào bài mới mà trở thành một yếu tố sư phạm có chức năng tổ chức, định hướng và khơi gợi tư duy lịch sử cho HS. Có nhiều cách để GV tổ chức hoạt động khởi động, trong đó có việc sử dụng các kỹ thuật dạy học. GV có thể sử dụng một hoặc phối hợp nhiều biện pháp, cách thức, kỹ thuật dạy học ... khác nhau để khởi động bài học. Trong dạy học lịch sử Chương 2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 tùy vào nội dung, mục tiêu cụ thể của từng bài, GV lựa chọn kỹ thuật dạy học phù hợp để phát huy năng lực HS.

Khi dạy *Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ 1918 - 1930*, GV có thể linh hoạt sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực như tổ chức trò chơi kết hợp với hoạt động nhóm hoặc sử dụng sơ đồ tư duy, ... để tổ chức phần khởi động trước khi tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới.

Trước hết, với kỹ thuật trò chơi theo nhóm “Mảnh ghép bí ẩn”, GV tiến hành chia lớp thành các nhóm nhỏ, thường là 4 nhóm tương ứng với số lượng nội dung cần khai thác. GV chuẩn bị một bảng gồm các ô che hình, phía sau mỗi ô là

hình ảnh của một nhân vật lịch sử tiêu biểu như: Hàm Nghi, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Hồ Chí Minh. Mỗi nhóm lần lượt lựa chọn một ô và tiến hành “lật mảnh ghép”. Khi hình ảnh được mở ra, nhóm có nhiệm vụ nhận diện nhân vật và trình bày ngắn gọn những hiểu biết cơ bản về nhân vật đó, bao gồm vai trò lịch sử, xu hướng cứu nước hoặc thời gian hoạt động.



Hình 2.1. Mô tả quá trình khởi động áp dụng kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học bài 5

Thông qua hoạt động này, HS không chỉ được ôn lại kiến thức về các phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX mà còn phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và tư duy lịch sử. Đồng thời, yếu tố trò chơi tạo ra sự hấp dẫn, kích thích tính tò mò và chủ động tham gia của HS. Sau khi các nhóm hoàn thành nhiệm vụ, GV tổng hợp, nhận xét và khái quát lại: các phong trào yêu nước trước năm 1918 tuy diễn ra sôi nổi nhưng chưa tìm ra con đường cứu nước phù hợp. Từ đó, GV dẫn dắt một cách tự nhiên vào nội dung bài học mới về những chuyển biến của phong trào dân tộc dân chủ giai đoạn 1918 - 1930.

GV cũng có thể sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy trong phần khởi động nhằm tạo sự mới mẻ và tăng cường khả năng hệ thống hóa kiến thức cho HS. Cụ thể,

GV đưa ra một sơ đồ tư duy chưa hoàn chỉnh, trong đó trung tâm là chủ đề “Phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX”, còn các nhánh khác để tên của các nhân vật như: Hàm Nghi, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hồ Chí Minh sau đó để trống phần thông tin. HS sẽ dựa vào kiến thức đã học kết hợp với gợi ý của GV để điền thông tin các nhân vật hoàn thiện sơ đồ.



Hình 2.2. Mô tả quá trình khởi động áp dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy trong dạy học bài 5

Việc sử dụng sơ đồ tư duy giúp HS hình dung được mối quan hệ giữa các nhân vật, các xu hướng cứu nước cũng như tiến trình phát triển của phong trào yêu nước. Đồng thời, phương pháp này phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS THCS khi kết hợp giữa hình ảnh và từ khóa, góp phần nâng cao hiệu quả ghi nhớ và khả năng khái quát hóa kiến thức.

Sau khi hoàn thiện sơ đồ, GV tiến hành nhận xét, bổ sung và dẫn dắt: từ những nỗ lực tìm đường cứu nước trước năm 1918, lịch sử dân tộc đã bước sang một giai đoạn mới với nhiều biến đổi quan trọng trong phong trào dân tộc dân chủ.

Trong dạy học *Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, GV có thể tổ chức phần khởi động bằng cách kết hợp linh hoạt các kỹ thuật dạy học tích cực như trò chơi, 5W1H, làm việc nhóm và sơ đồ tư duy nhằm tạo hứng thú học tập, đồng thời giúp HS huy động và kết nối kiến thức đã học.

Trước hết, GV sử dụng kỹ thuật trò chơi kết hợp với 5W1H để tạo tình huống mở đầu. Cụ thể, GV đưa ra một số dữ kiện dưới dạng câu hỏi trong phiếu học tập:

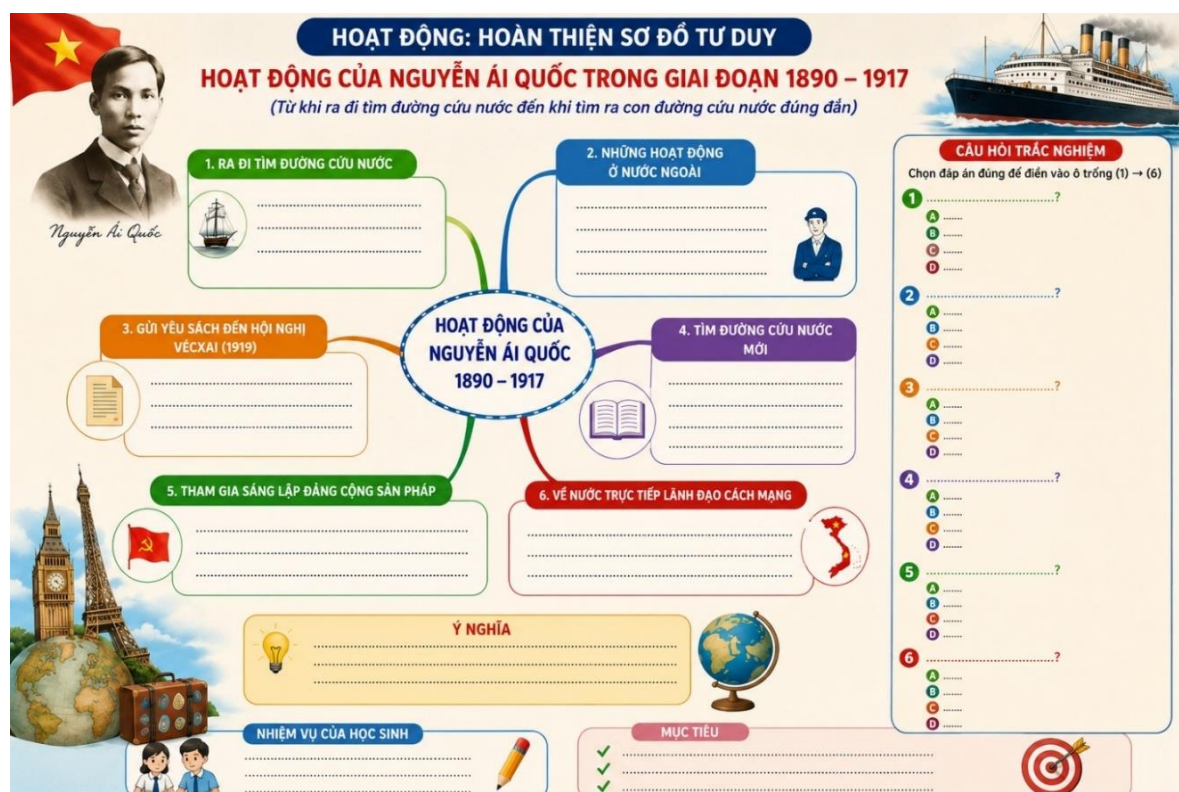
Bảng 2.1. Phiếu học tập áp dụng kỹ thuật 5W1H trong khởi động

STT	Câu hỏi	Sản phẩm
1	Why: Vì sao Nguyễn Ái Quốc phải ra đi tìm đường cứu nước?	
2	Where: Nguyễn Ái Quốc đã bắt đầu ra đi tìm đường cứu nước ở đâu?	
3	When: Sự kiện ra đi tìm đường cứu nước diễn ra vào thời gian nào?	
4	Who: Ai là người đã tìm ra con đường cứu nước mới của dân tộc ta?	
5	What: Những sự kiện quan trọng xảy ra trong thời điểm này?	
6	How: Con đường cứu nước mà Nguyễn Ái Quốc hướng tới có gì khác biệt so với các nhà yêu nước trước đó?	

HS dựa vào các dữ kiện này để suy luận và xác định nhân vật lịch sử là Nguyễn Ái Quốc. Thông qua hoạt động này, HS được gợi nhớ sự kiện quan trọng mở đầu cho hành trình tìm đường cứu nước, đồng thời bước đầu hiểu được mục đích và hướng đi của nhân vật. Từ đó, GV nhận xét và dẫn dắt vào nội dung bài học.

GV tổ chức kỹ thuật làm việc nhóm nhằm phát huy tính tích cực của HS. GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và phát cho mỗi nhóm một tờ giấy A0, yêu cầu trong thời gian khoảng 2 phút, các nhóm thảo luận và ghi nhanh các từ khóa liên quan đến hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1911 - 1930. Hoạt động này giúp HS huy động kiến thức đã biết, đồng thời rèn luyện năng lực hợp tác và tư duy khái quát thông qua việc lựa chọn và hệ thống hóa các ý chính.

GV có thể sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy để củng cố và định hướng nhận thức. GV cung cấp một sơ đồ tư duy chưa hoàn chỉnh về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1890 - 1917, trong đó còn thiếu một số thông tin quan trọng. HS sẽ dựa vào kiến thức đã học kết hợp với các câu hỏi trắc nghiệm do GV đưa ra để lựa chọn và điền vào các vị trí còn trống trong sơ đồ. Thông qua việc hoàn thiện sơ đồ, HS có điều kiện hệ thống lại kiến thức về quá trình hình thành tư tưởng cứu nước của nhân vật một cách logic và trực quan.



Hình 2.3. Mô tả thực hiện kỹ thuật sơ đồ tư duy trong khởi động bài 6

Cuối cùng, GV tổng hợp, nhận xét và khái quát: từ sự kiện ra đi năm 1911, Nguyễn Ái Quốc đã trải qua một quá trình hoạt động lâu dài và bền bỉ để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc. Chính quá trình đó đã dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930. Trên cơ sở đó, GV dẫn dắt HS vào bài học mới với câu hỏi định hướng về quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và hoàn cảnh ra đời của Đảng.

Khi dạy *Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1931*, GV có thể tổ chức phần khởi động một cách linh hoạt trong cả hai tiết học bằng việc kết hợp các kỹ thuật dạy học tích cực: trò chơi lịch sử, 5W1H và sơ đồ tư duy. Việc

sử dụng các kỹ thuật này không chỉ giúp ôn tập kiến thức đã học mà còn định hướng nội dung bài mới một cách tự nhiên, logic.

Ở tiết 1, mục 1. Phong trào cách mạng những năm 1930 - 1931, GV có thể bắt đầu bằng trò chơi lịch sử “Ai nhanh - ai đúng” gồm khoảng 4 - 5 câu hỏi trắc nghiệm nhằm kiểm tra kiến thức nền của HS về bối cảnh lịch sử trước khi Đảng ra đời. Nội dung câu hỏi tập trung vào những vấn đề cơ bản như: đời sống của nhân dân Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp (gợi ý: khổ cực, bị bóc lột nặng nề); mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam (giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai); tổ chức cách mạng do Nguyễn Ái Quốc sáng lập (Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên); sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; và ý nghĩa của sự kiện này (chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước). Thông qua hoạt động này, HS được củng cố kiến thức, đồng thời tạo không khí học tập tích cực.

TRÒ CHƠI KHỞI ĐỘNG
"AI NHANH - AI ĐÚNG?"
 Kiến thức nền về bối cảnh lịch sử trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

Mỗi câu đúng 10 điểm

CÁCH CHƠI

- GV chia lớp thành 2 - 4 đội.
- Mỗi câu hỏi có 4 đáp án A, B, C, D.
- HS giơ bảng đáp án hoặc thẻ màu.
- Mỗi đáp án đúng được 10 điểm.
- Đội có số điểm cao nhất sẽ chiến thắng!

DÁP ÁN

BỘ CÂU HỎI

- Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, đời sống của nhân dân Việt Nam như thế nào?
 A. Sung túc, ổn định
 B. Được tự do phát triển kinh tế
 C. Khổ cực, bị bóc lột nặng nề
 D. Có quyền tự quyết dân tộc
 Đáp án đúng: C
- Mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là:
 A. Nông dân với địa chủ phong kiến
 B. Công nhân với tư sản
 C. Dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai
 D. Tư sản với tiểu tư sản
 Đáp án đúng: C
- Tổ chức cách mạng do Nguyễn Ái Quốc sáng lập vào năm 1925 là:
 A. Việt Nam Quốc dân đảng
 B. Đồng Dương Cộng sản đảng
 C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
 D. Tân Việt Cách mạng đảng
 Đáp án đúng: C
- Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập vào thời gian nào?
 A. Tháng 2 năm 1930
 B. Tháng 8 năm 1945
 C. Tháng 5 năm 1911
 D. Tháng 6 năm 1925
 Đáp án đúng: A
- Ý nghĩa quan trọng nhất của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?
 A. Đưa Việt Nam trở thành nước độc lập ngay lập tức
 B. Chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước
 C. Đánh đổ hoàn toàn thực dân Pháp
 D. Thành lập chính quyền công nông đầu tiên
 Đáp án đúng: B

BẢNG ĐIỂM

ĐỘI 1 SAO VÀNG	ĐỘI 2 CHIẾN THẮNG	ĐỘI 3 ÁNH SAO	ĐỘI 4 ĐOÀN KẾT
30 điểm	40 điểm	20 điểm	30 điểm

KẾT THÚC TRÒ CHƠI

Đội chiến thắng: **ĐỘI 2 - CHIẾN THẮNG**
 Chúc mừng các bạn!

PHẦN THƯỞNG

Sticker lịch sử, Huy hiệu Nhà sử học nhí, Điểm cộng

DẶN DẪI VÀO BÀI MỚI

Qua trò chơi, chúng ta đã ôn lại những kiến thức quan trọng về bối cảnh lịch sử trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Vậy Đảng ra đời trong hoàn cảnh nào và có ý nghĩa lịch sử ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học tiếp theo!

Hình 2.4. Mô tả thực hiện kỹ thuật trò chơi trong phần khởi động bài 7

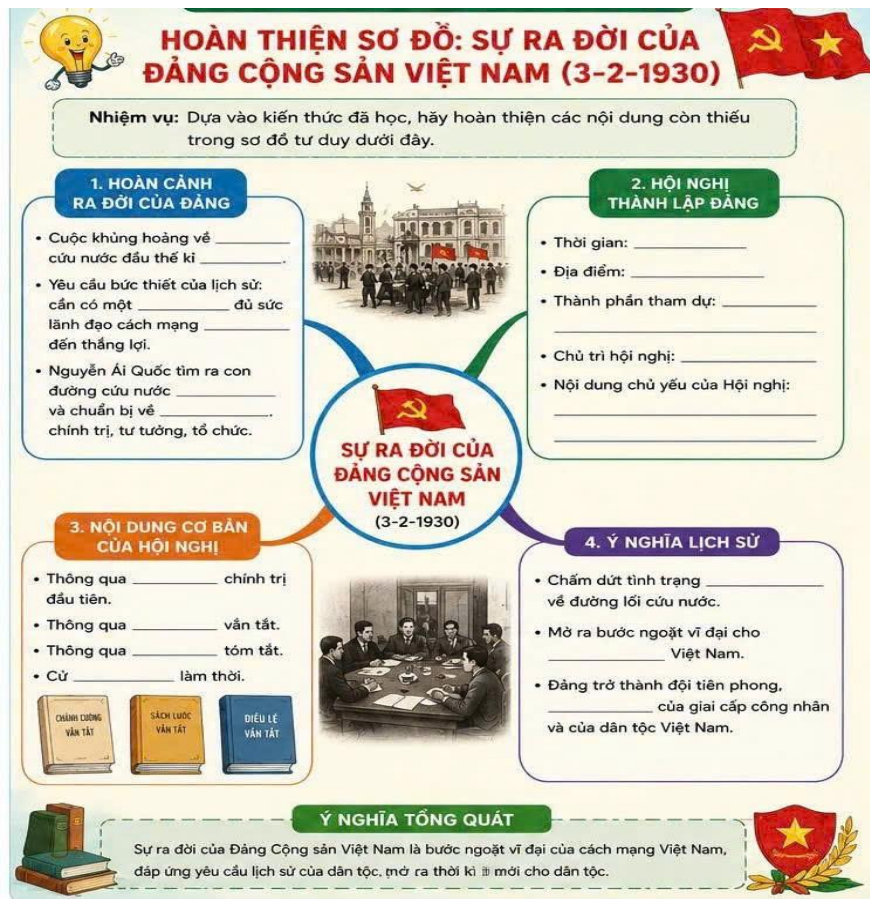
Tiếp đó, GV sử dụng kỹ thuật 5W1H dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm để giúp HS tiếp cận sự kiện thành lập Đảng một cách toàn diện. Cụ thể GV đưa ra các câu hỏi theo định hướng:

Bảng 2.2. Phiếu học tập sử dụng kỹ thuật 5W1H trong phần khởi động bài 7

STT	Câu hỏi	Sản phẩm
1	Why: Vì sao phong trào 1930-1931 lại bùng nổ?	
2	Who: Những lực lượng nào đã tham gia phong trào cách mạng 1930-1931?	
3	When: Phong trào được diễn ra trong thời gian nào?	
4	What: Phong trào đã diễn ra với những hoạt động tiêu biểu nào?	
5	Where: Phong trào cách mạng diễn ra mạnh nhất ở địa phương nào?	
6	How: Phong trào được diễn ra qua các hình thức nào?	

Hệ thống câu hỏi này giúp HS không chỉ ghi nhớ sự kiện mà còn hiểu rõ nguyên nhân, nội dung và ý nghĩa lịch sử của sự kiện, từ đó tạo nền tảng để đi vào bài học.

Khi dạy tiết 2, mục 2. Phong trào cách mạng trong những năm 1936 - 1939, GV có thể sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy nhằm hệ thống hóa kiến thức đã học. GV cung cấp một sơ đồ tư duy chưa hoàn chỉnh với các nội dung chính như: hoàn cảnh ra đời của Đảng, Hội nghị thành lập Đảng, nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử. HS dựa vào kiến thức đã học để bổ sung và hoàn thiện sơ đồ. Hoạt động này giúp HS nhìn nhận sự kiện một cách tổng thể, logic và dễ ghi nhớ hơn.



Hình 2.5. Mô tả thực hiện kỹ thuật sơ đồ tư duy trong phần khởi động bài 7

Ngoài ra, GV có áp dụng kỹ thuật 5W1H để khởi động cho HS thay vì sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy, thông qua các câu hỏi như:

Why: Vì sao Nguyễn Ái Quốc lại triệu tập Hội nghị thành lập Đảng vào đầu năm 1930?

When: Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập vào thời gian nào?

Where: Hội nghị thành lập Đảng diễn ra ở đâu?

Who: Ai là người có vai trò quyết định việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

What: Những văn kiện nào đã được thông qua tại Hội nghị?

How: Đảng ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

Những câu hỏi này giúp HS khắc sâu kiến thức, đồng thời phát triển tư duy phân tích và khái quát.


KHỞI ĐỘNG – KỸ THUẬT 5W1H


TÌM HIỂU SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3-2-1930)

Nhiệm vụ: Dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi 5W1H để khởi động bài học.

1 WHY (VÌ SAO?) 	Vì sao Nguyễn Ái Quốc lại triệu tập Hội nghị thành lập Đảng vào đầu năm 1930?	Trả lời:
2 WHEN (KHI NÀO?) 	Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập vào thời gian nào?	Trả lời:
3 WHERE (Ở ĐÂU?) 	Hội nghị thành lập Đảng diễn ra ở đâu?	Trả lời:
4 WHO (AI?) 	Ai là người có vai trò quyết định việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?	Trả lời:
5 WHAT (CÁI GÌ?) 	Những văn kiện nào đã được thông qua tại Hội nghị?	Trả lời:
6 HOW (NHƯ THẾ NÀO?) 	Đảng ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?	Trả lời:


KẾT NỐI:

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả của quá trình chuẩn bị lâu dài về tư tưởng, chính trị và tổ chức, đáp ứng yêu cầu lịch sử của dân tộc.



Hình 2.6. Mô tả thực hiện kỹ thuật 5W1H trong phần khởi động bài 7

Cả hai kỹ thuật đều giúp các em củng cố kiến thức ở bài học trước và dẫn dắt vào bài học mới. Tuy nhiên, mỗi kỹ thuật lại mang một nét đặc sắc riêng và có những hướng tiếp cận khác nhau, phù hợp với từng nội dung. Vì vậy, GV cần linh hoạt trong quá trình sáng tạo và thiết kế bài dạy.

Trong dạy học *Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945*, GV có thể tổ chức phần khởi động cho cả hai tiết học bằng cách vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học tích cực như trò chơi, 5W1H, làm việc nhóm và sơ đồ tư duy. Việc kết hợp các kỹ thuật này không chỉ tạo hứng thú học tập mà còn giúp HS huy động kiến thức đã có, từ đó định hướng tiếp cận nội dung bài học một cách khoa học và hiệu quả.

Ở tiết học thứ nhất, GV có thể bắt đầu bằng một trò chơi lịch sử nhằm gợi nhớ kiến thức nền liên quan đến bài học. Các câu hỏi nên được thiết kế ở mức độ nhận biết và thông hiểu, tập trung vào bối cảnh lịch sử, các sự kiện hoặc vấn đề có liên quan trực tiếp đến nội dung bài. Thông qua hoạt động này, HS được ôn lại

kiến thức cũ trong không khí học tập nhẹ nhàng, tạo tâm thế tích cực khi bước vào bài mới.

Cụ thể, tác giả đã đề xuất tổ chức trò chơi lịch sử mang tên “Hành trình tới Cách mạng tháng Tám năm 1945” được trực quan hóa thông qua mô hình “Cây dự kiến tương tác”



Hình 2.7. Mô tả thực hiện kỹ thuật trò chơi trong phần khởi động bài 8

Quan sát hình ảnh minh họa có thể nhìn thấy một không gian lớp học tích cực, nơi sơ đồ hóa các sự kiện tiền đề giai đoạn 1939 - 1945 được trình chiếu trên màn hình. Việc chia lớp thành các nhóm mang tên những địa danh lịch sử (Đội Tân Trào, Đội Bắc Sơn ...) không chỉ tạo ra bầu không khí sôi nổi, hào hứng thi đua mà còn là một thủ pháp sư phạm nhằm khắc sâu tính biểu tượng của các căn cứ địa cách mạng.

Ngoài ra, kết quả trò chơi còn giúp HS ôn tập kiến thức, các em hình dung được tính logic và sự tiếp nối tất yếu của lịch sử, từ đó tạo ra sự tò mò và niềm hứng khởi tự nhiên khi bước vào tiết học mới.

GV có thể sử dụng kỹ thuật 5W1H kết hợp với kỹ thuật trò chơi bằng cách đưa các câu hỏi sử dụng kỹ thuật 5W1H dưới hình thức tổ chức trò chơi để định hướng nhận thức cho học sinh. Cụ thể, GV đưa ra các câu hỏi theo các yếu tố: thời gian, địa điểm, nhân vật, nội dung sự kiện, nguyên nhân và kết quả, với hình thức trò chơi lịch sử. HS dựa vào hiểu biết đã có hoặc suy luận để trả lời. Việc khai thác theo cấu trúc 5W1H giúp HS từng bước hình dung được bức tranh tổng thể của nội dung bài học, đồng thời rèn luyện tư duy phân tích và hệ thống hóa thông tin. Trên cơ sở đó, GV nhận xét, bổ sung và dẫn dắt vào nội dung chính của bài học.

Tiết học thứ hai, GV có thể tổ chức khởi động bằng kỹ thuật làm việc nhóm nhằm củng cố kiến thức đã học ở tiết trước. GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ trong thời gian ngắn (khoảng 2 - 3 phút) yêu cầu HS thảo luận và ghi lại các từ khóa quan trọng liên quan đến nội dung bài học. Hoạt động này giúp HS huy động lại kiến thức một cách chủ động, đồng thời phát triển năng lực hợp tác và khả năng khái quát.

GV có thể sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy kết hợp với kỹ thuật nhóm để hệ thống hóa nội dung. GV có thể cung cấp một sơ đồ chưa hoàn chỉnh, trong đó các nhánh chính đã được xác định nhưng còn thiếu thông tin. HS dựa vào kết quả thảo luận nhóm và kiến thức đã học để bổ sung, hoàn thiện sơ đồ. Thông qua hoạt động này, HS có điều kiện nhìn nhận kiến thức một cách tổng thể, logic và dễ ghi nhớ hơn.



Hình 2.8. Mô tả thực hiện kỹ thuật sơ đồ tư duy kết hợp nhóm trong phần khởi động bài 8

Sau khi hoàn thành sơ đồ tư duy, GV tiếp tục sử dụng một số câu hỏi theo cấu trúc 5W1H nhằm củng cố và khắc sâu kiến thức, chẳng hạn như: sự kiện chính của bài học diễn ra trong hoàn cảnh nào, có ý nghĩa gì, vì sao được coi là quan trọng đối với lịch sử dân tộc. Những câu hỏi này giúp HS không chỉ ghi nhớ mà còn hiểu sâu bản chất của vấn đề.

2.1.1.2. Sử dụng kỹ thuật dạy học để thiết kế hoạt động hình thành kiến thức

Tiếp nối sự thành công của hoạt động khởi động trong việc khơi gợi cảm xúc và nhu cầu nhận thức, hoạt động hình thành kiến thức mới chính là “trái tim” của tiến trình dạy học, nơi HS trực tiếp tương tác với các nguồn tư liệu để xây

dựng hệ thống tri thức lịch sử. Nếu khởi động là bước tạo dựng tâm thế, thì hình thành kiến thức là giai đoạn then chốt để chuyển hóa những tò mò ban đầu thành hiểu biết khoa học, sâu sắc về quá khứ dân tộc.

Trong dạy học lịch sử ở trường THCS, việc tổ chức hoạt động hình thành kiến thức giữ vai trò trung tâm, quyết định mức độ chiếm lĩnh tri thức của HS. Theo định hướng đổi mới PPDH hiện nay, GV không chỉ truyền đạt kiến thức mà cần tổ chức cho HS tự khám phá và kiến tạo tri thức. Trong bối cảnh đó, kỹ thuật làm việc nhóm được xem là một trong những công cụ sư phạm hiệu quả, góp phần phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học. Đặc biệt, đối với *Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930*, nội dung bài học chứa đựng nhiều sự kiện, khái niệm và mối quan hệ lịch sử đòi hỏi HS phải có sự phân tích, tổng hợp, vì vậy việc sử dụng kỹ thuật làm việc nhóm trong hoạt động hình thành kiến thức là hoàn toàn phù hợp.

Về cơ sở lý luận, kỹ thuật làm việc nhóm dựa trên quan điểm dạy học kiến tạo, coi HS là chủ thể của quá trình nhận thức. Thông qua trao đổi, thảo luận và hợp tác, HS không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn tự xử lý, đánh giá và hình thành hiểu biết của riêng mình. Đồng thời, kỹ thuật này còn tạo điều kiện phát triển các năng lực quan trọng như năng lực giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Do đó, việc vận dụng kỹ thuật làm việc nhóm trong dạy học lịch sử không chỉ nhằm mục tiêu truyền đạt kiến thức mà còn hướng tới phát triển năng lực toàn diện cho HS.

Trong quá trình thiết kế hoạt động hình thành kiến thức bằng kỹ thuật làm việc nhóm ở *Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930*, cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản như: xác định rõ mục tiêu của từng hoạt động, xây dựng hệ thống câu hỏi định hướng phù hợp với tiến trình nhận thức của HS, giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng và đảm bảo mỗi nhóm đều có sản phẩm học tập nhất định. Đồng thời, GV cần tổ chức, điều phối hoạt động một cách linh hoạt, tạo điều kiện cho mọi thành viên trong nhóm đều tham gia và đóng góp ý kiến.



Hình 2.9. Mô tả thực hiện kỹ thuật nhóm trong hoạt động hình thành kiến thức bài 5

Cụ thể, khi tổ chức hoạt động hình thành kiến thức về bối cảnh lịch sử, GV có thể chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ tìm hiểu các khía cạnh khác nhau của bối cảnh thế giới và trong nước. Hệ thống câu hỏi định hướng được thiết kế theo hướng gợi mở, chẳng hạn yêu cầu HS phân tích những biến chuyển của tình hình thế giới đầu thế kỷ XX và đặc điểm của xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân. Trên cơ sở đó, người học tiến hành đọc sách giáo khoa, trao đổi trong nhóm và tổng hợp thông tin vào bảng hệ thống. Quá trình này giúp HS không chỉ ghi nhớ kiến thức mà còn hiểu được mối quan hệ giữa các yếu tố lịch sử.

Đối với nội dung tìm hiểu diễn biến hoặc các hoạt động chính, kỹ thuật làm việc nhóm được triển khai theo hướng phân công mỗi nhóm phụ trách một giai đoạn hoặc một sự kiện cụ thể. GV cung cấp phiếu học tập với các yêu cầu xác định thời gian, nội dung và đặc điểm của sự kiện. HS sau khi thảo luận sẽ trình bày kết quả theo hình thức tiếp nối giữa các nhóm, qua đó hình thành một bức tranh tổng thể về tiến trình lịch sử. Cách tổ chức này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn tạo cơ hội cho HS rèn luyện kỹ năng trình bày và lắng nghe.

Ở nội dung ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm, GV tiếp tục vận dụng kỹ thuật làm việc nhóm nhằm phát triển tư duy khái quát của HS. Các nhóm được yêu cầu thảo luận, đưa ra nhận xét và đánh giá về ý nghĩa của sự kiện đối với lịch sử dân tộc. Việc trình bày kết quả dưới dạng sơ đồ tư duy hoặc hệ thống ý chính giúp HS dễ dàng ghi nhớ và nhận thức sâu sắc hơn về giá trị của kiến thức lịch

sử. Đồng thời, thông qua hoạt động này, HS còn được rèn luyện khả năng lập luận và bảo vệ quan điểm của mình.

Thực tiễn cho thấy, việc sử dụng kỹ thuật làm việc nhóm trong hoạt động hình thành kiến thức mang lại nhiều hiệu quả tích cực. HS trở nên chủ động hơn trong quá trình học tập, hứng thú với môn học được nâng cao và khả năng hiểu bài sâu sắc hơn so với PPDH truyền thống. Tuy nhiên, nếu không tổ chức hợp lý, hoạt động nhóm có thể dẫn đến tình trạng mất thời gian hoặc một số HS không tham gia tích cực. Vì vậy, GV cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, phân công nhiệm vụ rõ ràng và kiểm soát thời gian chặt chẽ để đảm bảo hiệu quả của hoạt động.

Như vậy, có thể khẳng định rằng việc sử dụng kỹ thuật làm việc nhóm trong thiết kế hoạt động hình thành kiến thức ở *Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918-1930* là một hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu đổi mới PPDH hiện nay. Không chỉ góp phần nâng cao chất lượng tiếp thu kiến thức, kỹ thuật này còn tạo điều kiện phát triển các năng lực cần thiết cho HS, qua đó nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện trong dạy học lịch sử.

Đối với *Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam* khi thực hiện GV cần đảm bảo các nguyên tắc sau: xác định rõ mục tiêu của từng nội dung; lựa chọn kỹ thuật phù hợp với đặc trưng kiến thức; xây dựng nhiệm vụ học tập rõ ràng, có định hướng; đảm bảo tất cả HS đều tham gia; và tổ chức hoạt động linh hoạt, hiệu quả. Đồng thời, cần chú ý đến sự liên kết giữa các hoạt động nhằm bảo đảm tiến trình nhận thức của HS từ nhận biết đến thông hiểu và vận dụng.

Cụ thể, khi tổ chức các hoạt động tìm hiểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1911 - 1930, GV có thể vận dụng kỹ thuật mảnh ghép kết hợp với làm việc nhóm. Lớp học được chia thành các nhóm “chuyên gia”, mỗi nhóm tìm hiểu một giai đoạn hoặc một hoạt động tiêu biểu của Nguyễn Ái Quốc như: hành trình tìm đường cứu nước (1911 - 1920), hoạt động trong phong trào Cộng sản quốc tế (1920 - 1925), và chuẩn bị tư tưởng, chính trị, tổ chức cho việc thành lập Đảng (1925 - 1930). Sau khi thảo luận, HS được tái phân nhóm để chia sẻ kiến thức, qua đó hình thành bức tranh toàn diện về quá trình hoạt động của nhân vật lịch sử. Nội dung kiến thức được hệ thống hóa bằng các sơ đồ tư duy giúp HS dễ hiểu nắm rõ các mốc thời gian, địa điểm và ý nghĩa của từng hoạt động.

Đối với nội dung sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, GV có thể sử dụng kỹ thuật làm việc nhóm kết hợp 5W1H. Mỗi nhóm HS được giao nhiệm vụ tìm hiểu sự kiện thông qua các câu hỏi định hướng như:

Why: Tại sao Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị thành lập Đảng?

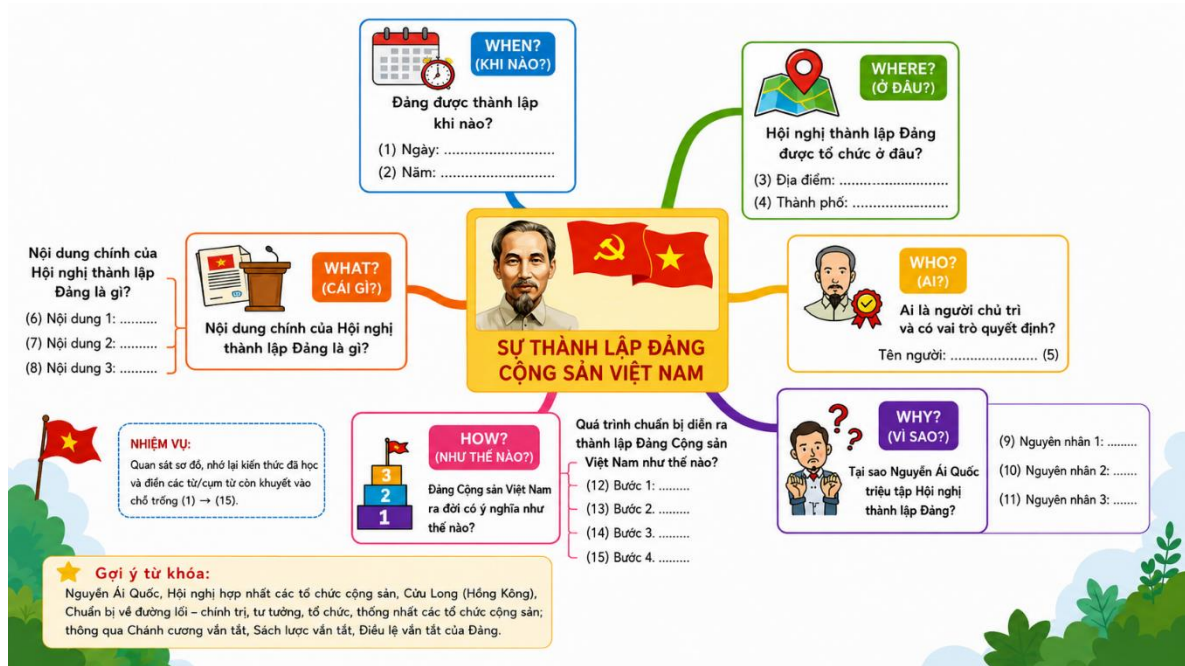
When: Đảng được thành lập khi nào?

Where: Hội nghị thành lập Đảng được tổ chức ở đâu?

Who: Ai là người chủ trì và có vai trò quyết định?

What: Nội dung chính của Hội nghị thành lập Đảng là gì?

How: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có ý nghĩa như thế nào?



Hình 2.10. Mô tả sử dụng kỹ thuật 5W1H trong hoạt động hình thành kiến thức bài 6

HS khai thác sách giáo khoa, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. Sau đó, các nhóm trình bày kết quả theo hình thức nối tiếp, giúp tái hiện sự kiện lịch sử một cách logic và hệ thống. Thông qua hoạt động này, HS không chỉ ghi nhớ sự kiện mà còn hiểu được bản chất và ý nghĩa lịch sử của sự ra đời Đảng.

Ở nội dung ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam, GV tiếp tục vận dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy kết hợp thảo luận nhóm nhằm phát triển tư duy khái quát. Các nhóm HS được yêu cầu phân tích và trình bày ý nghĩa của sự kiện dưới dạng sơ đồ với các nhánh chính như: đối với các mạng Việt Nam, đối với giai cấp công nhân, và đối với phong trào cách mạng thế giới. Đồng thời, GV đặt các câu hỏi mở theo hướng 5W1H ở mức độ cao như “Vì sao sự ra đời của Đảng được coi là bước ngoặt của cách mạng Việt Nam?” để HS thảo luận và đưa ra nhận định. Hoạt động này giúp HS hiểu sâu bản chất sự kiện và rèn luyện khả năng lập luận, đánh giá.

Thực tế cho thấy, việc kết hợp các kỹ thuật dạy học tích cực trong hoạt động hình thành kiến thức ở bài học này mang lại hiệu quả rõ rệt. HS tích cực tham gia

vào quá trình học tập, hứng thú với nội dung bài học và có khả năng hiểu sâu, nhớ lâu kiến thức. Tuy nhiên, nếu không tổ chức hợp lý, việc sử dụng nhiều kỹ thuật cùng lúc có thể gây quá tải hoặc mất kiểm soát thời gian. Vì vậy, GV cần lựa chọn kỹ thuật cho phù hợp với từng phần nội dung, thiết kế hoạt động khoa học và điều hành linh hoạt.

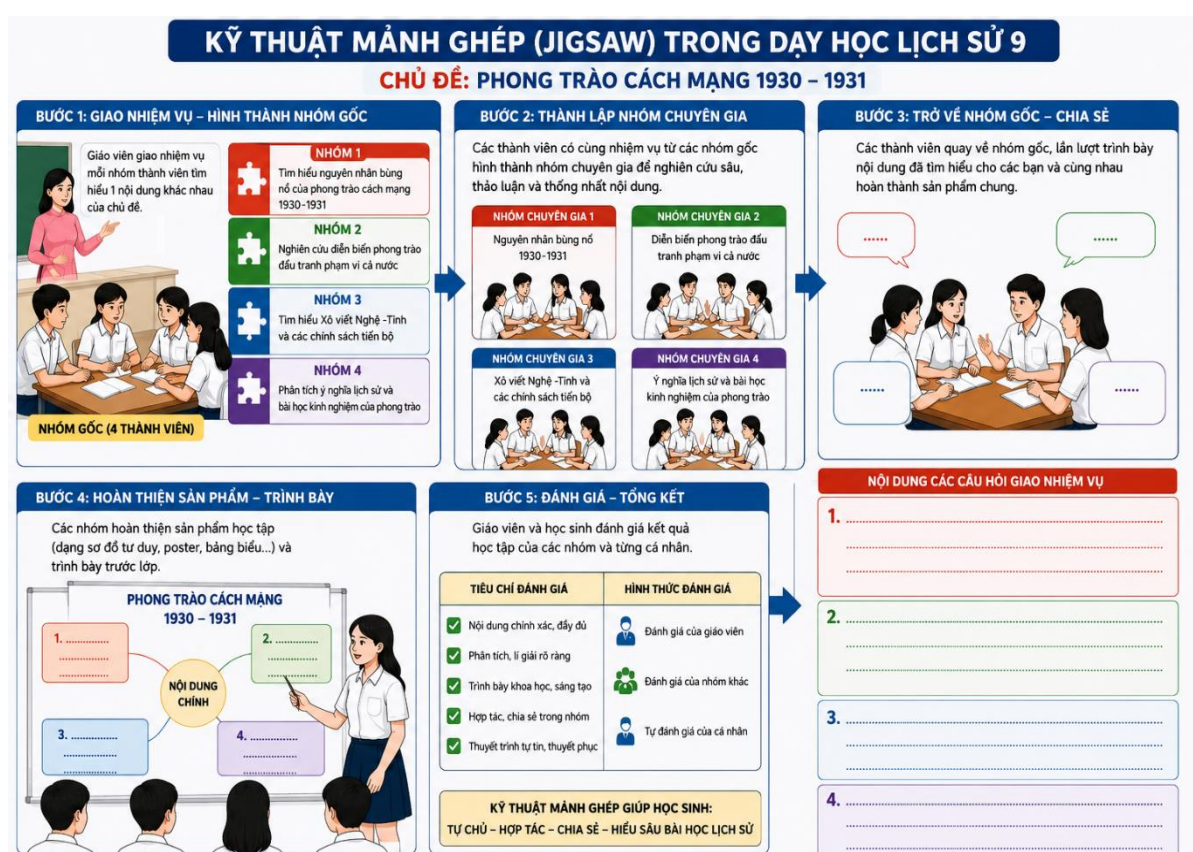
Như vậy, có thể khẳng định rằng việc vận dụng kết hợp các kỹ thuật làm việc nhóm, mảnh ghép, 5W1H và sơ đồ tư duy trong thiết kế hoạt động hình thành kiến thức ở *Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam* là một hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu đổi mới PPDH hiện nay. Không chỉ góp phần nâng cao chất lượng tiếp thu kiến thức, các kỹ thuật này còn tạo điều kiện phát triển năng lực toàn diện cho HS, qua đó nâng cao hiệu quả dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS.

Đối với *Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939*, nội dung chủ yếu tập trung phản ánh quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930 - 1939. Bài học đã đề cập đến những sự kiện tiêu biểu như phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 cùng sự chuyển biến về nhiệm vụ, hình thức và lực lượng cách mạng. Đây là nội dung có nhiều sự kiện lịch sử, mốc thời gian và mối quan hệ chặt chẽ giữa hoàn cảnh lịch sử với chủ trương đấu tranh cách mạng đòi hỏi HS phải có khả năng hệ thống hóa và khái quát kiến thức. Vì vậy, việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như kỹ thuật mảnh ghép, sơ đồ tư duy hoặc khăn trải bàn sẽ góp phần phát huy tính chủ động, khả năng hợp tác và nâng cao hiệu quả lĩnh hội kiến thức lịch sử cho HS.

Trong dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực không chỉ góp phần đổi mới hình thành tổ chức dạy học mà còn góp phần tạo điều kiện cho HS chủ động khám phá, tìm tòi, chiếm lĩnh tri thức. Trong đó, kỹ thuật mảnh ghép là một trong những kỹ thuật được coi là có hiệu quả cao phù hợp với đặc trưng trong dạy học phân môn học Lịch sử bởi khả năng phát huy vai trò cá nhân trong hoạt động nhóm và tăng cường tính tương tác giữa HS.

Trong dạy học *Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939*, nội dung bài học đã phản ánh bước phát triển quan trọng của cách mạng Việt Nam, việc vận dụng kỹ thuật mảnh ghép kết hợp kỹ thuật nhóm sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hình thành kiến thức và phát triển năng lực của HS.

Khi dạy học tiết 1, mục 1. Phong trào cách mạng trong những năm 1930 - 1931, GV có thể sử dụng kỹ thuật mảnh ghép để hướng dẫn HS tìm hiểu các khía cạnh khác nhau của phong trào cách mạng. GV chia lớp thành bốn nhóm chuyên gia và giao nhiệm vụ học tập cho từng nhóm. Nhóm 1 tìm hiểu nguyên nhân bùng nổ của phong trào cách mạng 1930 - 1931; nhóm 2 nghiên cứu diễn biến phong trào đấu tranh phạm vi cả nước; nhóm 3 tìm hiểu Xô viết Nghệ - Tĩnh và các chính sách tiến bộ; nhóm 4 phân tích ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào.



Hình 2.11. Mô tả quá trình sử dụng kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học bài 7

Tiếp đó, HS khai thác SGK, tư liệu lịch sử và phiếu học tập để thảo luận trong nhóm chuyên gia. Ví dụ, đối với nhóm tìm hiểu về Xô viết Nghệ - Tĩnh, GV có thể yêu cầu HS hoàn thành bảng nội dung bao gồm: thời gian hình thành, những chính sách về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và ý nghĩa của chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh. Trong quá trình thảo luận, GV theo dõi, hỗ trợ HS khai thác thông tin và định hướng cách trình bày kiến thức.

Sau đó, GV tổ chức lớp thành các nhóm mảnh ghép. Mỗi nhóm mới bao gồm đại diện các nhóm chuyên gia trước đó. Các nhóm thành viên lần lượt trình bày các nội dung mà mình đã nghiên cứu, đồng thời trao đổi và bổ sung kiến thức cho nhau. Sau đó, nhóm hoàn thiện sản phẩm học tập.

Khi dạy tiết 2, mục 2. Phong trào cách mạng trong những năm 1936 - 1939, GV cũng có thể sử dụng kỹ thuật mảnh ghép yêu cầu HS tìm hiểu nội dung “Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939”, GV có thể kết hợp linh hoạt kỹ thuật mảnh ghép với kỹ thuật dạy học nhóm nhằm giúp HS nhận thức được sự chuyển hướng trong đường lối đấu tranh của Đảng. GV giao nhiệm vụ cho các nhóm và thực hiện tương tự như tiết học thứ nhất. Sau đó, khi đã hoàn thành sản phẩm các nhóm có thể sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy. Đại diện các nhóm lần lượt lên trình bày sản phẩm trước lớp nhằm nắm được kiến thức cơ bản đồng thời hiểu rõ mối liên hệ giữa nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa lịch sử.

Quá trình kết hợp giữa kỹ thuật mảnh ghép và sơ đồ tư duy đã tạo ra một chuỗi hoạt động học tập liên tục, trong đó HS vừa tham gia khám phá kiến thức, vừa thực hiện quá trình khái quát hóa và hệ thống hóa. Điều này không chỉ giúp HS hiểu sâu nội dung bài học mà còn phát triển năng lực tư duy lịch sử, đặc biệt là khả năng nhận diện mối quan hệ giữa các sự kiện và quá trình lịch sử. Bên cạnh đó, việc trình bày sơ đồ tư duy còn góp phần rèn luyện kỹ năng diễn đạt, khả năng trình bày logic và sáng tạo của HS.

Tuy nhiên, để việc vận dụng các kỹ thuật này đạt hiệu quả cao, GV cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung, câu hỏi và phương tiện dạy học. Đồng thời, việc tổ chức lớp học phải đảm bảo tính khoa học, có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng và kiểm soát thời gian hợp lý. GV cũng cần theo dõi, hỗ trợ kịp thời trong quá trình HS thảo luận và xây dựng sơ đồ, nhằm đảm bảo tất cả HS đều tham gia tích cực.

Tóm lại, việc sử dụng kỹ thuật mảnh ghép kết hợp với sơ đồ tư duy trong thiết kế hoạt động hình thành kiến thức ở *Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939* là một giải pháp sư phạm phù hợp với định hướng đổi mới PPDH hiện nay. Phương pháp này không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn góp phần phát triển năng lực toàn diện cho HS, đáp ứng yêu cầu giáo dục trong bối cảnh mới.

Đối với dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, đặc biệt trong các bài học có nội dung gắn với tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam như *Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945*, việc vận dụng kỹ thuật dạy học dự án có ý nghĩa quan trọng trong việc phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS. Đây là kỹ thuật dạy học trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, đòi hỏi sự kết hợp giữa nghiên cứu, hợp tác và trình bày sản phẩm, qua đó hình thành kiến thức một cách bền vững.

Về cơ sở lý luận, dạy học dự án xuất phát từ quan điểm dạy học kiến tạo và dạy học trải nghiệm, coi HS là chủ thể của quá trình nhận thức. Thông qua việc thực hiện dự án, HS không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn tham gia vào quá trình khám phá, xử lý thông tin và kiến tạo tri thức. Đối với dạy học *Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945*, nội dung liên quan đến quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam, vai trò của các tổ chức và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, do đó việc tổ chức dạy học theo dự án sẽ giúp HS hiểu sâu sắc bản chất lịch sử, đồng thời phát triển các năng lực như tư duy lịch sử, năng lực hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề.

Trong quá trình thiết kế hoạt động hình thành kiến thức bằng kỹ thuật dạy học dự án, GV cần xây dựng một hệ thống câu hỏi định hướng có tính dẫn dắt, giúp HS từng bước tiếp cận nội dung bài học. Các câu hỏi này cần bao quát các khía cạnh cơ bản của kiến thức, chẳng hạn như: bối cảnh lịch sử của giai đoạn, những sự kiện và hoạt động tiêu biểu, vai trò của các lực lượng cách mạng, cũng như ý nghĩa lịch sử của các sự kiện đó. Trên cơ sở hệ thống câu hỏi, GV thiết kế nhiệm vụ dự án phù hợp, đảm bảo tính vừa sức nhưng vẫn tạo được thách thức đối với HS.

Ở giai đoạn đầu của dự án (tiết 1), GV giới thiệu chủ đề dự án, chẳng hạn: “Sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn ...”. Đồng thời, GV nêu vấn đề trung tâm thông qua các câu hỏi định hướng như: cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này diễn ra trong bối cảnh nào, có những sự kiện tiêu biểu nào, các lực lượng cách mạng đã hoạt động ra sao và ý nghĩa của những hoạt động đó đối với lịch sử dân tộc. Trên cơ sở đó, HS được chia thành các nhóm và nhận nhiệm vụ cụ thể, mỗi nhóm phụ trách một nội dung nhất định. Nhiệm vụ của HS là thu thập thông tin từ sách giáo khoa và các nguồn tài liệu khác, thảo luận và xây dựng nội dung trả lời cho các câu hỏi đã đặt ra.

Trong quá trình thực hiện dự án, GV cần hướng dẫn HS cách làm việc khoa học, bao gồm việc phân công nhiệm vụ trong nhóm, xác định nguồn tư liệu, lựa chọn thông tin và trình bày nội dung. Cụ thể, mỗi nhóm cần phân công rõ ràng các vai trò như: trưởng nhóm, thư ký, người thu thập tài liệu và người trình bày. HS tiến hành nghiên cứu tài liệu, trao đổi ý kiến và tổng hợp thông tin theo các câu hỏi định hướng. Kết quả làm việc có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức như bảng hệ thống, sơ đồ, poster hoặc bài thuyết trình. Trong quá trình này, GV đóng vai trò là người hướng dẫn, hỗ trợ và điều chỉnh khi cần thiết, nhằm đảm bảo HS đi đúng hướng và đạt được mục tiêu học tập.

Khi dạy học tiết hai, các nhóm tiến hành báo cáo sản phẩm dự án. Mỗi nhóm trình bày kết quả nghiên cứu của mình, tập trung vào việc trả lời các câu hỏi định hướng đã đặt ra từ đầu. Quá trình trình bày không chỉ giúp HS củng cố kiến thức mà còn tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng thuyết trình và phản biện. Sau phần trình bày, các nhóm khác và GV tiến hành nhận xét, bổ sung và hoàn thiện kiến thức. GV đóng vai trò tổng kết, khái quát lại nội dung bài học, nhấn mạnh các vấn đề cốt lõi như tiến trình phát triển của cách mạng, vai trò lãnh đạo của Đảng và ý nghĩa lịch sử của các sự kiện.



Hình 2.12. Mô tả quá trình thực hiện kỹ thuật dạy học dự án trong bài 8

Việc sử dụng kỹ thuật dạy học dự án trong hoạt động hình thành kiến thức ở *Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945* mang lại nhiều hiệu quả tích cực. Trước hết, HS được tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động, từ đó nâng cao hứng thú và động cơ học tập. Thứ hai, kiến thức được hình thành thông qua trải nghiệm và khám phá nên trở nên sâu sắc và bền vững hơn. Bên cạnh đó, kỹ thuật này còn góp phần phát triển các năng lực quan trọng như hợp tác, giao tiếp, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, dạy học dự án cũng đòi hỏi GV phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung, thời gian và phương tiện dạy học, đồng thời cần có khả năng tổ chức và điều phối hoạt động hiệu quả.

Như vậy, việc vận dụng kỹ thuật dạy học dự án trong thiết kế hoạt động hình thành kiến thức ở *Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945* là một hướng tiếp cận phù hợp với định hướng phát triển năng lực HS. Phương pháp này không chỉ giúp nâng cao chất lượng dạy học mà còn góp phần đổi mới cách thức tổ chức hoạt động học tập, hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện trong phân môn Lịch sử ở trường THCS.

2.1.1.3. Sử dụng kỹ thuật dạy học để thiết kế hoạt động luyện tập

Trong tiến trình dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, hoạt động luyện tập giữ vai trò quan trọng nhằm củng cố, khắc sâu và hệ thống hóa kiến thức đã hình thành. Nếu như hoạt động hình thành kiến thức chú trọng đến việc khám phá và tiếp nhận tri thức mới, thì hoạt động luyện tập hướng tới việc tái hiện, vận dụng và liên kết các đơn vị kiến thức trong một chỉnh thể logic. Tuy nhiên, thực tiễn dạy học cho thấy HS thường cảm thấy nhàm chán khi tham gia các hoạt động luyện tập mang tính lặp lại, thiếu tính hấp dẫn. Do đó, việc vận dụng kỹ thuật trò chơi trong tổ chức hoạt động luyện tập là một giải pháp sư phạm hiệu quả, góp phần nâng cao hứng thú học tập và hiệu quả tiếp thu kiến thức của HS.

Đối với cơ sở lý luận, kỹ thuật trò chơi trong dạy học là một kỹ thuật rất được ưa chuộng và hay sử dụng, nó được xây dựng trên quan điểm “học mà chơi, chơi mà học”, tạo ra môi trường học tập tích cực, trong đó HS được tham gia vào các tình huống có tính thử thách, cạnh tranh và hợp tác. Đối với việc dạy học lịch sử, trò chơi không chỉ giúp củng cố kiến thức mà còn kích thích tư duy nhanh, khả năng ghi nhớ và phản xạ của HS. Khi dạy *Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930*, nội dung kiến thức bao gồm nhiều sự kiện, mốc thời gian và đặc điểm lịch sử, việc tổ chức hoạt động luyện tập dưới hình thức trò chơi sẽ giúp HS hệ thống hóa kiến thức một cách sinh động và hiệu quả.

Trong quá trình thiết kế hoạt động luyện tập bằng kỹ thuật trò chơi, GV cần xây dựng hệ thống câu hỏi phù hợp với mục tiêu củng cố kiến thức của bài học. Các câu hỏi cần đảm bảo tính đa dạng, bao quát các nội dung cơ bản như bối cảnh lịch sử, diễn biến sự kiện, nhân vật tiêu biểu và ý nghĩa lịch sử. Trên cơ sở đó, GV lựa chọn hình thức trò chơi phù hợp, chẳng hạn như “Ô cửa bí mật”, “Ai nhanh hơn”, “Rung chuông vàng” hoặc “Tiếp sức lịch sử”. Mỗi trò chơi cần có luật chơi rõ ràng, cách tính điểm cụ thể và đảm bảo sự tham gia của tất cả HS.

Cụ thể, trong *Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930*, GV có thể tổ chức trò chơi “Ô cửa bí mật lịch sử” nhằm củng cố kiến thức đã học. Trước hết, GV thiết kế một bảng gồm nhiều ô số, mỗi ô tương ứng với một câu hỏi. Nội dung câu hỏi được xây dựng theo các mức độ nhận thức khác nhau, từ nhận biết đến luyện tập, ví dụ như: xác định thời gian và sự kiện lịch sử, nêu đặc điểm của phong trào, phân tích nguyên nhân hoặc ý nghĩa của một sự kiện. Đây là hệ thống câu hỏi định hướng, giúp HS ôn tập kiến thức một cách có hệ thống.



Hình 2.13. Minh họa trò chơi ô cửa bí mật trong hoạt động luyện tập bài 5

Trên cơ sở hệ thống câu hỏi, GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HS tham gia trò chơi. Mỗi nhóm lần lượt lựa chọn ô câu hỏi và thảo luận để đưa ra câu trả lời trong thời gian quy định. Trong quá trình này, các thành viên trong nhóm cần phối hợp với nhau để phân tích câu hỏi, lựa chọn thông tin phù hợp và thống nhất đáp án. Việc làm việc theo nhóm không chỉ giúp HS củng cố kiến thức mà còn rèn luyện kỹ năng hợp tác và giao tiếp.

Về cách thức tổ chức, GV cần hướng dẫn rõ ràng các bước thực hiện trò chơi. Trước hết, GV giới thiệu luật chơi, cách tính điểm và thời gian trả lời cho mỗi câu hỏi. Tiếp theo, các nhóm lần lượt tham gia trò chơi theo thứ tự, lựa chọn câu hỏi và trả lời. GV đóng vai trò điều phối, nhận xét và xác nhận đáp án đúng. Sau mỗi lượt chơi, GV có thể giải thích thêm để làm rõ nội dung kiến thức, giúp HS hiểu sâu hơn. Kết thúc trò chơi, GV tổng kết điểm số và tuyên dương nhóm có kết quả tốt nhất, đồng thời khái quát lại các nội dung kiến thức trọng tâm của bài học.

Việc sử dụng kỹ thuật trò chơi trong hoạt động luyện tập mang lại nhiều hiệu quả tích cực. Trước hết, HS tham gia vào quá trình học tập với tâm thế hứng thú, tích cực hơn, từ đó nâng cao hiệu quả ghi nhớ kiến thức. Thứ hai, trò chơi tạo điều kiện để HS rèn luyện tư duy nhanh, khả năng phản xạ và kỹ năng làm việc nhóm. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa hình thức luyện tập còn giúp GV đánh giá được mức độ nắm vững kiến thức của người học một cách linh hoạt.

Tuy nhiên, để hoạt động trò chơi đạt hiệu quả, GV cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung và hình thức tổ chức. Hệ thống câu hỏi phải phù hợp với mục tiêu bài học và trình độ HS, đồng thời đảm bảo tính chính xác khoa học. Ngoài ra, GV cần quản lý thời gian hợp lý, tránh để trò chơi kéo dài hoặc làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác trong tiết học.

Ngoài ra, GV có thể tổ chức hoạt động luyện tập theo mô hình mảnh ghép, trong đó mỗi “mảnh ghép” tương ứng với một nội dung kiến thức trọng tâm trong bài học.

Trước hết, người dạy cần xây dựng hệ thống câu hỏi định hướng cho hoạt động luyện tập. Các câu hỏi cần đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung bài học và được sắp xếp theo trình tự logic, chẳng hạn như: bối cảnh lịch sử của sự kiện là gì, những diễn biến chính diễn ra như thế nào, đặc điểm nổi bật của phong trào ra sao và ý nghĩa lịch sử của sự kiện đối với cách mạng Việt Nam là gì. Hệ thống câu hỏi này không chỉ giúp HS ôn tập kiến thức mà còn định hướng cho quá trình thảo luận và hợp tác trong nhóm.

Trên cơ sở các câu hỏi định hướng, GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm HS. Lớp được chia thành các nhóm chuyên gia, mỗi nhóm phụ trách một nội dung kiến thức tương ứng với một “mảnh ghép”. Nhiệm vụ của mỗi nhóm là thảo luận, trả lời các câu hỏi liên quan và tổng hợp kết quả dưới dạng bảng hệ thống hoặc sơ đồ ngắn gọn. Trong quá trình này, các thành viên trong nhóm cần phân công nhiệm vụ rõ ràng, phối hợp để hoàn thành yêu cầu chung. Hoạt động này giúp người học củng cố kiến thức đã học và rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở nhóm chuyên gia, HS được tái tổ chức thành các nhóm mảnh ghép, trong đó mỗi nhóm bao gồm đại diện của các nội dung khác nhau. Tại đây, mỗi HS sẽ trình bày phần kiến thức mà mình đã phụ trách, đồng thời lắng nghe và ghi nhận nội dung từ các thành viên khác. Quá trình “ghép mảnh” này giúp người học tái hiện toàn bộ nội dung bài học một cách hệ thống, đồng thời nhận thức rõ mối liên hệ giữa các yếu tố lịch sử.

Về cách thức tổ chức, GV cần hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện hoạt động. Trước hết, GV nêu rõ mục tiêu của hoạt động luyện tập và giới thiệu phương pháp làm việc. Tiếp theo, GV chia nhóm, giao nhiệm vụ và quy định thời gian thảo luận cho từng giai đoạn. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, hỗ trợ và điều chỉnh khi cần thiết. Sau khi hoàn thành hoạt động mảnh ghép, GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả, nhận xét và bổ sung. Cuối cùng, GV tổng kết, chuẩn hóa kiến thức và nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài học.

Việc sử dụng kỹ thuật làm việc nhóm kết hợp với mảnh ghép trong hoạt động luyện tập mang lại nhiều hiệu quả tích cực. HS không chỉ được củng cố kiến thức một cách sâu sắc mà còn phát triển các năng lực quan trọng như: tư duy hệ thống, kỹ năng hợp tác và khả năng trình bày. Đồng thời, hoạt động này tạo ra một môi trường học tập tích cực, hăng hái; giúp người học hứng thú hơn với phân môn Lịch sử. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao, GV cần chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung, thiết kế nhiệm vụ phù hợp và tổ chức hoạt động một cách khoa học, đảm bảo sự tham gia của tất cả HS.



Hình 2.14. Mô tả quá trình thực hiện kỹ thuật mảnh ghép kết hợp nhóm trong hoạt động luyện tập bài 5

Như vậy, việc sử dụng kỹ thuật trò chơi trong thiết kế hoạt động luyện tập ở *Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930* là một giải pháp sư phạm phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học. Kỹ thuật này không chỉ góp phần củng cố kiến thức mà còn tạo ra môi trường học tập tích cực, phát triển năng lực toàn diện cho HS, qua đó nâng cao chất lượng dạy học phân môn Lịch sử ở trường phổ thông.

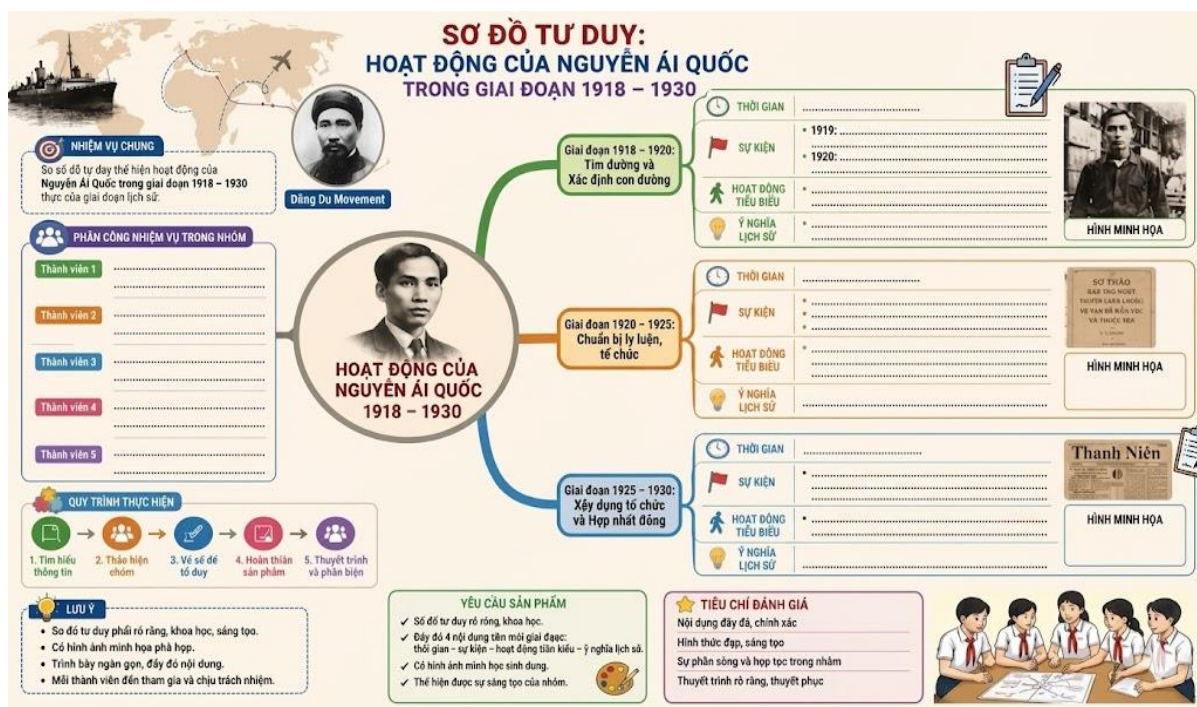
Trong tiến trình dạy học lịch sử ở trường THCS, hoạt động luyện tập có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố, khắc sâu và hệ thống hóa kiến thức đã hình thành. Đối với *Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, nội dung trọng tâm là quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1918 đến năm 1930, với nhiều sự kiện nổi tiếp và có mối quan hệ chặt chẽ.

Vì vậy, việc tổ chức hoạt động luyện tập cần hướng tới giúp HS tái hiện tiến trình lịch sử một cách hệ thống, đồng thời nhận diện được mối liên hệ giữa các sự kiện. Trong bối cảnh đó, việc kết hợp kỹ thuật làm việc nhóm với sơ đồ tư duy là một giải pháp sư phạm phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả củng cố kiến thức và phát triển năng lực HS.

Về cơ sở lý luận, kỹ thuật làm việc nhóm tạo điều kiện cho HS tham gia vào quá trình trao đổi, thảo luận và hợp tác, qua đó hình thành hiểu biết sâu sắc hơn về nội dung bài học. Trong khi đó, sơ đồ tư duy là công cụ trực quan giúp tổ chức và hệ thống hóa thông tin theo cấu trúc logic, thể hiện mối quan hệ giữa các đơn vị kiến thức. Khi được vận dụng trong hoạt động luyện tập, sự kết hợp giữa hai kỹ thuật này không chỉ giúp HS ôn tập kiến thức một cách chủ động mà còn hỗ trợ quá trình khái quát hóa và ghi nhớ lâu dài.

Trong quá trình thiết kế hoạt động luyện tập cho *Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, GV cần xây dựng hệ thống câu hỏi định hướng theo tiến trình logic của bài học. Các câu hỏi có thể tập trung vào những nội dung cơ bản như: các mốc thời gian quan trọng trong hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, những sự kiện tiêu biểu gắn với từng giai đoạn, nội dung và ý nghĩa của các hoạt động đó, cũng như vai trò của nhân vật trong việc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn. Hệ thống câu hỏi này không chỉ giúp người học tái hiện kiến thức mà còn định hướng cho việc xây dựng sơ đồ tư duy.

Trên cơ sở hệ thống câu hỏi, người dạy tổ chức cho người học làm việc theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ luyện tập. Mỗi nhóm được giao nhiệm vụ xây dựng một sơ đồ tư duy với chủ đề trung tâm là hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1918 - 1930. Các nhánh chính của sơ đồ tương ứng với các giai đoạn lịch sử quan trọng, chẳng hạn như: giai đoạn 1918 - 1920, giai đoạn 1920 - 1925 và giai đoạn 1925 - 1930. Trong từng nhánh, HS cần thể hiện các nội dung cụ thể như thời gian, sự kiện, hoạt động tiêu biểu và ý nghĩa lịch sử. Việc phân công nhiệm vụ trong nhóm cần được thực hiện rõ ràng, đảm bảo mỗi thành viên đều tham gia vào quá trình xây dựng sản phẩm.



Hình 2.15. Mô tả sơ đồ hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1918-1930 áp dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy trong hoạt động luyện tập

Về cách thức tổ chức, GV cần hướng dẫn HS thực hiện hoạt động theo các bước cụ thể. Trước hết, GV nêu mục tiêu của hoạt động luyện tập và giới thiệu yêu cầu về sản phẩm sơ đồ tư duy. Tiếp theo, GV chia nhóm, giao nhiệm vụ và cung cấp các câu hỏi định hướng. Trong quá trình làm việc, người học tiến hành thảo luận, lựa chọn thông tin và tổ chức nội dung theo cấu trúc sơ đồ tư duy, sử dụng từ khóa, màu sắc và hình ảnh để tăng tính trực quan. GV đóng vai trò quan sát, hỗ trợ và điều chỉnh khi cần thiết, giúp HS hoàn thiện sản phẩm.

Sau khi hoàn thành, các nhóm trình bày sơ đồ tư duy của mình trước lớp. Quá trình trình bày không chỉ giúp HS củng cố kiến thức mà còn rèn luyện kỹ năng diễn đạt và tư duy logic. Các nhóm khác có thể đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung, tạo ra môi trường học tập tương tác. Cuối cùng, GV nhận xét, đánh giá và chuẩn hóa kiến thức, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm như quá trình tìm ra con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và ý nghĩa lịch sử của các hoạt động trong giai đoạn này.

Việc sử dụng kỹ thuật làm việc nhóm kết hợp với sơ đồ tư duy trong hoạt động luyện tập mang lại nhiều hiệu quả. Người học không chỉ được củng cố kiến thức một cách có hệ thống mà còn phát triển năng lực tư duy tổng hợp, khả năng trình bày và kỹ năng hợp tác. Đồng thời, hình thức luyện tập này giúp tăng cường

hứng thú học tập và tạo điều kiện cho HS tham gia tích cực vào quá trình học tập. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao, GV cần chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung, hướng dẫn cụ thể cách xây dựng sơ đồ và kiểm soát thời gian hợp lý.

Tóm lại, việc vận dụng kỹ thuật làm việc nhóm kết hợp sơ đồ tư duy trong thiết kế hoạt động luyện tập ở *Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam* là một hướng tiếp cận phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học. Phương pháp này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả củng cố kiến thức mà còn phát triển năng lực toàn diện cho HS, đáp ứng yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Đối với *Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939*, nội dung kiến thức có tính hệ thống cao, bao gồm các tổ chức cách mạng, phong trào đấu tranh và đặc biệt là các phong trào trong những năm 1930 - 1931; 1936 - 1939. Do đó, việc tổ chức hoạt động luyện tập cần hướng tới giúp HS tái hiện, liên kết và khái quát hóa các nội dung đã học một cách logic. Trong bối cảnh đó, việc kết hợp các kỹ thuật dạy học tích cực như trò chơi, mảnh ghép và 5W1H là một giải pháp sư phạm phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học.

Về cơ sở lý luận, kỹ thuật trò chơi tạo ra môi trường học tập sinh động, kích thích hứng thú và tăng cường sự tham gia của HS; kỹ thuật mảnh ghép giúp phân chia và tái cấu trúc nội dung kiến thức thông qua hoạt động hợp tác; trong khi đó, kỹ thuật 5W1H cung cấp khung tư duy logic, giúp HS khai thác thông tin một cách toàn diện. Sự kết hợp của ba kỹ thuật này tạo nên một chuỗi hoạt động luyện tập đa dạng, trong đó người học vừa được củng cố kiến thức, vừa phát triển các năng lực như tư duy hệ thống, hợp tác và phản biện.

Trong quá trình thiết kế hoạt động luyện tập cho *Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939* (2 tiết), GV cần xây dựng hệ thống câu hỏi định hướng dựa trên mô hình 5W1H. Đối với mục 1. Phong trào cách mạng trong những năm 1930 - 1931, các câu hỏi tập trung vào vấn đề cơ bản sau:

Why: Nguyên nhân bùng nổ phong trào cách mạng ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời?

When: Phong trào cách mạng diễn ra vào khoảng thời gian nào?

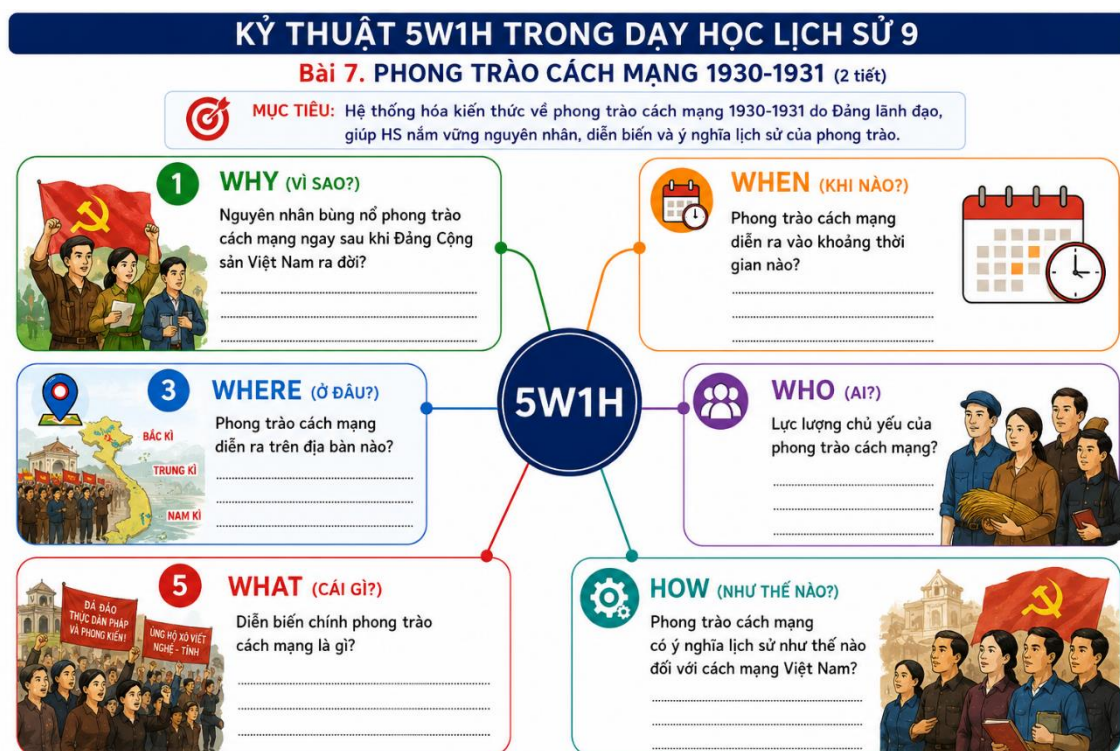
Where: Phong trào cách mạng diễn ra trên địa bàn nào?

Who: Lực lượng chủ yếu của phong trào cách mạng?

What: Diễn biến chính phong trào cách mạng là gì?

How: Phong trào cách mạng có ý nghĩa lịch sử như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

Hệ thống câu hỏi này giúp HS ôn tập kiến thức một cách toàn diện, đồng thời là cơ sở để tổ chức các hoạt động tiếp theo.



Hình 2.16. Mô tả hoạt động luyện tập sử dụng kỹ thuật 5W1H trong bài 7

Trên cơ sở hệ thống câu hỏi, GV tổ chức hoạt động luyện tập theo kỹ thuật mảnh ghép. Trước hết, lớp được chia thành các nhóm chuyên gia, mỗi nhóm phụ trách một nội dung cụ thể, chẳng hạn như một tổ chức cách mạng hoặc một giai đoạn phát triển của phong trào. Nhiệm vụ của các nhóm là thảo luận, trả lời các câu hỏi 5W1H liên quan và tổng hợp kết quả dưới dạng bảng hệ thống. Trong quá trình này, HS cần phân công nhiệm vụ rõ ràng, phối hợp để hoàn thành nội dung được giao. Sau đó, HS được tái tổ chức thành các nhóm mảnh ghép, trong đó mỗi thành viên sẽ trình bày phần kiến thức mà mình đã nghiên cứu. Quá trình này giúp HS tái hiện toàn bộ nội dung bài học một cách đầy đủ và nhận diện được mối liên hệ giữa các yếu tố lịch sử.

Tiếp theo, nhằm tăng cường tính hấp dẫn và củng cố kiến thức, GV tổ chức hoạt động luyện tập dưới hình thức trò chơi. Trò chơi có thể được thiết kế theo dạng “Ô cửa bí mật” hoặc “Tiếp sức lịch sử”, trong đó mỗi câu hỏi gắn với một nội dung đã được học thông qua hoạt động mảnh ghép. Các nhóm HS lần lượt tham gia trả lời câu hỏi, vận dụng kiến thức đã hệ thống để đưa ra đáp án chính

xác. Hình thức trò chơi không chỉ giúp HS củng cố kiến thức mà còn rèn luyện khả năng phản xạ nhanh và tạo không khí học tập sôi nổi.

Về cách thức tổ chức, GV cần hướng dẫn rõ ràng các bước thực hiện. Trước hết, GV giới thiệu mục tiêu của hoạt động luyện tập và hệ thống câu hỏi 5W1H. Hoặc GV chia nhóm, giao nhiệm vụ và quy định thời gian thảo luận cho hoạt động mảnh ghép. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, hỗ trợ và điều chỉnh khi cần thiết. Ngoài ra GV còn có thể tổ chức cho các nhóm trình bày và chuyển sang hoạt động trò chơi để củng cố kiến thức. Cuối cùng, GV nhận xét, đánh giá và chuẩn hóa nội dung, nhấn mạnh các vấn đề trọng tâm của bài học.

Việc sử dụng kết hợp kỹ thuật trò chơi, mảnh ghép và 5W1H trong hoạt động luyện tập mang lại nhiều hiệu quả tích cực. Người học không chỉ được củng cố kiến thức một cách toàn diện mà còn phát triển năng lực tư duy logic, khả năng hợp tác và kỹ năng trình bày. Đồng thời, hình thức tổ chức đa dạng giúp tăng cường hứng thú học tập và tạo động lực cho HS tham gia tích cực vào quá trình học tập. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao, GV cần chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung, thiết kế câu hỏi phù hợp và tổ chức hoạt động một cách khoa học, đảm bảo sự tham gia của tất cả người học.

Tóm lại, việc vận dụng kết hợp các kỹ thuật trò chơi, mảnh ghép và 5W1H trong thiết kế hoạt động luyện tập ở Bài 7. *Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939* là một giải pháp sư phạm hiệu quả, phù hợp với định hướng đổi mới PPDH hiện nay. Phương pháp này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng củng cố kiến thức mà còn phát triển năng lực toàn diện cho HS, đáp ứng yêu cầu giáo dục trong bối cảnh mới.

Khi dạy học Bài 8. *Cách mạng tháng Tám năm 1945*, nội dung kiến thức mang tính khái quát cao, phản ánh quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đòi hỏi HS không chỉ ghi nhớ mà còn phải hiểu bản chất, nhận diện mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử. Vì vậy, việc thiết kế hoạt động luyện tập cần hướng tới sự đa dạng về phương pháp, kết hợp giữa tư duy logic và hình thức tổ chức sinh động. Trong bối cảnh đó, việc vận dụng đồng thời các kỹ thuật dạy học như trò chơi, sơ đồ và 5W1H là một giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

Về cơ sở lý luận, kỹ thuật 5W1H cung cấp một khung tư duy hệ thống, giúp HS tiếp cận kiến thức theo các câu hỏi cơ bản như: ai, cái gì, khi nào, ở đâu, vì sao và như thế nào. Kỹ thuật sơ đồ (đặc biệt là sơ đồ tư duy) hỗ trợ quá trình khái

quát hóa và hệ thống hóa kiến thức, giúp HS nhận diện mối quan hệ giữa các yếu tố lịch sử. Trong khi đó, kỹ thuật trò chơi tạo ra môi trường học tập tích cực, kích thích hứng thú và tăng cường sự tham gia của HS. Sự kết hợp của ba kỹ thuật này cho phép tổ chức hoạt động luyện tập theo một tiến trình logic: từ tái hiện kiến thức (5W1H), đến hệ thống hóa (sơ đồ), và cuối cùng là củng cố, vận dụng (trò chơi).

Trong quá trình thiết kế hoạt động luyện tập cho *Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945* (2 tiết), GV trước hết cần xây dựng hệ thống câu hỏi định hướng theo mô hình 5W1H. Các câu hỏi này tập trung vào các nội dung trọng tâm của bài học như: bối cảnh lịch sử của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này (Why), các sự kiện và phong trào tiêu biểu (What), thời gian và địa điểm diễn ra (When, Where), lực lượng tham gia và lãnh đạo (Who), cũng như cách thức tổ chức và phát triển phong trào (How). Hệ thống câu hỏi không chỉ giúp HS ôn tập kiến thức mà còn đóng vai trò định hướng cho các hoạt động tiếp theo.

Trên cơ sở hệ thống câu hỏi, GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ xây dựng sơ đồ nhằm hệ thống hóa kiến thức. HS được chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm có nhiệm vụ thiết kế một sơ đồ tư duy với chủ đề trung tâm là quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn đã học. Các nhánh chính của sơ đồ được xác định dựa trên các nội dung lớn như: bối cảnh, diễn biến, lực lượng tham gia và ý nghĩa lịch sử. Trong từng nhánh, HS sử dụng từ khóa để trả lời các câu hỏi 5W1H, qua đó hình thành một cấu trúc kiến thức logic và dễ ghi nhớ. Trong quá trình thực hiện, các thành viên trong nhóm cần phân công nhiệm vụ rõ ràng, phối hợp để hoàn thiện sản phẩm chung.

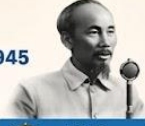
Sau khi hoàn thành sơ đồ, các nhóm tiến hành trình bày và giải thích sản phẩm của mình trước lớp. Đây là cơ hội để các em củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng trình bày và tư duy logic. Đồng thời, các nhóm khác có thể đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung, tạo ra môi trường học tập tương tác. GV đóng vai trò hướng dẫn, nhận xét và chuẩn hóa kiến thức, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm và mối liên hệ giữa các yếu tố lịch sử.

Để tăng cường hiệu quả củng cố và tạo không khí học tập sôi nổi, GV tiếp tục tổ chức hoạt động luyện tập dưới hình thức trò chơi. Trò chơi có thể được thiết kế dựa trên hệ thống câu hỏi 5W1H đã xây dựng, với các dạng như “Ô cửa bí mật”, “Rung chuông vàng” hoặc “Tiếp sức lịch sử”. Các câu hỏi được sắp xếp theo mức độ từ dễ đến khó, yêu cầu HS không chỉ tái hiện mà còn vận dụng kiến thức để trả lời. Trong quá trình tham gia trò chơi, HS làm việc theo nhóm, thảo luận nhanh và đưa ra đáp án, qua đó củng cố kiến thức một cách linh hoạt và hiệu quả.

Về cách thức tổ chức, GV cần hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện nhằm đảm bảo tính khoa học và hiệu quả của hoạt động. Trước hết, người dạy cần nêu rõ mục tiêu của hoạt động luyện tập và giới thiệu hệ thống câu hỏi 5W1H. Tiếp theo, GV chia nhóm, giao nhiệm vụ xây dựng sơ đồ và quy định thời gian thực hiện. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, hỗ trợ và điều chỉnh khi cần thiết. Sau khi hoàn thành, GV tổ chức cho các nhóm trình bày, nhận xét và chuyển sang hoạt động trò chơi để củng cố kiến thức. Cuối cùng, GV là người tổng kết, đánh giá và chuẩn hóa nội dung bài học.

KỸ THUẬT 5W1H
LUYỆN TẬP BÀI 8: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945





"Dân tộc ta đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, dân tộc ta phải được tự do! Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập!"

Hồ Chí Minh - 2/9/1945

	WHAT (LÀ GÌ?)	WHEN (KHI NÀO?)	WHERE (Ở ĐÂU?)	WHO (AI?)	WHY (VÌ SAO?)	HOW (NHƯ THẾ NÀO?)
? CÂU HỎI	Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là gì?	Cách mạng Tháng Tám năm 1945 diễn ra vào thời gian nào?	Cách mạng Tháng Tám 1945 diễn ra ở đâu?	AI là lực lượng lãnh đạo và lực lượng tham gia chính trong Cách mạng Tháng Tám 1945?	Vì sao nhân dân ta phải tiến hành Cách mạng Tháng Tám 1945?	Cách mạng Tháng Tám 1945 đã diễn ra và giành thắng lợi như thế nào?
✓ TRẢ LỜI NGẮN GỌN						

TRÒ CHƠI VẬN DỤNG 5W1H – CÙNG CỐ KIẾN THỨC
Chọn một trong các trò chơi sau để trả lời câu hỏi 5W1H về Cách mạng Tháng Tám năm 1945

1. Ô CỬA BÍ MẬT
- Chọn ô cửa chứa câu hỏi -

1	2	3	4
5	6	7	8
9	10	11	12

Mỗi ô cửa là một câu hỏi 5W1H. Trả lời đúng được điểm, sai nhường lượt.

2. RUNG CHUÔNG VÀNG
- Trả lời nhanh - Đúng là rung -



- Giáo viên đọc câu hỏi 5W1H.
- Học sinh suy nghĩ và giơ bảng.
- Trả lời đúng: ở lại.
- Trả lời sai: dừng cuộc chơi.
- Học sinh cuối cùng rung chuông là người chiến thắng!

3. TIẾP SỨC LỊCH SỬ
- Nhanh tay - Đúng ý - Về đích -



- Mỗi đội lần lượt trả lời câu hỏi 5W1H theo thứ tự.
- Trả lời đúng được quyền chuyển baton.
- Hoàn thành đủ 6 câu (5W1H) nhanh và đúng là thắng!

CÁCH THỨC TỔ CHỨC

- Chia tập thành 4 – 6 đội.
- Mỗi đội chọn hình thức thực.
- Các câu hỏi sắp xếp từ dễ đến khó.
- Vừa ăn tập, vừa vận dụng để giải quyết tình huống.

MỨC ĐỘ CÂU HỎI

★ ĐỄ (3 điểm)
Nhận biết – Tài kiến kiến thức
Ví dụ: Thời gian Cách mạng Tháng Tám 1945 diễn ra?

★★ TRUNG BÌNH (3 điểm)
Thông hiểu – Phân tích
Ví dụ: Vì sao nhân dân ta giành chính quyền trong tháng 8/1945?

★★★ KHÓ (5 điểm)
Vận dụng – Liên hệ thực tiễn
Ví dụ: Nếu không có sự lãnh đạo của Đảng, Cách mạng Tháng Tám có thể thành công không? Vì sao?

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

- Trả lời đúng nội dung (5 điểm)
- Trình bày rõ ràng, mạch lạc (5 điểm)
- Vận dụng, liên hệ thực tiễn tốt (2 điểm)

TỔNG ĐIỂM: 10 ĐIỂM

Hình 2.17. Mô tả hoạt động luyện tập sử dụng kỹ thuật 5W1H và trò chơi trong bài 8

Việc sử dụng kết hợp kỹ thuật trò chơi, sơ đồ và 5W1H trong hoạt động luyện tập mang lại nhiều hiệu quả tích cực. HS không chỉ được củng cố kiến thức một cách toàn diện mà còn phát triển năng lực tư duy hệ thống, khả năng hợp tác và kỹ năng trình bày. Đồng thời, sự đa dạng trong hình thức tổ chức giúp tăng cường hứng thú học tập và tạo động lực cho người học tham gia tích cực vào quá trình học tập. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao, GV cần chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung, thiết kế câu hỏi phù hợp và tổ chức hoạt động một cách hợp lý.

Tóm lại, việc vận dụng kết hợp các kỹ thuật trò chơi, sơ đồ và 5W1H trong thiết kế hoạt động luyện tập ở *Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945* là một hướng tiếp cận phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học. Phương

pháp này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả củng cố kiến thức mà còn phát triển năng lực toàn diện cho học sinh, đáp ứng yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2.1.1.4. Sử dụng kỹ thuật dạy học để thiết kế hoạt động vận dụng

Trong cấu trúc của tiến trình dạy học theo định hướng phát triển năng lực, hoạt động vận dụng giữ vai trò quan trọng nhằm giúp HS chuyển hóa kiến thức đã học thành năng lực thực tiễn. Nếu như hoạt động hình thành kiến thức và luyện tập chủ yếu giúp HS tiếp nhận và củng cố tri thức, thì hoạt động vận dụng hướng tới việc sử dụng kiến thức trong những tình huống mới, gắn với thực tiễn đời sống và nhận thức cá nhân.

Đối với dạy học lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945, các bài học (Bài 5, 6, 7, 8) đều tập trung vào tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam, do đó việc thiết kế hoạt động vận dụng cần đảm bảo giúp HS không chỉ hiểu mà còn biết liên hệ, đánh giá và vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn. Trong bối cảnh đó, việc kết hợp các kỹ thuật dạy học như trò chơi, sơ đồ, 5W1H và dạy học dự án là một giải pháp sư phạm phù hợp.

Về cơ sở lý luận, kỹ thuật 5W1H giúp HS tiếp cận vấn đề theo hệ thống câu hỏi logic, từ đó phát triển tư duy phân tích và tổng hợp; kỹ thuật sơ đồ hỗ trợ việc khái quát hóa và hệ thống hóa kiến thức; kỹ thuật trò chơi tạo môi trường học tập tích cực, kích thích hứng thú và tăng cường sự tham gia; trong khi đó, dạy học dự án tạo điều kiện cho HS vận dụng kiến thức vào các nhiệm vụ thực tiễn, qua đó hình thành năng lực toàn diện. Sự kết hợp các kỹ thuật này trong hoạt động vận dụng cho phép tổ chức một chuỗi nhiệm vụ học tập đa dạng, từ nhận thức đến hành động, từ cá nhân đến hợp tác.

Trong quá trình thiết kế hoạt động vận dụng, GV cần bắt đầu từ việc xây dựng hệ thống câu hỏi định hướng theo mô hình 5W1H. Các câu hỏi này không chỉ dừng lại ở việc tái hiện kiến thức mà hướng tới việc liên hệ và mở rộng, chẳng hạn như: những bài học lịch sử rút ra từ các sự kiện đã học là gì, các nhân vật lịch sử đã lựa chọn con đường cứu nước như thế nào, vì sao con đường đó là đúng đắn và những bài học đó có thể vận dụng như thế nào trong bối cảnh hiện nay. Hệ thống câu hỏi này đóng vai trò là nền tảng cho các hoạt động vận dụng tiếp theo.

Trên cơ sở hệ thống câu hỏi, GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ xây dựng sơ đồ nhằm hệ thống hóa và khái quát hóa kiến thức. HS được chia thành các nhóm và được yêu cầu thiết kế sơ đồ tư duy với chủ đề trung tâm là quá trình

phát triển của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn đã học. Các nhánh chính của sơ đồ thể hiện các nội dung như: bối cảnh lịch sử, các phong trào đấu tranh, vai trò của các tổ chức cách mạng và ý nghĩa lịch sử. Trong từng nhánh, HS vận dụng các câu hỏi 5W1H để làm rõ nội dung, qua đó hình thành một cấu trúc kiến thức logic và có khả năng liên hệ cao.

Tiếp theo, nhằm củng cố và mở rộng kiến thức, GV tổ chức hoạt động vận dụng dưới hình thức trò chơi. Các trò chơi được thiết kế dựa trên các tình huống có vấn đề hoặc câu hỏi mang tính vận dụng, yêu cầu HS không chỉ nhớ mà còn phải hiểu và áp dụng kiến thức để giải quyết. Ví dụ, HS có thể tham gia các trò chơi như “Tình huống lịch sử”, “Ai là nhà sử học” hoặc “Giải mã sự kiện”, trong đó các câu hỏi yêu cầu HS phân tích nguyên nhân, đánh giá ý nghĩa hoặc liên hệ bài học lịch sử với thực tiễn. Hình thức này giúp HS vận dụng kiến thức một cách linh hoạt và sáng tạo.

Ở mức độ cao hơn, GV tổ chức hoạt động vận dụng thông qua dạy học dự án. Đây là hình thức giúp HS gắn kiến thức lịch sử với thực tiễn đời sống, qua đó phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. GV có thể giao các nhiệm vụ dự án như: xây dựng video giới thiệu về một giai đoạn lịch sử, thiết kế poster tuyên truyền về vai trò của các tổ chức cách mạng, hoặc viết nhật ký dưới góc nhìn của một nhân vật lịch sử như Nguyễn Ái Quốc. Trong quá trình thực hiện, HS cần vận dụng kiến thức đã học để phân tích, lựa chọn thông tin và thể hiện quan điểm cá nhân. GV đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ và đánh giá sản phẩm của học sinh.

Về cách thức tổ chức, GV cần hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện hoạt động vận dụng. Trước hết, GV nêu rõ mục tiêu và yêu cầu của hoạt động, đồng thời giới thiệu hệ thống câu hỏi 5W1H. Tiếp theo, GV chia nhóm, giao nhiệm vụ xây dựng sơ đồ và thực hiện dự án. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, hỗ trợ và điều chỉnh khi cần thiết. Sau khi hoàn thành, HS trình bày sản phẩm, tham gia nhận xét và phản biện. Cuối cùng, GV tổng kết, đánh giá và nhấn mạnh ý nghĩa của việc vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn.

Ví dụ, khi dạy học *Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 - 1930* GV thiết kế hoạt động vận dụng phù hợp với năng lực HS có thể áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực có thể kể đến như: sơ đồ tư duy, dạy học dự án. GV trong phần vận dụng có thể sử dụng kỹ thuật dạy học dự án giúp các em kết hợp nghiên cứu và học trong sách giáo khoa. Ở tiết học này, GV có thể

yêu cầu các em “Sưu tầm tư liệu lịch sử từ sách, báo, internet, hình ảnh một số thanh niên tri thức đã tham gia tích cực vào phong trào dân tộc dân chủ (1918 - 1930)”. HS nhận nhiệm vụ và về nhà tìm hiểu có thể trình bày ở tiết học tiếp theo. Ngoài ra, các kỹ thuật khác như sơ đồ tư duy, trò chơi, nhóm ... đều có thể sử dụng thiết kế hoạt động vận dụng, tùy thuộc vào yêu cầu của bài và người GV.

Trong dạy học *Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, GV có thể kết hợp linh hoạt kỹ thuật dạy học trò chơi và kỹ thuật nhóm nhằm củng cố kiến thức, phát huy tính tích cực và nâng cao hứng thú học tập cho HS. Sau khi hoàn thành nội dung bài học, GV tổ chức trò chơi “Mảnh ghép lịch sử” bằng cách chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm nhận một bộ câu hỏi hoặc mảnh ghép liên quan đến quá trình Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. HS cùng nhau thảo luận, ghép các dữ kiện lịch sử phù hợp như thời gian thành lập Đảng, địa điểm tổ chức Hội nghị hợp nhất, vai trò của Nguyễn Ái Quốc hay nội dung chính của Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Trong quá trình tham gia trò chơi, các em được trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian quy định. Sau đó, đại diện từng nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét và bổ sung. GV tiến hành tổng kết, chuẩn hóa kiến thức và tuyên dương nhóm hoàn thành tốt nhất. Thông qua việc kết hợp kỹ thuật trò chơi với hoạt động nhóm, HS không chỉ ghi nhớ kiến thức lịch sử một cách tự nhiên mà còn được rèn luyện năng lực hợp tác, giao tiếp, tư duy và giải quyết vấn đề, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS.

Khi dạy học *Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1931*, GV có thể sử dụng kỹ thuật dạy học dự án nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức lịch sử của HS. Sau khi học xong bài, GV giao cho các nhóm thực hiện dự án với chủ đề “Xô viết Nghệ - Tĩnh - Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931”. Mỗi nhóm có nhiệm vụ tìm hiểu về nguyên nhân bùng nổ phong trào, diễn biến đấu tranh của công nhân và nông dân, sự hình thành chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh cũng như ý nghĩa lịch sử của phong trào đối với cách mạng Việt Nam. HS tiến hành phân công nhiệm vụ cho từng thành viên như tìm kiếm tư liệu, sưu tầm hình ảnh, thiết kế poster, xây dựng sơ đồ tư duy hoặc thực hiện video thuyết trình. Trong quá trình thực hiện dự án, các em chủ động khai thác thông tin từ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo và nguồn học

liệu phù hợp dưới sự hướng dẫn của GV. Sau thời gian thực hiện, các nhóm trình bày sản phẩm trước lớp thông qua hình thức thuyết trình hoặc triển lãm học tập. Các nhóm khác tham gia nhận xét, đặt câu hỏi và bổ sung ý kiến. GV đóng vai trò định hướng, nhận xét và chuẩn hóa kiến thức lịch sử. Việc sử dụng kỹ thuật dạy học dự án trong hoạt động vận dụng không chỉ giúp HS khắc sâu nội dung bài học mà còn góp phần phát triển năng lực tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề và khả năng vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn học tập.

Khi dạy học *Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945*, GV có thể sử dụng kỹ thuật dạy học dự án nhằm giúp HS củng cố kiến thức, phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử và nâng cao khả năng hợp tác trong học tập. Sau khi hoàn thành nội dung bài học, giáo viên giao cho HS thực hiện dự án với chủ đề “Hào khí Cách mạng tháng Tám năm 1945”. Theo đó, lớp được chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm tìm hiểu một nội dung như: hoàn cảnh lịch sử dẫn đến Tổng khởi nghĩa tháng Tám, diễn biến giành chính quyền ở Hà Nội, Huế và Sài Gòn, vai trò lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, hoặc ý nghĩa lịch sử của thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945. Các nhóm tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên như sưu tầm tranh ảnh, tìm kiếm tư liệu lịch sử, thiết kế poster, xây dựng sơ đồ tư duy hoặc thực hiện video thuyết trình. Trong quá trình thực hiện dự án, HS chủ động khai thác kiến thức từ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo và các nguồn học liệu phù hợp dưới sự hướng dẫn của GV. Sau thời gian thực hiện, các nhóm trình bày sản phẩm trước lớp thông qua hoạt động triển lãm, thuyết trình hoặc đóng vai tái hiện không khí Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Các nhóm khác tham gia nhận xét, trao đổi và bổ sung ý kiến. GV tiến hành tổng kết, đánh giá sản phẩm học tập và chuẩn hóa kiến thức lịch sử. Việc sử dụng kỹ thuật dạy học dự án trong hoạt động vận dụng không chỉ giúp học sinh ghi nhớ sâu sắc sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc mà còn góp phần bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và phát triển các năng lực học tập cần thiết cho HS THCS.

Việc sử dụng kết hợp các kỹ thuật trò chơi, sơ đồ, 5W1H và dạy học dự án trong hoạt động vận dụng mang lại nhiều hiệu quả tích cực. HS không chỉ được củng cố và mở rộng kiến thức mà còn phát triển năng lực tư duy, khả năng liên hệ thực tiễn và kỹ năng hợp tác. Đồng thời, các hình thức tổ chức đa dạng giúp tăng cường hứng thú học tập và tạo động lực cho HS tham gia tích cực vào quá trình học tập. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao, GV cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nội

dụng, phương tiện và cách thức tổ chức, đồng thời đảm bảo sự phù hợp với trình độ và điều kiện thực tế của HS.

Tóm lại, việc vận dụng các kỹ thuật dạy học để thiết kế hoạt động vận dụng trong dạy học lịch sử Việt Nam từ năm 1818 đến năm 1945 góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, giúp phát triển năng lực, phẩm chất HS, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.

2.1.2. Trong bài ngoại khoá

Nội dung của bài ngoại khoá làm phong phú, sâu sắc hơn những kiến thức lịch sử mà HS đã lĩnh hội trong giờ học nội khoá, nhất là những vấn đề lịch sử cơ bản, những sự kiện lớn, tiêu biểu của lịch sử thế giới, dân tộc hoặc lịch sử địa phương. Có nhiều hình thức hoạt động ngoại khoá khác nhau, tùy thuộc vào nội dung, ý tưởng, mục đích tổ chức, trình độ HS và thời gian tiến hành mà GV có thể sử dụng hình thức ngoại khoá phù hợp.

Khi dạy học Lịch sử Việt Nam giai đoạn từ năm 1918 đến năm 1930, GV có thể tổ chức hoạt động ngoại khoá với chủ đề “*Hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Ánh sáng dẫn lối dân tộc*”. Hoạt động này được thiết kế theo định hướng trải nghiệm - sáng tạo - hợp tác nhóm, đảm bảo tính logic của tiến trình nhận thức lịch sử từ khởi động, hình thành kiến thức đến củng cố và vận dụng. Việc kết hợp các kỹ thuật dạy học tích cực như trò chơi, 5W1H, sơ đồ tư duy và dạy học dự án không chỉ giúp HS tiếp cận tri thức một cách chủ động mà còn phát triển năng lực tư duy lịch sử, khả năng hợp tác và sáng tạo.

Trong tiết học thứ nhất, hoạt động khởi động được tổ chức thông qua trò chơi “*Dấu chân lịch sử*” nhằm tạo hứng thú học tập và kích hoạt kiến thức đã học của học sinh. Về bản chất, đây là hình thức học tập thông qua trải nghiệm, trong đó HS tham gia vào việc tái hiện tiến trình lịch sử bằng cách ghép nối các mảnh thông tin về thời gian, sự kiện và địa điểm. GV chuẩn bị hệ thống học liệu dưới dạng các mảnh ghép, sau đó tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Quá trình này diễn ra qua các bước: giao nhiệm vụ, thảo luận nhóm, trình bày kết quả và nhận xét. Thông qua hoạt động này, HS bước đầu hình thành biểu tượng về hành trình tìm đường cứu nước, đồng thời phát triển khả năng tư duy logic và phản xạ nhanh trong nhận diện sự kiện lịch sử.



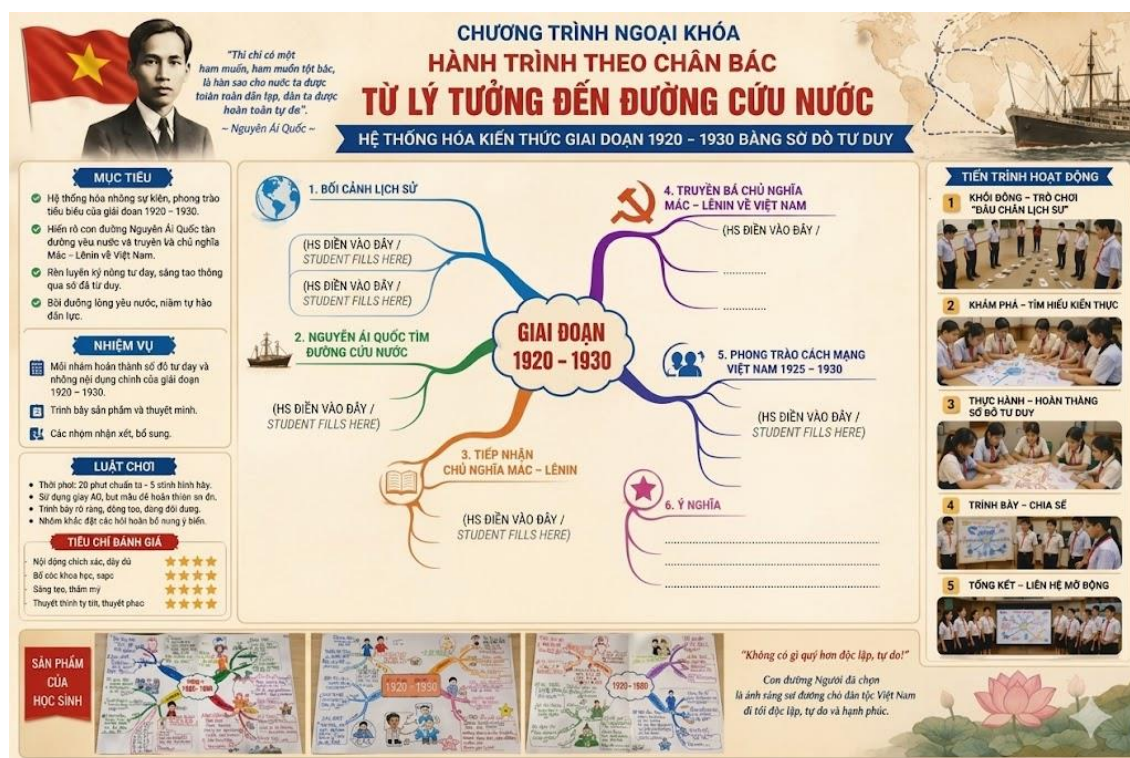
Hình 2.18. Mô tả thực hiện dạy học ngoại khóa có sử dụng kỹ thuật trò chơi

Tiếp theo, hoạt động hình thành kiến thức được triển khai bằng kỹ thuật 5W1H, giúp HS tiếp cận nội dung một cách hệ thống và toàn diện. GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao hệ thống câu hỏi theo các yếu tố: Who, Why, Where, When, What, How.

Mỗi nhóm có nhiệm vụ thảo luận, phân tích và tổng hợp thông tin để trả lời các câu hỏi, sau đó trình bày trước lớp. Quá trình này không chỉ giúp HS hiểu rõ về nhân vật Nguyễn Ái Quốc và hành trình hoạt động của Người trong giai đoạn 1911 - 1920 mà còn rèn luyện kỹ năng hợp tác, phân tích và trình bày. GV giữ vai trò định hướng, nhận xét và chuẩn hóa kiến thức, qua đó khẳng định vai trò lịch sử của Nguyễn Ái Quốc trong việc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Sang tiết học thứ hai, hoạt động sáng tạo được tổ chức thông qua kỹ thuật sơ đồ tư duy kết hợp với kỹ thuật nhóm nhằm hệ thống hóa kiến thức về giai đoạn 1912 - 1930. Đây là giai đoạn quan trọng đánh dấu sự trưởng thành về tư tưởng và tổ chức cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đặc biệt là quá trình chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. HS được chia nhóm và giao nhiệm vụ xây dựng sơ đồ tư duy với các nhánh chính thể hiện các mốc thời gian và sự kiện tiêu biểu. GV hướng dẫn cách xác định từ khóa, tổ chức cấu trúc sơ đồ và sử dụng yếu tố trực quan như màu sắc, hình ảnh. Sau khi hoàn thành, các nhóm trình bày sản

phẩm và tham gia nhận xét lẫn nhau. Hoạt động này giúp HS khái quát hóa kiến thức, nhận diện mối liên hệ giữa các sự kiện và nâng cao khả năng ghi nhớ.



Hình 2.19. Mô tả thực hiện dạy học ngoại khóa có sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy kết hợp nhóm

Bên cạnh đó, hoạt động trò chơi “Ô cửa bí mật lịch sử” được sử dụng như một hình thức củng cố kiến thức hiệu quả. Các câu hỏi trong trò chơi được thiết kế xoay quanh những nội dung trọng tâm như vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ý nghĩa của việc thành lập Đảng hay nội dung của tác phẩm “Đường Kách mệnh”. HS tham gia theo nhóm, thảo luận nhanh và đưa ra đáp án trong thời gian quy định. GV đóng vai trò điều phối, nhận xét và bổ sung kiến thức. Hoạt động này không chỉ giúp khắc sâu nội dung bài học mà còn tạo không khí học tập sôi nổi, kích thích tinh thần thi đua tích cực.

Trong tiết học thứ ba, hoạt động dạy học dự án được triển khai nhằm phát huy cao độ năng lực vận dụng và sáng tạo của HS. GV giao nhiệm vụ với chủ đề “Nguyễn Ái Quốc - Người mở đường cho cách mạng Việt Nam”, cho phép HS lựa chọn hình thức sản phẩm như video, kịch lịch sử, poster, báo tường hoặc nhật ký. Các nhóm HS tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể, từ nghiên cứu nội dung, thiết kế sản phẩm đến chuẩn bị thuyết trình. Quá trình thực hiện dự án đòi hỏi HS

phải vận dụng kiến thức đã học, đồng thời phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề.



Hình 2.20. Poster minh họa với chủ đề “Nguyễn Ái Quốc – Người mở đường cho cách mạng Việt Nam”

Khi báo cáo sản phẩm, mỗi nhóm trình bày kết quả trước lớp, kết hợp với phần nhận xét, đánh giá của GV và các nhóm khác. Tiêu chí đánh giá tập trung vào tính chính xác của nội dung lịch sử, mức độ sáng tạo và kỹ năng trình bày. Đây là giai đoạn quan trọng giúp HS củng cố kiến thức một cách sâu sắc và toàn diện. Cuối cùng, GV tổng kết, nhấn mạnh vai trò to lớn của Nguyễn Ái Quốc trong việc tìm ra con đường cứu nước, chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho cách mạng, cũng như thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, GV định hướng liên hệ

thực tiễn, giáo dục ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Như vậy, việc tổ chức hoạt động ngoại khóa theo hướng tích hợp nhiều kỹ thuật dạy học đã tạo ra một môi trường học tập tích cực, trong đó HS được tham gia chủ động vào quá trình nhận thức. Không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức lịch sử, mô hình này còn góp phần phát triển năng lực toàn diện cho học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Thực nghiệm sư phạm

Trên cơ sở tìm hiểu lý luận và thực trạng việc sử dụng kỹ thuật dạy học vào dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, cũng như việc đề xuất sử dụng một số kỹ thuật dạy học như kỹ thuật *mảnh ghép*, *sơ đồ tư duy*, *5W1H*, *nhóm*, *dạy học dự án*, *trò chơi* ... tác giả nghiên cứu đã tiến hành thực nghiệm sư phạm toàn phần để khẳng định tính khả thi của đề tài. Trên cơ sở đó, đưa ra một số đề xuất để GV tăng cường tổ chức dạy học bộ môn với các kỹ thuật dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS.

2.2.1. Mục đích của thực nghiệm

Tiến hành thực nghiệm sư phạm trong dạy có sử dụng một số kỹ thuật dạy học như: kỹ thuật trò chơi, sơ đồ tư duy, nhóm, 5W1H, khăn trải bàn, dự án để khẳng định tính khả thi của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học vào thực tiễn dạy học ở trường THCS tỉnh Ninh Bình mà đề tài đề xuất. trên cơ sở đó chỉ ra sự cần thiết phải vận dụng một số kỹ thuật dạy học trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2.2.2. Đối tượng, địa bàn, GV thực nghiệm

Đối tượng được chọn để dạy thực nghiệm là HS lớp 9 tại trường THCS Ninh Hải (phường Nam Hoa Lư) làm địa bàn thực nghiệm sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học phân môn Lịch sử 9.

2.2.3. Nội dung thực nghiệm

Tác giả đã tiến hành thực nghiệm trong học kỳ I, năm học 2025 - 2026. Nội dung thực nghiệm là Sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS. Bài dạy thực nghiệm " Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam".

2.2.4. Phương pháp thực nghiệm

Lớp được chọn gồm các lớp thực nghiệm và đối chứng tương đương nhau về sĩ số, năng lực nhận thức. HS tại các lớp thực nghiệm bao gồm các đối tượng khác nhau, gồm HS giỏi, khá, trung bình, yếu.

GV nhóm phân môn Lịch sử dạy thực nghiệm đều có trình độ chuyên môn vững, có thâm niên trong nghề từ 5 năm trở lên, có trách nhiệm, nhiệt tình và tự nguyện tham gia thực nghiệm.

Kế hoạch bài dạy thực nghiệm được xây dựng với việc sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực như mà đề tài đề xuất: kỹ thuật mảnh ghép, 5W1H, trò chơi, dự án, nhóm kết hợp với các phương pháp dạy học khác. Sau đó trao đổi với GV dạy thực nghiệm về quá trình thực nghiệm. Sau khi hai bên đã thống nhất về mục đích, kế hoạch, nội dung, phương pháp và phương tiện cụ thể, GV thực nghiệm sẽ tiến hành hoạt động dạy học của mình tại lớp thực nghiệm theo kế hoạch bài dạy thực nghiệm. Ở lớp đối chứng, GV vẫn dạy theo nội dung, PPDH thông thường, không sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS.

Khi tiến hành các giờ học thực nghiệm, tác giả dự giờ, quan sát hoạt động học tập của HS. Sau bài học, tác giả kiểm tra hoạt động nhận thức của HS thông qua bài kiểm tra ngắn, thu thập số liệu, xử lý kết quả.

Đánh giá về mặt định tính dựa vào các nguồn thông tin có được từ khảo sát thực tiễn, dự giờ, quan sát quá trình tổ chức dạy học của GV, hoạt động học tập của HS trong quá trình tiến hành thực nghiệm để đưa ra các kết luận. Đánh giá về mặt định lượng trên cơ sở kết quả của bài kiểm tra ngắn trên lớp sau giờ học để đánh giá.

2.2.5. Tiến hành thực nghiệm sư phạm

Căn cứ vào mục tiêu của việc dạy học với việc áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy phân môn Lịch sử ở trường THCS tại Ninh Bình, tác giả nghiên cứu kĩ chương trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, tiến hành xây dựng kế hoạch bài dạy thực nghiệm, giáo án dạy tại lớp đối chứng do GV dạy xây dựng. Sau khi thiết kế xong kế hoạch bài dạy lớp thực nghiệm, tác giả trao đổi, thống nhất về ý tưởng, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học với GV dạy thực nghiệm.

Lựa chọn lớp thực nghiệm và lớp đối chứng:

GV tiến hành hoạt động dạy học ở hai lớp (thực nghiệm và đối chứng) theo giáo án thực nghiệm và giáo án bình thường không sử dụng tài liệu về kỹ thuật dạy học.

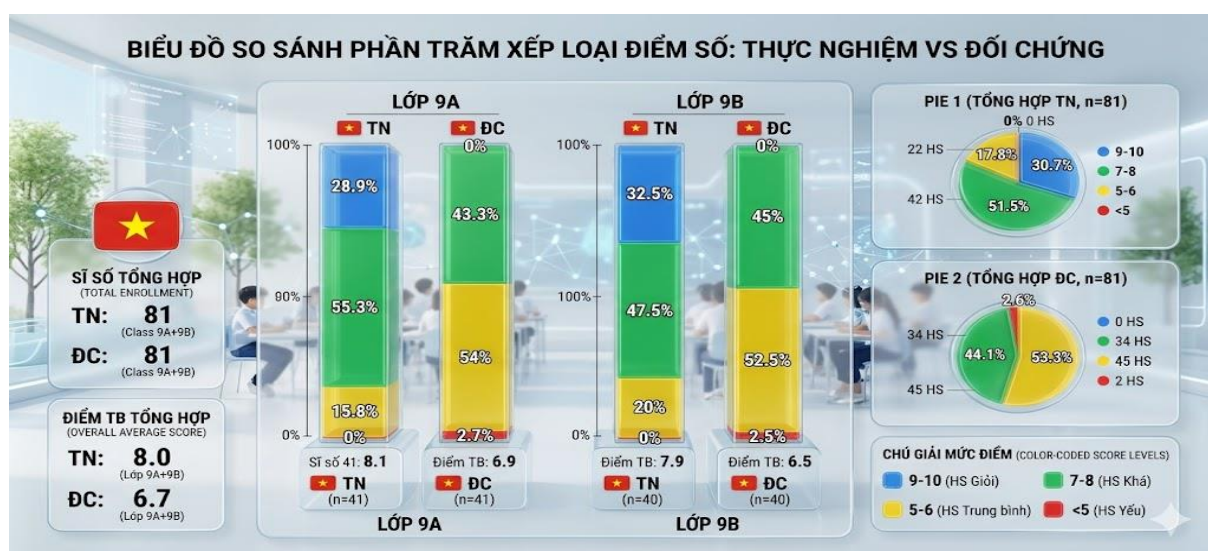
2.2.6. Kết quả thực nghiệm sư phạm

** Về mặt định lượng:*

Dựa vào kết quả thực nghiệm (TN) và đối chứng (ĐC) thông qua quá trình dạy học tại thực nghiệm tại trường THCS Ninh Hải, tác giả xếp HS thành các loại: giỏi (9 - 10 điểm), khá (7 - 8 điểm), trung bình (5 - 6 điểm), yếu (dưới 5 điểm). Cụ thể kết quả như sau:

Bảng 2.3. Thống kê kết quả dạy thực nghiệm sư phạm

Trường	Lớp	Số số	Số HS đạt các mức điểm/%								Điểm TB
			9-10		7-8		5-6		<5		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
9A	TN	41	9	28.9%		55.3%	6	15.8%	0	0%	8.1
	ĐC	41	0	0%	16	43.3%	20	54%	1	2.7%	6.9
9B	TN	40	13	32.5%	19	47.5%	8	20%	0	0%	7.9
	ĐC	40	0	0%	18	45%	21	52.5%	1	2.5%	6,5



Hình 2.21. Biểu đồ biểu thị kết quả thông kê dạy học thực nghiệm sư phạm

Kết quả trên cho thấy điểm từ 9 - 10, 7 - 8 ở các lớp thực nghiệm có số lượng và tỷ lệ % HS đạt điểm nhiều hơn đối chứng, điểm trung bình trên tổng số HS có sự chênh lệch dao động từ 1.2 điểm (9A) đến 1.4 điểm (9B). Tại các lớp thực nghiệm không có HS điểm dưới 5, trong khi tại hai lớp đối chứng đều có 01 HS bị điểm dưới 5, số HS đạt điểm ở mức từ 5 - 6 điểm nhiều hơn ở lớp thực nghiệm.

Như vậy, trên cơ sở phân tích kết quả định lượng tại lớp thực nghiệm có sử dụng một số PPDH tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử Chương 2. Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 cho thấy tỉ lệ điểm khá giỏi và điểm trung bình

của lớp thực nghiệm cao hơn so với lớp đối chứng.

** Về mặt định tính*

Ngoài việc phân tích định lượng ở trên, tác giả còn phân tích định tính. Trong quá trình GV dạy thực nghiệm, tác giả quan sát không khí lớp học, thái độ học tập của HS để đánh giá mức độ hứng thú, say mê; tính tự giác, tích cực, hợp tác của các em trong quá trình học tập ở cả hai lớp thực nghiệm và đối chứng. Trên cơ sở đó, tác giả nghiên cứu và rút ra một số nhận xét sau:

HS lớp đối chứng rất ngoan trong học tập, chăm chú nghe giảng nhưng sự tương tác trong các hoạt động học tập rất ít. HS nghe giảng, khi GV đặt câu hỏi thì cầm SGK để trả lời. Giờ học chủ yếu diễn ra trên cơ sở hỏi - đáp giữa GV và HS để lần lượt khai thác kiến thức theo dẫn dắt của GV. Mặc dù giờ học diễn ra theo các hoạt động từ khởi động, nghiên cứu kiến thức mới, luyện tập và vận dụng nhưng không khí lớp học không sôi nổi, HS ngoan nhưng trầm, chưa tích cực, giờ học diễn ra đều đều.

HS lớp thực nghiệm có tinh thần học tập sôi nổi, hào hứng khi mỗi nhiệm vụ học tập được GV đặt ra. Những nhiệm vụ được GV giao trước khi đến lớp HS đều hoàn thành. Lớp học sôi nổi, GV điều khiển, định hướng các hoạt động học tập của học sinh. HS chủ động lĩnh hội kiến thức trên cơ sở hướng dẫn, gợi mở của GV.

2.2.7. Một số kết luận sơ phạm

Từ thực tiễn khảo sát thực trạng việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học ở một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đồng thời qua việc quan sát, dự giờ, bài kiểm tra sau khi kết thúc giờ dạy thực nghiệm về việc tổ chức dạy học có sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử 9 tại Ninh Bình, tác giả nhận thấy:

So với các giờ học thông thường, việc tổ chức dạy học có sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 giúp bài học tránh được sự nhàm chán, giờ học sôi nổi, HS được hoạt động tích cực thông qua các hoạt động học tập ... Qua đó, góp phần bồi dưỡng năng lực và phẩm chất cho HS.

Như vậy, việc sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học lịch sử ở trường THCS có hiệu quả tích cực đối với việc học tập lịch sử của HS. Góp phần phát triển năng lực tìm hiểu, nhận thức và tư duy lịch sử, đồng thời rèn năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 tập trung nghiên cứu và đề xuất việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong xây dựng và thực hiện kế hoạch bài học cho chương “Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945”. Trên cơ sở vận dụng linh hoạt các kỹ thuật như trò chơi, sơ đồ tư duy, 5W1H, làm việc nhóm, mảnh ghép, dạy học dự án, nội dung chương đã được triển khai một cách có hệ thống theo cấu trúc bài học định hướng phát triển năng lực HS.

Thứ nhất, đề xuất chi tiết việc vận dụng các kỹ thuật dạy học vào bốn hoạt động cốt lõi của quá trình dạy học: (1) Khởi động, (2) Hình thành kiến thức, (3) Luyện tập và (4) Vận dụng. Mỗi hoạt động đều được gợi ý xây dựng dựa trên những kỹ thuật phù hợp với nội dung từng bài học, đảm bảo tính logic, khoa học và khả năng phát huy tính tích cực, chủ động của HS.

Thứ hai, bên cạnh các bài học nội khóa, nội dung của chương đã đề xuất thiết kế một hoạt động ngoại khóa với chủ đề “Hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Ánh sáng dẫn lối dân tộc”.

Thứ ba, tiến hành thực nghiệm sư phạm tại trường THCS Ninh Hải, Ninh Bình để khẳng định tính khả thi và hiệu quả của các đề xuất. Kết quả thực nghiệm cho thấy có sự chênh lệch giữa lớp thực nghiệm (có sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực) và các lớp đối chứng (dạy học theo phương pháp truyền thống).

Tóm lại, với việc đề xuất một số biện pháp sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực (kỹ thuật trò chơi, kỹ thuật sơ đồ tư duy, kỹ thuật 5W1H, kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật dạy học dự án, kỹ thuật nhóm ...) trong dạy học Lịch sử ở trường THCS và thực nghiệm sư phạm đã bước đầu khẳng định tính khả thi của đề tài.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong dạy học lịch sử, việc sử dụng các kỹ thuật dạy học là rất cần thiết giúp HS ghi nhớ lâu, nắm vững kiến thức và tránh nhàm chán trong quá trình tiếp thu tri thức. Trước hết, việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học như trò chơi, sơ đồ tư duy, 5W1H, làm việc nhóm, kỹ thuật mảnh ghép và dạy học dự án đã chứng minh tính phù hợp với đặc thù của môn Lịch sử, đặc biệt là với nội dung giàu sự kiện và mối quan hệ nhân quả của giai đoạn 1918 - 1945. Các kỹ thuật này không chỉ được tích hợp vào bốn hoạt động cốt lõi (khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng) mà còn tạo thành một quy trình dạy học logic, trong đó HS chuyển từ trạng thái tiếp nhận thụ động sang chủ động khám phá, hợp tác và kiến tạo tri thức.

Bên cạnh đó, khi tổ chức hoạt động ngoại khóa, GV có thể áp dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học dự án, nhóm, sơ đồ tư duy, mảnh ghép, trò chơi,... việc thiết kế hoạt động ngoại khóa theo chủ đề khác nhau gắn với nội dung bài học nhằm mở rộng không gian học tập, gắn kiến thức lịch sử với trải nghiệm thực tế, bồi dưỡng lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm công dân cho HS.

Từ kết quả thực nghiệm sư phạm tại trường THCS Ninh Hải đã bước đầu khẳng định hiệu quả của việc vận dụng các kỹ thuật vào dạy học Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945. Như vậy, có thể khẳng định rằng việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực không chỉ nâng cao chất lượng lĩnh hội kiến thức mà còn phát triển toàn diện năng lực tư duy lịch sử, năng lực hợp tác và năng lực vận dụng thực tiễn cho học sinh, đáp ứng đúng mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Kiến nghị

Đối với GV bộ môn, trong dạy học nói chung, dạy học phân môn Lịch sử nói riêng cần tăng cường sử dụng các các thuật dạy học kết hợp với các PPDH khác nhằm phát triển phẩm chất, năng lực HS. Có nhiều kỹ thuật dạy học tích cực, GV căn cứ vào nội dung bài học, thời lượng tiết học, đối tượng HS ... để lựa chọn kỹ thuật dạy học phù hợp, tránh lạm dụng hoặc sử dụng một cách hình thức, không hiệu quả.

Đối với tổ chuyên môn và nhà trường, thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, hội thảo, tập huấn về kỹ thuật dạy học tích cực. Khuyến khích GV áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực và ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng kế hoạch bài học.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Sách, báo cáo, luận án

1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2006), Quyết định số 16/2006/QĐ - BGDDT về đổi mới phương pháp dạy học.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), Lịch sử - Địa lí lớp 9, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quốc hội (2019), *Luật Giáo dục 2019* (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15), Hà Nội.
5. Nguyễn Lăng Bình, Đỗ Hương Trà (2021) “*Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*”, NXB Đại học Sư phạm.
6. Đinh Quang Báo (2015), “*Dạy học tích hợp - phát triển năng lực học sinh*”, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Côi (2006), “*Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*”, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Côi (CB), Trịnh Đình Tùng, Trần Viết Thụ (2011), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn lịch sử*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Cường (CB) (2015), “*Phương pháp dạy học phát triển năng lực*”, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Cường (CB), Bernd Meier (2016), “*Lý luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*”, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
11. Đặng Thành Hưng (2014), “*Phương pháp dạy học hiện đại*”, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
12. Trần Bá Hoành (2007), “*Đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông*”, NXB Giáo dục, Hà Nội.
13. Lê Huy Hoàng (2017), “*Một số vấn đề về hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông mới*”, Chuyên đề Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
14. Nguyễn Văn Lê (2010), “*Giáo trình Lý luận dạy học*”, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
15. Phan Ngọc Liên (2005), “*Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông*”, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

16. Phan Ngọc Liên (chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi (2009), *“Phương pháp dạy học lịch sử” tập I, II*, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
17. Nguyễn Thị Liên (CB) (2017), *“Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông”*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
18. TS. Trần Thị Ái Luyến, ThS. Nguyễn Thị Kim Anh (2024), *“Phương pháp dạy học tích cực - xu hướng của nền giáo dục hiện đại”*, Tập san Thông tin - Khoa học, số 2.
19. Nguyễn Thị Thanh Thúy (CB), Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Xuân Trường (2022) *“Tổ chức dạy học trải nghiệm trong phân môn Lịch sử và Địa lí THCS - Phần Lịch sử”*, NXB Dân Trí, Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Lan Phương (2016), *“Dạy học phát triển năng lực học sinh”*, NXB Giáo dục Việt Nam.
21. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Thúy Nga (2019), *Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử ở trường THPT Huỳnh Thúc Kháng Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
23. Tưởng Duy Hải (CB) (2019), *“Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Lịch sử”*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
24. Đinh Thị Kim Thoa, Bùi Ngọc Diệp (2017), *“Tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường trung học theo định hướng phát triển năng lực học sinh”*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
25. Trần Thị Thanh Thủy (CB), Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Văn Ninh (2016), *“Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh”* - Quyển 2, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
26. Trịnh Đình Tùng (CB) (2013), *“Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử”*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
27. Phạm Hồng Tung (Chủ biên) (2019), *“Hướng dẫn dạy học phân môn Lịch sử Trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông mới”*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
28. Phạm Hồng Tung, Nguyễn Viết Thịnh, Phan Ngọc Huyền, ... (2019), *“Hướng dẫn và dạy học phân môn Lịch sử và Địa lí trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông”*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
29. Phạm Viết Vượng (2012), *“Lý luận dạy học hiện đại”*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

30. Nghiêm Đình Vỳ (Chủ biên), (2018), "*Dạy học phát triển năng lực phân môn Lịch sử trung học cơ sở*", NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

II. Tài liệu điện tử

31. Hoatieu.vn, “Một số kỹ thuật dạy học tích cực ở tiểu học”, truy cập tại: <https://hoatieu.vn>. (truy cập ngày 20/1/2026).

32. SKKN.vn, “Một số biện pháp tổ chức trò chơi trong dạy học Lịch sử”, truy cập tại: <https://skkn.vn>. (truy cập ngày 12/12/2025).

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG VIỆC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC PHÂN MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THCS

(Phiếu dành cho giáo viên)

Kính gửi Quý Thầy (Cô)!

Hiện nay, tôi đang tiến hành nghiên cứu đề tài: “Sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học Chương 2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (Phân môn Lịch sử và Địa lí 9)”, với mong muốn thu thập dữ liệu về thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học nói chung, dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS nói riêng nhằm phát huy được năng lực, phẩm chất học sinh, đồng thời tạo cơ sở để giải quyết nhiệm vụ của đề tài. Tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ từ phía Quý Thầy (Cô) bằng việc hoàn thành thông tin và trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát.

Trân trọng cảm ơn Quý Thầy Cô!

Phần thông tin:

Họ và tên:

Trường THCS: phường/xã....., tỉnh Ninh Bình.

Thầy (cô) vui lòng đánh dấu x vào trước phương án trả lời đúng:

Câu 1. Thầy/Cô đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phân môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS nhằm phát huy được năng lực, phẩm chất học sinh?

☐ Rất cần thiết ☐ Cần thiết ☐ Bình thường ☐ Không cần thiết

Câu 2. Trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, Thầy/Cô sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực ở mức độ nào sau đây?

☐ Rất thường xuyên ☐ Thường xuyên ☐ Ít sử dụng ☐ Không sử dụng

Câu 3. Trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, Thầy/Cô thường sử dụng những kỹ thuật dạy học tích cực nào sau đây

☐ Kỹ thuật nhóm

☐ Kỹ thuật dạy học dự án

☐ Kỹ thuật sơ đồ tư duy

☐ Kỹ thuật khăn trải bàn

- ☐ Kỹ thuật 5W1H
- ☐ Kỹ thuật trò chơi
- ☐ Kỹ thuật mảnh ghép
- ☐ Kỹ thuật bể cá
- ☐ Kỹ thuật

Khác:.....

.....

.....

Câu 4. Theo Thầy/Cô, việc sử dụng các kỹ thuật dạy học trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS có tác dụng như thế nào đối với việc phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh?

- ☐ Rất hiệu quả ☐ Hiệu quả ☐ Ít hiệu quả ☐ Không hiệu quả

Câu 5. Theo Thầy/Cô, khi sử dụng các kỹ thuật dạy học trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS có những ý nghĩa nào sau đây?

- ☐ GV chưa nhuần nhuyễn một số kỹ thuật dạy học tích cực
- ☐ HS học tập tích cực, chủ động, sáng tạo
- ☐ HS nắm vững kiến thức
- ☐ Giờ học sôi nổi, hào hứng
- ☐ Tăng cường hợp tác trong học tập
- ☐ HS hiểu mối liên hệ giữa các sự kiện lịch sử
- ☐ Rèn khả năng tự tin trao đổi, thảo luận
- ☐ Phát triển năng lực hợp tác, làm việc nhóm
- ☐ Rèn luyện kỹ năng phân tích, tư duy logic
- ☐ Tăng cường khả năng tự học của học sinh

Ý kiến khác: :.....

.....

.....

Câu 6. Khi thực hiện các kỹ thuật dạy học trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, Thầy/Cô thường gặp những khó khăn nào sau đây?

- ☐ Thời gian tiết học không đủ để thực hiện các kỹ thuật dạy học
- ☐ Một số HS chưa có kỹ năng khi làm việc nhóm
- ☐ Một số HS lúng túng, chưa biết cách thực hiện

- ☐ Khả năng triển khai và trình bày vấn đề của một số HS hạn chế
- ☐ Hạn chế trong việc khai thác tư liệu, vẽ sơ đồ tư duy
- ☐ Khó khăn trong việc liên hệ và vận dụng kiến thức
- ☐ Trình độ, kỹ năng của HS chưa đồng đều

Khó khăn khác: :.....

Câu 7. Để việc tổ chức hoạt động dạy học tích cực vào dạy học lịch sử có hiệu quả, Thầy (Cô) có đề xuất gì?

.....

Xin trân trọng cảm ơn Quý Thầy (Cô)!

Phụ lục 2

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG VIỆC SỬ DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC PHÂN MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THCS

(Phiếu dành cho học sinh)

Kính gửi các em học sinh!

Hiện nay, tôi đang tiến hành nghiên cứu đề tài: “*Sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học Chương 2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (Phân môn Lịch sử và Địa lí 9)*”, để có cơ sở thực tiễn cho việc đánh giá tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học nói chung, dạy học phân môn Lịch sử lớp 9 nói riêng ở các trường THCS, xin các em vui lòng hoàn thành thông tin và trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát dưới đây.

Trân trọng cảm ơn các em!

Phần thông tin:

Họ và tên: HS lớp:.....

Trường THCS:, phường/xã:.....
tỉnh Ninh Bình.

Các em vui lòng đánh dấu x vào trước phương án trả lời đúng:

Câu 1. Trong học tập phân môn Lịch sử ở trường THCS, em được thực hiện các kỹ thuật dạy học tích cực ở mức độ nào sau đây?

☐ Rất thường xuyên

☐ Thường xuyên

☐ thỉnh thoảng

☐ Chưa từng tiếp cận

Câu 2. Trong học tập phân môn Lịch sử ở trường THCS, em đã từng được tham gia thực hiện những kỹ thuật dạy học nào sau đây?

☐ Kỹ thuật nhóm

☐ Kỹ thuật dạy học dự án

☐ Kỹ thuật sơ đồ tư duy

☐ Kỹ thuật khăn trải bàn

☐ Kỹ thuật 5W1H

☐ Kỹ thuật trò chơi

☐ Kỹ thuật mảnh ghép

☐ Kỹ thuật bể cá

☐ Kỹ thuật khác:.....

.....

.....

.....

Câu 3. Theo em, việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong học tập phân môn Lịch sử ở trường THCS có những ý nghĩa nào?

- ☐ Học tập tích cực, chủ động.
- ☐ Nắm vững kiến thức
- ☐ Giờ học sôi nổi, hào hứng
- ☐ Tăng cường hợp tác trong học tập
- ☐ Dễ nhớ kiến thức hơn
- ☐ Hiểu mối liên hệ giữa các sự kiện lịch sử
- ☐ Tự tin trao đổi, thảo luận
- ☐ Hợp tác tốt với các bạn

Ý kiến khác: :.....
.....

Câu 4. Khi thực hiện các kỹ thuật dạy học tích cực trong học tập phân môn Lịch sử ở trường THCS em thường gặp những khó khăn nào sau đây?

- ☐ Gặp khó khăn khi hợp tác làm việc nhóm
- ☐ Lúng túng, chưa biết cách thực hiện
- ☐ Chưa được hướng dẫn rõ ràng
- ☐ Thiếu kỹ năng trình bày và diễn đạt
- ☐ Hạn chế trong việc khai thác tư liệu
- ☐ Hạn chế trong kỹ năng vẽ sơ đồ tư duy
- ☐ Khó khăn trong việc liên hệ và vận dụng

Ý kiến khác: :.....
.....
.....

Câu 5. Để việc sử dụng các kỹ thuật dạy học trong học tập phân môn Lịch sử ở trường THCS có hiệu quả, em có đề xuất gì?

.....
.....
.....
.....

Xin trân trọng cảm ơn các em!

Phụ lục 3
BÀI 6. HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ SỰ THÀNH LẬP
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Môn : Lịch sử; lớp: 9

Thời gian thực hiện: (01 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930.

- Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

- + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh ...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930.

- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng; từ đó đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- + Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc tổ chức, hướng dẫn HS hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước: Bồi dưỡng cho HS lòng khâm phục, kính yêu đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và các chiến sĩ cách mạng; củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Trách nhiệm: Học hỏi lí tưởng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc và các nhà yêu nước, cách mạng Việt Nam. Rút ra bài học cho bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch bài dạy word và powerpoint theo phát triển năng lực học sinh
- Một số tư liệu có liên quan: video, phim tư liệu, hình ảnh...
- Máy tính/ máy chiếu/ Tivi...
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS. Giúp HS có được tâm thế thoải mái và bước đầu tạo ra tình huống có vấn đề. Từ đó GV dẫn dắt cho HS đi vào tìm hiểu bài mới.

b) **Nội dung:** HS hoàn thành sơ đồ tư duy về “hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1890 - 1917”.

c) **Sản phẩm:**

HOẠT ĐỘNG: HOÀN THIỆN SƠ ĐỒ TƯ DUY

HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN 1890 – 1917
(Từ khi ra đi tìm đường cứu nước đến khi tìm ra con đường cứu nước đúng đắn)

1. RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

2. NHỮNG HOẠT ĐỘNG Ở NƯỚC NGOÀI

3. GỬI YÊU SÁCH ĐẾN HỘI NGHỊ VÉCXAI (1919)

4. TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC MỚI

5. THAM GIA SÁNG LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

6. VỀ NƯỚC TRỰC TIẾP LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG

HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC 1890 – 1917

Ý NGHĨA

NHIỆM VỤ CỦA HỌC SINH

MỤC TIÊU

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
Chọn đáp án đúng để điền vào ô trống (1) → (6)

1.?
2.?
3.?
4.?
5.?
6.?

d) **Tổ chức thực hiện:**

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Em hãy quan sát sơ đồ sau và điền những nội dung còn thiếu để tạo thành sơ đồ hoàn chỉnh.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Hoạt động cá nhân hoặc chia lớp thành các nhóm. HS tư duy trên cơ sở quan sát hình ảnh kết hợp với các thông tin gợi ý của GV và thực hiện nhiệm vụ học tập GV yêu cầu.

* Báo cáo sản phẩm

+ GV gọi 1 - 3 học sinh đại diện cho các nhóm chia sẻ trước lớp

* Nhận xét, đánh giá và kết luận

Trên cơ sở GV nhận xét và dẫn dắt học sinh vào bài: Từ sự kiện năm 1911, Nguyễn Ái Quốc đã trải qua một quá trình hoạt động lâu dài và bền bỉ để tìm ra con đường cứu nước của dân tộc. Những bước chân vĩ đại của Nguyễn Ái Quốc, người đã dẫn dắt dân tộc Việt Nam trên con đường cách mạng. Chính những bước chân kiên định ấy đã đặt nền móng cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, mở ra trang sử mới cho đất nước. Vậy hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam như thế nào cô trò chúng ta cùng lên chuyến tàu hành trình khám phá nào các em.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1918 đến năm 1930

a) Mục tiêu

- Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930.

b) Nội dung:

- HS thông qua khai thác học liệu mục 1 sách giáo khoa trang 26 - 27, suy nghĩ, thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung kiến thức cơ bản
<i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i> - Nhiệm vụ 1: HS tham gia kỹ thuật mảnh ghép Bước 1: Thành lập nhóm chuyên gia	1. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1918 đến năm 1930.

GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm nhận một “mảnh thông tin” về Nguyễn Ái Quốc: Nhóm 1: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp Nhóm 2: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô Nhóm 3: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc Nhóm 4: Vai trò đối với cách mạng Việt Nam Bước 2: Thảo luận nhóm chuyên gia HS: - Đọc nhanh SGK hoặc thông tin GV cung cấp - Thống nhất câu trả lời ngắn gọn - Hoàn thành phiếu học tập Bước 3: Thành lập nhóm mảnh ghép GV yêu cầu: - Mỗi nhóm mới gồm các thành viên từ 4 nhóm khác nhau Trong nhóm mới: - Mỗi học sinh chia sẻ “mảnh thông tin” của mình - Cả nhóm ghép lại thành bức tranh hoàn chỉnh về sự kiện Bước 4: Báo cáo – hình thành vấn đề học tập - Đại diện nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét bổ sung Bước 5: Kết luận của giáo viên Giáo viên hệ thống: - Từ 1918 - 1930, Nguyễn Ái Quốc: + Tìm ra con đường cứu nước mới đúng đắn + Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin + Chuẩn bị tư tưởng, tổ chức	* Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp - 1919: gia nhập Đảng Xã hội Pháp. - 6 - 1919: gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam tới Hội nghị Véc -xai. - Tháng 7 - 1920: đọc Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin → tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc – đi theo con đường cách mạng vô sản. - 12 - 1920: tham dự Đại hội Tua, bỏ phiếu tán thành Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản, tham gia
---	---

Nhiệm vụ 1

Nhiệm vụ 2

Tài liệu khoảng khắc lịch sử

Thời gian:

Hình ảnh cho em hiểu đúng thông tin gì về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

Huân chương:

Huân chương:

Nhóm:

Ghi chép sau hoạt động

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Những kiến thức mà em học được thông qua việc tái hiện của các nhóm			
Cách giải thích mới của em về hoạt động của NAQ			
Nhận xét cho nhóm bạn			

*** Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS khai thác thông tin sgk, tư liệu, kênh hình, để thực hiện nhiệm vụ học tập. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng những câu hỏi gợi mở. GV cần theo dõi để có những định hướng kịp thời.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm khác lắng nghe góp ý, bổ sung..
- Các nhóm HS trình bày kết quả trước lớp. GV định hướng để các nhóm rút ra được vai trò của Nguyễn Ái Quốc: Tại Pháp, Người đã tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam đó là con đường cách mạng vô sản. Tại Liên Xô, Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về trong nước thông qua việc viết bài cho tạp chí, báo. Tại Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc thành lập và lãnh đạo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chuẩn bị điều kiện thành lập chính đảng vô sản.

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong "Dự kiến, sản phẩm" để đánh giá sản phẩm của HS.

→ GV chuẩn xác hóa kiến thức (ND kiến thức cơ bản

thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Năm 1921: cùng một số nhà cách mạng các nước thuộc địa Pháp lập ra Hội Liên hiệp thuộc địa.
- Năm 1922: là Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ.

*** Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Liên Xô**

- Tháng 10 - 1923: được bầu vào Hội đồng Quốc tế Nông dân.
- Tháng 6 - 1924: tham luận tại Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.
- Từ năm 1923 đến năm 1924: viết bài cho tạp chí Thư tín quốc tế, báo Sự thật....

*** Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Trung Quốc**

- Từ năm 1925 đến năm 1927: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, xuất bản báo Thanh niên; mở lớp huấn cán bộ cách mạng
- Tháng 7 - 1925: tham gia sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức.
- Đầu năm 1927: Tác phẩm Đường Kách mệnh gồm được xuất bản.

- GV có thể mở rộng thêm: Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm HS trình bày quan điểm: Theo em, sự kiện nào đánh dấu sự chuyển biến quan trọng về tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc? + Nhiệm vụ 2: GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS xây dựng lí lẽ thuyết phục để xây dựng, bảo vệ quan điểm. Ví dụ, sự kiện quan trọng nhất được đề nghị là: Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V. I. Lênin đăng trên báo Nhân đạo (7 - 1920). Lí do: đây là sự kiện đánh dấu bước nhảy vọt trong quá trình chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Từ một người yêu nước, ra đi tìm đường cứu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành một người công sản. Sau đó GV chuyển tiếp sang mục 2: Những hoạt động tích cực và không ngừng nghỉ của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1918 đến năm 1930 đã tạo nền tảng vững chắc cho phong trào cách mạng Việt Nam. Đỉnh cao của những nỗ lực ấy chính là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, mở ra trang sử mới cho dân tộc vào năm 1930. Vậy sự thành lập Đảng cộng sản như thế nào cô trò chúng ta cùng tiếp tục hành trình khám phá ở mục 2 nhé.	- Từ giữa năm 1927 đến cuối năm 1929 hoạt động cách mạng tại Pháp, Bỉ, Đức, Xiêm, ... trước khi quay trở lại Trung Quốc triệu
--	--

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

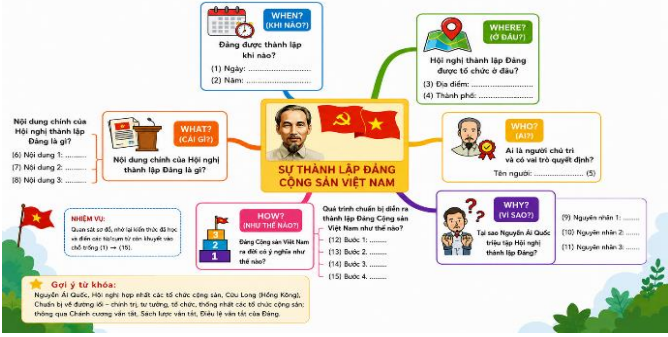
a) Mục tiêu:

- Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Nội dung: Dựa vào thông tin SGK trang 28 em hãy hoàn thành phiếu học tập về sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam

c) Sản phẩm học tập: Hoàn thành phiếu học tập

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	ND kiến thức cơ bản
* Chuyển giao nhiệm vụ - Hoạt động cặp đôi: Dựa vào thông tin sách giáo khoa trang 28, 29 em hãy hoàn thành phiếu học tập 5W1H kết hợp sơ đồ tư duy về sự ra đời của Đảng cộng sản ở Việt Nam? Why: Tại sao Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị thành lập Đảng? When: Đảng được thành lập khi nào? Where: Hội nghị thành lập Đảng được tổ chức ở đâu? Who: Ai là người chủ trì và có vai trò quyết định? What: Nội dung chính của Hội nghị thành lập Đảng là gì? How: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có ý nghĩa như thế nào?  * Thực hiện nhiệm vụ + HS khai thác thông tin sgk, tư liệu, kênh hình, để thực hiện nhiệm vụ học tập. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng những câu hỏi gợi mở. GV cần theo dõi để có những định hướng kịp thời. * Báo cáo kết quả hoạt động	2. Sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam a. Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản. - Do sự ra đời và hoạt động riêng lẻ của 3 tổ chức cộng sản. Trước yêu cầu đó, Nguyễn Ái Quốc với tư cách là thành viên của Quốc tế Cộng sản đã triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Hương Cảng (Trung Quốc) vào đầu năm 1930. b. Hội nghị thành lập Đảng cộng sản - Hội nghị đã thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo; định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;... * Hội nghị có ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng. Các văn kiện được thông qua tại

- Cá nhân / Đại diện các cặp đôi trình bày. Các cặp đôi khác lắng nghe góp ý, bổ sung.. <i>* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV dựa vào các nội dung được trình bày trong để đánh giá sản phẩm của HS. → GV chuẩn xác hóa kiến thức (nội dung kiến thức cơ bản) GV có thể mở rộng: GV cho HS làm việc cá nhân nêu quan điểm: Theo em việc ba tổ chức cộng sản ra đời cho thấy điều gì? Gợi ý: Ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời trong năm 1919 đã chứng tỏ sự trưởng thành của giai cấp công nhân và là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến cuối năm 1929, ba tổ chức cộng sản được thành lập ở Việt Nam khẳng định hệ tư tưởng cộng sản đã chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc. Tính độc lập của phong trào công nhân cùng sự tồn tại của các tổ chức cộng sản là những dấu hiệu chứng tỏ cuộc vận động cách mạng đang trưởng thành, đó là điều kiện cốt yếu để tổ chức ra Đảng Cộng sản. Sau đó GV chuyển tiếp: Sau khi các em đã lĩnh hội những kiến thức cơ bản của bài học, chúng ta sẽ chuyển sang phần luyện tập để củng cố và áp dụng những gì đã lĩnh hội nào.	Hội nghị trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, đề ra đường lối cơ bản cho cách mạng Việt Nam.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

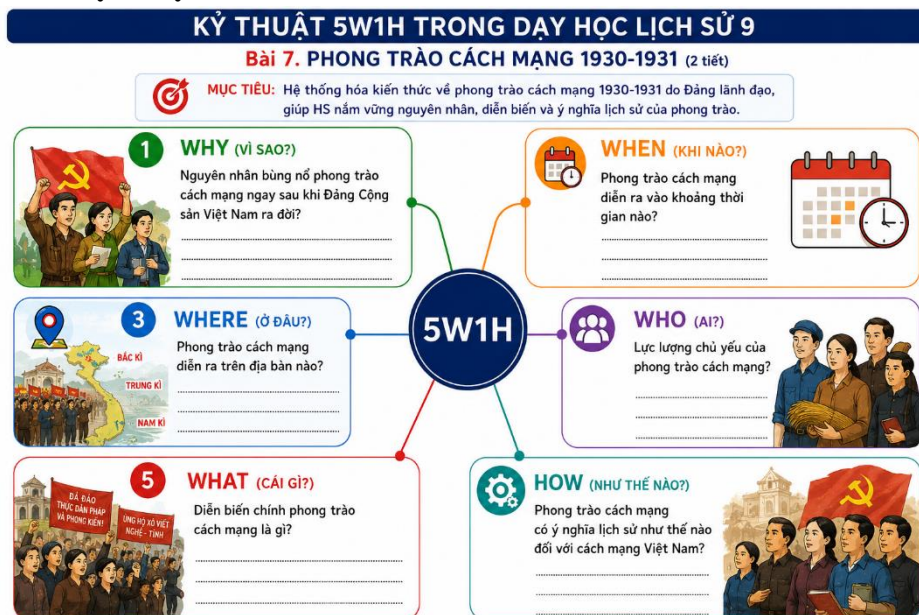
- Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức
- Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.

b) Nội dung: bằng kiến thức đã được lĩnh hội để thực hiện nhiệm vụ học tập thông qua câu hỏi có sử dụng kỹ thuật 5W1H và hoàn thành sơ đồ tư duy.

c) **Sản phẩm:** Trả lời các câu hỏi của GV

d) **Tổ chức thực hiện:**

- Chuyển giao nhiệm vụ



* Thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động cá nhân

* Báo cáo

- GV gọi HS trình bày

* Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét tinh thần tham gia tích cực, sôi nổi hay không, thái độ, hành động của HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập. Và chuẩn xác hóa nội dung câu trả lời của Hs.

→ GV chuyển tiếp: sau khi đã hoàn thành phần luyện tập, chúng ta sẽ chuyển sang phần vận dụng để áp dụng những kỹ năng và kiến thức đã học vào các tình huống thực tế.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (HS làm ở nhà nộp qua Zalo....)

a) **Mục tiêu**

- HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập.

b) **Nội dung**

- Suru tầm tranh ảnh, tìm kiếm tư liệu lịch sử, thiết kế poster xây dựng sơ đồ tư duy hoặc thực hiện video thuyết trình về phong trào 1930 - 1931.

c) **Sản phẩm**

- Sơ đồ tư duy hoặc video về phong trào 1930 - 1931.

d) Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bài tập dự án: sưu tầm các tranh ảnh, tìm kiếm tư liệu lịch sử, thiết kế poster, xây dựng sơ đồ tư duy hoặc thực hiện video thuyết trình.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân/ Nhóm ở nhà

* Báo cáo sản phẩm

- Nộp sản phẩm qua zalo...

* Nhận xét, đánh giá: Trong tiết học hôm sau

5. Kiến thức bổ trợ

a. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc (1918 - 1930)

“Hồi đó, nước chúng tôi đang ở dưới ách chủ nghĩa thực dân Pháp, bị bóc lột ghê gớm và khổ sở vô cùng. Tôi biết rất ít về các vấn đề chính trị, nhưng tôi muốn Tổ quốc tôi được giải phóng, các dân tộc thuộc địa được giải phóng... Tôi chưa biết đảng là gì, công đoàn là gì, càng không rõ chủ nghĩa xã hội khác với chủ nghĩa cộng sản ở chỗ nào. Nhưng có những “ông bà” - lúc đầu tôi gọi các đồng chí trong Đảng Xã hội như thế - đã tỏ ý đồng tình với tôi. Vì vậy, tôi tham gia Đảng Xã hội”.

b. Về tờ báo Thanh niên

Nhận xét về tờ báo Thanh niên, tên trùm mật thám Pháp Mác-ti đã phải thừa nhận sự thất bại trong việc kiểm soát, ngăn chặn việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác Lê-nin vào Việt Nam thông qua tờ báo: “Điều đáng chú ý là báo Thanh niên đã được những hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đọc. Nhiều người đã chịu khó chép nhiều lần để phổ biến rộng rãi. Vì vậy tuy số lượng bản in ít, báo vẫn có kết quả rộng lớn. Tờ báo là vũ khí cho đảng viên đi vào hoạt động có tổ chức, tập hợp lực lượng xung quanh đường lối tờ báo truyền ra. Báo càng có tác dụng tuyên truyền thì lại càng có tác dụng tổ chức, tác dụng chủ yếu ở chỗ thống nhất tinh thần cách mạng, làm nền tảng vững chắc nhất cho sự đoàn kết nhất trí trong một đoàn thể... Báo Thanh niên đem lại cho thế hệ thanh niên, công nhân, nông dân Việt Nam thời đó một thế giới quan mới, một nhân sinh quan mới, một phương pháp tư duy mới, một chủ nghĩa anh hùng mới, góp phần mở đầu sự nghiệp đổi mới tư tưởng chính trị, phương pháp cách mạng và phong cách báo chí của Việt Nam”.

(Theo Song Thành, Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu 1924 - 1927, NXB Chính trị quốc gia, 1998, tr.118 - 120)

c. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930)

Ngày 27 – 10 - 1929, Ban Bí thư các nước phương Đông soạn thảo một bản Chỉ thị về “Việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương” để gửi cho các nhóm cộng sản ở Việt Nam. Bản Chỉ thị gồm 11 điểm, trong đó nêu rõ tính cấp thiết, sự chín muồi cũng như cách thức thành lập ra một Đảng Cộng sản. Bản Chỉ thị có đoạn: “Cho tới nay, quá trình thành lập một Đảng Cộng sản là rất chậm chạp so với sự phát triển của phong trào cách mạng ở Đông Dương. Việc thiếu một Đảng Cộng sản duy nhất trong lúc phong trào quần chúng công nhân và nông dân ngày càng phát triển, đã trở thành một điều nguy hiểm vô cùng cho tương lai trước mắt của cuộc cách mạng ở Đông Dương. Cho nên, những sự do dự và ngập ngừng mà một số nhóm đã biểu hiện trong vấn đề thành lập ngay một Đảng Cộng sản là hoàn toàn sai lầm. Nhưng việc chia rẽ của các phân tử và các nhóm cộng sản trong thời gian vừa qua lại còn nguy hiểm hơn và càng không thể dung thứ được. Sự chia rẽ giữa các nhóm cộng sản và cuộc đấu tranh giữa các nhóm đó là nguy cơ tai hại nhất cho toàn bộ phong trào cách mạng ở Đông Dương. Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương”.

(Theo Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia, 2012, tr. 614)

d. Bản Yêu sách của nhân dân An Nam

Bản yêu sách tác động mạnh mẽ đến người Việt Nam trong nước và nước ngoài. Một người Việt Nam dùng cảm với tên gọi Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên dám đưa vấn đề chính trị của Việt Nam ra quốc tế, "đòi" cho Việt Nam có những quyền lợi cơ bản chính đáng, thiết thực. Đây là dấu hiệu mới của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trên đường đi tới độc lập dân tộc.

(Theo Song Thành (Chủ biên), Hồ Chí Minh tiểu sử, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010)

e. Những bài viết của Nguyễn Ái Quốc trên báo Người cùng khổ (Le Paria)

Nội dung các bài viết của Nguyễn Ái Quốc trên báo Le Paria tập trung vạch trần những tội ác của chủ nghĩa thực dân, cho người đọc thấy rõ: chủ nghĩa thực dân ở đâu cũng man rợ, tàn bạo và người dân các nước thuộc địa ở đâu cũng bị tước hết mọi quyền tự do, quyền sống, ... Từ chỗ giúp người đọc nhận thức được mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và các dân tộc bị áp bức là không thể điều hoà, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra con đường duy nhất để có tự do là phải đứng lên đấu

tranh tự giải phóng; phải thực hiện "đoàn kết giai cấp" giữa những người bị bóc lột, đồng thời với thực hiện đoàn kết quốc tế. Những bài viết của Nguyễn Ái Quốc trên báo Le Paria còn kêu gọi nước Pháp chân chính đồng tình và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước thuộc địa.

(Theo Song Thành (Chủ biên), Hồ Chí Minh tiểu sử, Sdd)